

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN, MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0200253985 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/01/2005, thay đổi lần thứ 30 ngày 24/12/2020)



SeABank

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số 888/SGDHCM-QĐ do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 12 năm 2020)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á:

Địa chỉ : Số 25 Trần Hưng Đạo, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
Điện thoại : (84-24) 39448688 Fax: (84-24) 39448689 Website: <https://seabank.com.vn/>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN:



ASEAN SECURITIES

Địa chỉ : Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84-24) 6275 3844 Fax: (84-24) 6275 3816 Website: <http://www.aseansc.com.vn>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Khúc Thị Quỳnh Lâm Số điện thoại: 024 3944 8688 (ext: 5016)
Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, tháng 12/2020

NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0200253985 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/01/2005, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 24/12/2020)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu:	SSB
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng niêm yết:	1.208.744.208 cổ phiếu (Một tỷ hai trăm linh tám triệu bảy trăm bốn mươi tư nghìn hai trăm linh tám cổ phiếu)
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá):	12.087.442.080.000 đồng (Mười hai nghìn không trăm tám mươi bảy tỷ bốn trăm bốn mươi hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng)

1. Tổ chức tư vấn:



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

Địa chỉ: Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6275 3844

Fax: (84-24) 6275 3816

Website: <http://www.aseansc.com.vn>

2. Tổ chức kiểm toán:

Đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018 và 2019:

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 6288 3568

Fax: (84-24) 6288 5678

Website: www.deloitte.com/vn

Đơn vị soát xét BCTC bán niên năm 2020:

CÔNG TY TNHH KPMG

Địa chỉ: Tầng 46, tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, tòa nhà 72 tầng, lô E6, đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, P. Mỹ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3946 1600

Fax: (84-24) 3946 1601

Website: www.kpmg.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÃN TỐ RỦI RO	8
1. Rủi ro về kinh tế.....	8
1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế.....	8
1.2. Lạm phát.....	9
1.3. Rủi ro về lãi suất	9
1.4. Rủi ro về tín dụng.....	11
1.5. Rủi ro về ngoại hối	13
1.6. Rủi ro thanh toán.....	14
2. Rủi ro về luật pháp.....	15
3. Rủi ro về ngành.....	16
4. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu	17
5. Rủi ro khác	17
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẢN CÁO BẠCH.....	21
1. Tổ chức đăng ký niêm yết	21
2. Tổ chức tư vấn.....	21
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT	22
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	23
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	23
1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký niêm yết.....	23
1.2. Quá trình hình thành và phát triển	24
1.3. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của SeABank.....	37
2. Cơ cấu tổ chức của SeABank.....	40
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của SeABank.....	41
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của SeABank; Danh sách cổ đông sáng lập và cơ cấu cổ đông tại thời điểm 09/11/2020.....	43
4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của SeABank	43
4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ của SeABank.....	44
4.3. Cơ cấu cổ đông sở hữu ngân hàng tại 09/11/2020	44
5. Danh sách những công ty mẹ, công ty con của SeABank, những công ty mà SeABank đang nắm giữ quyền kiểm soát, hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với SeABank	44
5.1. Danh sách công ty mẹ của SeABank: Không có.....	44
5.2. Danh sách công ty con.....	45
5.3. Những công ty mà SeABank đang nắm giữ quyền kiểm soát, hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với SeABank	46
6. Hoạt Động Kinh Doanh	46
6.1. Hoạt động kinh doanh chính	46
6.1.1. Sản phẩm dịch vụ và chất lượng sản phẩm dịch vụ.....	46
6.1.2. Huy Động Vốn.....	51
6.1.3. Hoạt Động Tín Dụng	54

6.1.4. Hoạt động Kinh doanh ngoại tệ	59
6.1.5. Hoạt động dịch vụ khác.....	60
6.1.6. Hoạt động đầu tư	62
6.2. Quản lý rủi ro và an toàn vốn.....	64
6.2.1. Quản lý rủi ro.....	64
6.2.2. Các Quy Định Về Bảo Đảm An Toàn và Giám Sát.....	69
6.2.3. Các quy định về bảo đảm an toàn	69
6.2.4. Hệ thống thông tin quản lý	72
6.3. Thị trường hoạt động:	73
6.3.1. Mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch.....	73
6.3.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng	75
6.3.3. Thị phần và khả năng cạnh tranh	77
6.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đã và đang thực hiện	78
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của SeABank trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến Quý gần nhất	82
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của SeABank trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến Quý gần nhất	82
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của SeABank trong năm báo cáo	88
8. Vị thế của SeABank trong ngành Ngân hàng	90
8.1. Vị thế cạnh tranh và tiềm năng phát triển	90
8.2. Triển vọng phát triển của ngành	96
8.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các Ngân hàng tại Việt Nam.....	99
8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của SeABank với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.....	99
9. Chính sách đối với người lao động	101
9.1. Số lượng và cơ cấu (theo trình độ) người lao động trong Ngân hàng	101
9.2. Chính sách lương, thưởng và phúc lợi.....	102
9.3. Phát triển nguồn lực.....	103
9.4. Chính sách đào tạo phát triển	104
9.5. Chương trình lựa chọn cho người lao động	106
10. Chính sách cổ tức.....	106
11. Tình hình tài chính	106
12. Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm Soát và Kế Toán Trưởng.....	108
12.1. Hội Đồng Quản Trị	108
12.2. Ban Tổng Giám đốc	116
12.3. Ban Kiểm soát.....	123
12.4. Kế toán trưởng.....	126
13. Tài sản cố định	126
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	131
14.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	131

14.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên	132
14.3. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua	133
14.4. Kế hoạch tăng vốn điều lệ	134
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	134
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	134
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới SeABank mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	135
18. Thông tin khác.....	135
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	136
1. Loại chứng khoán	136
2. Mệnh giá.....	136
3. Tổng số chứng khoán niêm yết.....	136
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết.....	136
5. Xếp hạng tín nhiệm	140
6. Phương pháp tính giá	141
6.1. Phương pháp giá trị sổ sách mỗi cổ phần (BVPS).....	142
6.2. Phương pháp so sánh giá cổ phần trên thu nhập bình quân mỗi cổ phần (P/E).....	142
6.3. Phương pháp so sánh giá cổ phần trên giá trị sổ sách mỗi cổ phần (P/B)	143
6.4. Tổng hợp kết quả.....	144
6.5. Giá tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên.....	144
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	144
8. Các loại thuế có liên quan.....	145
8.1. Thuế Thu nhập doanh nghiệp	145
8.2. Thuế Giá trị gia tăng.....	146
8.3. Thuế đối với nhà đầu tư cá nhân	146
8.4. Thuế đối với nhà đầu tư tổ chức.....	146
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....	148
VII. GIỚI THIỆU DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN	149
VIII. PHỤ LỤC.....	152

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam 9 tháng các năm 2011 - 2020.....	8
Hình 2. Chỉ số lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2011-2019.....	9
Hình 3. Hình ảnh một số giải thưởng SeABank đã đạt được.....	34
Hình 4. Một số hình ảnh hoạt động về xã hội, cộng đồng của SeABank.....	36
Hình 5. Cơ cấu tổ chức của SeABank.....	40
Hình 6. Sơ đồ tổ chức.....	41
Hình 7. Cơ cấu huy động vốn của SeABank qua các năm.....	52
Hình 8. Tình hình tiền gửi của khách hàng qua các năm.....	53
Hình 9. Tổng tài sản của một số ngân hàng thời điểm 30/09/2020.....	93
Hình 10. Quy mô vốn chủ sở hữu của một số ngân hàng thời điểm 30/09/2020.....	94
Hình 11. Tiền gửi của khách hàng và số dư nợ cho vay khách hàng.....	95
Hình 12. Kết quả hoạt động kinh doanh của một số ngân hàng lũy kế 9 tháng đầu năm 2020.....	95
Hình 13. Dự báo tăng trưởng của một số nền kinh tế.....	96

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Quá trình tăng vốn.....	37
Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của SeABank	44
Bảng 3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 09/11/2020	44
Bảng 4. Nguồn vốn huy động của SeABank	52
Bảng 5. Cơ cấu tiền gửi của SeABank.....	53
Bảng 6. Hoạt động tín dụng của SeABank.....	54
Bảng 7. Cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn	54
Bảng 8. Phân loại nợ của Ngân hàng.....	55
Bảng 9. Phân loại dư nợ cho vay theo loại hình kinh doanh.....	56
Bảng 10. Trích lập dự phòng rủi ro cho vay khách hàng của SeABank.....	56
Bảng 11. Phân loại trích lập dự phòng các nhóm nợ theo ngành nghề kinh doanh tại 30/09/2020	57
Bảng 12. Tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II (Báo cáo hợp nhất).....	59
Bảng 13. Tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II (Ngân hàng mẹ).....	59
Bảng 14. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ của SeABank	60
Bảng 15. Hoạt động thanh toán trong nước của SeABank.....	60
Bảng 16. Hoạt động tài trợ thương mại và chuyển tiền quốc tế.....	60
Bảng 17. Hoạt động dịch vụ bảo lãnh.....	61
Bảng 18. Chứng khoán đầu tư của SeABank	62
Bảng 19. Góp vốn, đầu tư dài hạn của SeABank.....	63
Bảng 20. Chi nhánh - Phòng giao dịch theo vị trí địa lý.....	74
Bảng 21. Cơ cấu danh mục theo khu vực.....	75
Bảng 22. Các dự án SeABank đã và đang thực hiện.....	78
Bảng 23. Kết quả hoạt động kinh doanh (Hợp nhất).....	82
Bảng 24. Kết quả hoạt động kinh doanh (Ngân hàng mẹ).....	83
Bảng 25. Báo cáo vốn chủ sở hữu (Hợp nhất).....	84
Bảng 26. Báo cáo vốn chủ sở hữu (Ngân hàng mẹ).....	84
Bảng 27. Cơ cấu thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (Hợp nhất).....	85
Bảng 28. Cơ cấu thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (Ngân hàng mẹ).....	85
Bảng 29. Cơ cấu tổng thu nhập hoạt động (Hợp nhất).....	86
Bảng 30. Cơ cấu tổng thu nhập hoạt động (Ngân hàng mẹ).....	86
Bảng 31. Cơ cấu chi phí hoạt động của SeABank (Hợp nhất).....	87
Bảng 32. Cơ cấu chi phí hoạt động của SeABank (Ngân hàng mẹ).....	88
Bảng 33. Bảng so sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của một số Ngân hàng.....	99

Bảng 34. Số lượng và cơ cấu người lao động tại 30/09/2020	101
Bảng 35. Số lượng và thu nhập người lao động	102
Bảng 36. Tình hình tài chính.....	106
Bảng 37. Danh sách các thành viên HĐQT	108
Bảng 38. Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám Đốc	116
Bảng 39. Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát	123
Bảng 40. Tài sản cố định (hợp nhất)	127
Bảng 41. Tài sản cố định (Ngân hàng mẹ).....	127
Bảng 42. Thông tin về bất động sản thuộc sở hữu SeABank	128
Bảng 43. Số dư bất động sản đầu tư của SeABank tại ngày 30/09/2020.....	129
Bảng 44. Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày 30/9/2020 (*)	129
Bảng 45. Giá trị lợi thế thương mại qua các năm của SeABank.....	130
Bảng 46. Danh mục tài sản nhận gán nợ	130
Bảng 47. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo (Hợp nhất)	131
Bảng 48. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo (Ngân hàng mẹ)	131
Bảng 49. Các khoản công nợ tiềm ẩn và các cam kết tại 30/09/2020	134
Bảng 50. Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của SeABank	137
Bảng 51. Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo Chương trình ESOP	140
Bảng 52. Xếp hạng của SeABank theo Moody's.....	141
Bảng 53. Thống kê các chỉ số tài chính của các ngân hàng trong 04 quý gần nhất tính đến 30/09/2020	141
Bảng 54. Giá trị sổ sách của SeABank.....	142
Bảng 55. Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu của SeABank	143
Bảng 56. Giá trị sổ sách của SeABank.....	144

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Việc một hoặc nhiều sự kiện nêu dưới đây xảy ra có thể gây ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh, tài chính hoặc kết quả hoạt động của SeABank, và có thể ảnh hưởng đến giá Cổ phiếu và/hoặc mức cổ tức dự kiến của Ngân hàng.

Trong quá trình tiến hành hoạt động kinh doanh, SeABank phải chịu nhiều rủi ro khác nhau, trong đó các rủi ro cơ bản là rủi ro về kinh tế vĩ mô, rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng, rủi ro tiền tệ, rủi ro thanh khoản, rủi ro liên quan đến cam kết ngoại bảng, rủi ro pháp lý và các rủi ro cụ thể khác. Mặc dù SeABank tin rằng đã thực hiện các chính sách, quy trình phù hợp để kiểm soát và giảm thiểu rủi ro, các nhà đầu tư cần lưu ý rằng khả năng không thể kiểm soát một cách hợp lý những rủi ro này có thể lớn hơn so với dự tính và có thể gây ra những ảnh hưởng bất lợi đối với tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, triển vọng và danh tiếng của SeABank.

1. Rủi ro về kinh tế

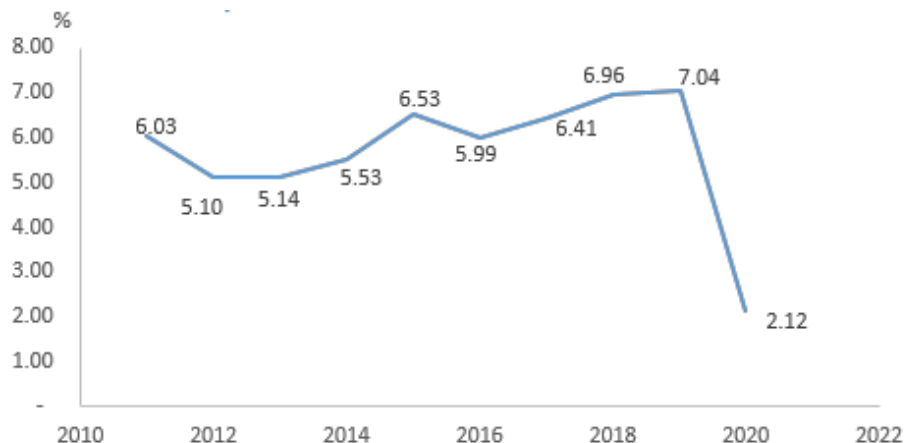
1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Nền kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây có sự tăng trưởng đáng kể, GDP năm 2019 tăng 7,02%, là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong khu vực. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp.

Năm 2020, đại dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) bùng phát mạnh đã ảnh hưởng tới nền kinh tế toàn cầu. Kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, những nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Cộng đồng chung Châu Âu (EU) đang chứng kiến tình trạng suy giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế và có thể mất vài năm mới phục hồi trở lại mức tăng trưởng như trước khi xuất hiện đại dịch Covid-19.

Nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cùng với sự vào cuộc của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và người dân để đẩy lùi dịch bệnh, duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh, tác động y tế và kinh tế của dịch bệnh không nghiêm trọng như nhiều quốc gia khác. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tiếp tục tăng trưởng trong 6 tháng đầu năm 2020, đạt mức 1,8%. GDP quý III/2020 ước tính tăng 2,62% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng thấp nhất của quý III các năm trong giai đoạn 2011-2020 (theo số liệu của Tổng cục Thống kê). Dịch Covid-19 được kiểm soát chặt chẽ, nền kinh tế từng bước hoạt động trở lại trong điều kiện bình thường mới nên GDP quý III/2020 tăng trưởng khởi sắc so với quý II/2020.

Hình 1. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam 9 tháng các năm 2011 - 2020



(Nguồn: Tổng Cục Thống kê)

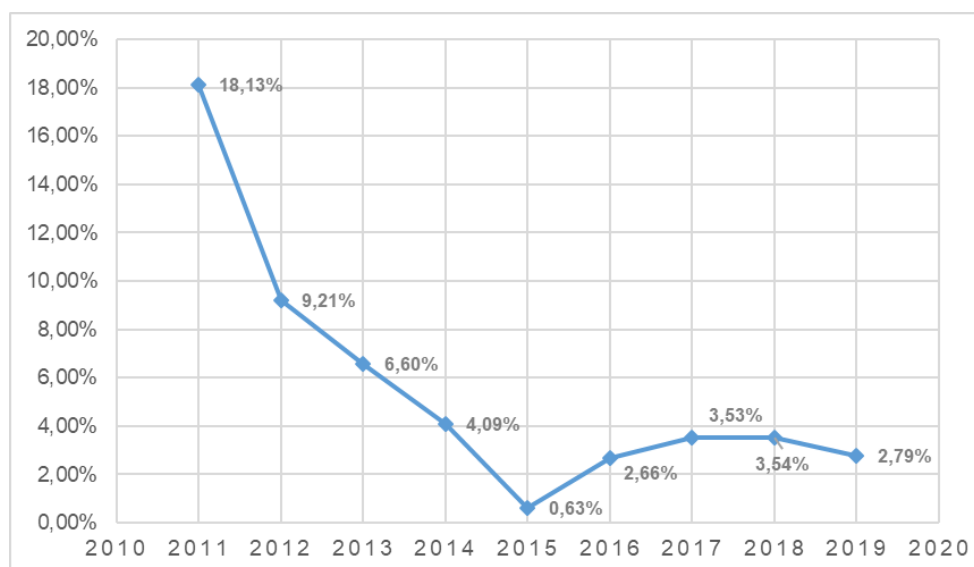
Để hạn chế ảnh hưởng từ rủi ro giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế, SeABank đã xây dựng chiến lược phát triển trung và dài hạn dựa trên việc phân tích và xây dựng các kịch bản kinh tế, từ đó lựa chọn các lĩnh vực và phân khúc tăng trưởng bền vững hơn, ít chịu ảnh hưởng hơn từ các biến động kinh tế như các khoản vay ngắn hạn, áp dụng các sản phẩm phái sinh đối với các hợp đồng trung và dài hạn, chú trọng doanh thu phí từ các dịch vụ cơ bản như dịch vụ thanh toán, thẻ và đặc biệt là bảo hiểm,... là các dịch vụ mà khách hàng luôn có nhu cầu kể cả trong điều kiện kinh tế khó khăn hơn. Đồng thời, Ban Lãnh đạo Ngân hàng cũng đã xây dựng Chiến lược phát triển SeABank trong giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến 2030 phù hợp Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành. Chiến lược phát triển của Ngân hàng thường xuyên được rà soát, điều chỉnh phù hợp với cả tình hình kinh tế và các dự báo kinh tế trong nước cũng như quốc tế.

1.2. Lạm phát

Mặc dù năm 2020 Ngân hàng Nhà nước đã nới lỏng chính sách tiền tệ nhằm hỗ trợ hệ thống ngân hàng thương mại tăng cung tín dụng hỗ trợ nền kinh tế, lạm phát tiếp tục được kiểm soát tốt. Theo đó từ năm 2015 trở lại đây, lạm phát ổn định ở mức thấp. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 10 tháng năm 2020 tăng 3,71% so với cùng kỳ năm trước. Việc kiểm soát tốt lạm phát là dấu hiệu tích cực để NHNN điều chỉnh giảm lãi suất cho vay, nới lỏng chính sách tiền tệ, khuyến khích người dân và doanh nghiệp vay tiền ngân hàng.

Trong bối cảnh tình hình kinh tế tác động chung đến tất cả các ngành kinh tế, nhất là dịch vụ, sự tăng trưởng và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á cũng chịu ảnh hưởng. Để ứng phó với các điều kiện thay đổi của môi trường kinh doanh, Ngân hàng chủ động phân tích tác động của các yếu tố vĩ mô, từ đó xây dựng định hướng và chiến lược kinh doanh trung và dài hạn, để đảm bảo tăng trưởng ổn định và có hiệu quả.

Hình 2. Chỉ số lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2011-2019



(Nguồn: Tổng Cục Thống kê)

1.3. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất trên sổ ngân hàng là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của SeABank phát sinh do: (i) Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất; (ii) Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn; (iii)

Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau; (iv) Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

Từ đầu năm 2020, Ngân hàng Nhà nước đã và đang triển khai các giải pháp điều hành nhằm góp phần tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phục hồi sản xuất kinh doanh, hỗ trợ nền kinh tế, giảm thiểu tác động của dịch Covid-19. Ngân hàng Nhà nước quyết định điều chỉnh giảm lãi suất điều hành, trần lãi suất tiền gửi VND các kỳ hạn dưới 6 tháng và trần lãi suất cho vay ngắn hạn VND đối với các lĩnh vực ưu tiên. Những thay đổi chính sách vĩ mô hoàn toàn có thể dẫn tới khả năng thiếu chủ động của ngân hàng trong việc đối phó với rủi ro bởi những thay đổi của lãi suất trên thị trường và làm giảm thu nhập của ngân hàng so với dự tính ban đầu.

Để phòng tránh loại rủi ro này, trước hết, SeABank xây dựng chiến lược quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng với các biện pháp cơ bản như:

- Thực hiện quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng tối thiểu theo các chỉ số về trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất (repricing gap profile): mức chênh lệch giữa giá trị tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có lãi suất theo thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ định lại lãi suất (repricing), chỉ số đo lường tác động của thay đổi lãi suất bao gồm 01 hoặc 02 chỉ số sau đây: (i) thay đổi thu nhập lãi thuần (Change in Net Interest Income - ΔNII): Là mức độ thay đổi của thu nhập lãi thuần do thay đổi của lãi suất từ các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khoản mục ngoại bảng có lãi suất trên sổ ngân hàng; (ii) thay đổi giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (Change in Economic Value of Equity - ΔEVE) (là mức độ thay đổi của giá trị hiện tại ròng của dòng tiền vào của tài sản tài chính và dòng tiền ra của nợ phải trả khi thay đổi của lãi suất);
- Sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng. Hiện tại, SeABank đã triển khai các công cụ quản trị rủi ro lãi suất theo quy định hiện hành của NHNN và tiến tới xem xét và đưa vào triển khai một số phương pháp nâng cao theo tiêu chuẩn quốc tế Basel II. SeABank đang triển khai thiết lập quy trình, quy định quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng theo định hướng của Basel và hướng đến cơ chế chủ động điều chỉnh kỳ hạn thay đổi lãi suất của các khoản vay phù hợp với kỳ hạn thay đổi lãi suất của nguồn vốn cung cấp nhằm quản lý rủi ro lãi suất theo khung hạn mức chênh lệch kỳ hạn lãi suất theo chính sách từng thời kỳ.
- SeABank đã triển khai thành công dự án xây dựng hệ thống điều chuyển vốn nội bộ FTP cho phép tối ưu hóa việc sử dụng và phân bổ nguồn vốn trong toàn hệ thống. Những công nghệ và chính sách áp dụng trong quản lý rủi ro lãi suất đi theo định hướng minh bạch hóa và tạo hiệu quả sử dụng vốn góp phần tăng hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng.
- Trong thời gian tới SeABank sẽ xây dựng hệ thống dữ liệu thị trường để chủ động trong công tác phân tích ảnh hưởng của chính sách, quy định của Ngân hàng Nhà nước cũng như chỉ số kinh tế Việt Nam đến lãi suất hiện hành và dự báo cho tương lai. SeABank cũng đưa mô hình đo lường độ nhạy của rủi ro lãi suất theo từng thị trường lãi suất riêng biệt và xây dựng kịch bản thay đổi lãi suất trong ngắn hạn, trong tình huống căng thẳng để kiểm tra sức chịu đựng của Ngân hàng nhằm mục tiêu đảm bảo Ngân hàng luôn có đầy đủ khả năng phòng thủ trước những tình huống không thuận lợi của thị trường.
- Xây dựng hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng do Tổng Giám đốc ban hành, sửa đổi, bổ sung (bao gồm cả việc điều chỉnh hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng) đảm bảo tối thiểu bao gồm: hạn mức về chênh lệch giữa giá trị tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có lãi suất có cùng thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ định lại lãi suất; hạn

mức về thay đổi của thu nhập lãi thuần do thay đổi của lãi suất và/hoặc hạn mức về thay đổi của giá trị kinh tế vốn chủ sở hữu do thay đổi của lãi suất theo chiến lược quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng.

- Ngoài ra, SeABank còn áp dụng nhiều biện pháp khác để giảm thiểu rủi ro này, như SeABank đã chủ động áp dụng chính sách lãi suất linh hoạt theo tín hiệu của thị trường, thu hẹp chênh lệch kỳ hạn bình quân giữa tài sản có và tài sản nợ, đồng thời có thể sử dụng có chọn lọc các sản phẩm phái sinh. SeABank một mặt vẫn tăng cường huy động vốn, mở rộng các nguồn tín dụng có hiệu quả, mặt khác vẫn có biện pháp đảm bảo cân đối giữa nguồn vốn và sử dụng vốn; kiểm soát chặt chẽ quy mô, cơ cấu tín dụng ngắn hạn, trung và dài hạn bằng VNĐ và ngoại tệ phù hợp với khả năng, kỳ hạn và cơ cấu vốn huy động. Ngoài ra, Hội đồng Quản lý tài sản nợ - tài sản có của SeABank (“ALCO”) đã sử dụng các mô hình tài chính và công cụ khác nhau để giám sát và quản lý rủi ro lãi suất. Báo cáo về thị trường trong nước và quốc tế để đưa ra những nhận định về diễn biến, xu hướng biến đổi của lãi suất trên thị trường cho các cuộc họp hàng tháng của Hội đồng ALCO. SeABank trên cơ sở phân tích diễn biến của thị trường sẽ quyết định duy trì các mức lãi suất chênh lệch thích hợp trong hoạt động huy động vốn và hoạt động cho vay để định hướng cho các hoạt động của mình. Một chiến lược khác của SeABank là phát triển các dịch vụ tiện ích, các hình thức thanh toán hiện đại để thu hút khách hàng mở tài khoản, thanh toán không dùng tiền mặt nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và tăng cường khả năng cạnh tranh trong bối cảnh nhiều biến động về lãi suất trên thị trường.

1.4. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng bao gồm:

- Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với SeABank, trừ các trường hợp quy định tại rủi ro tín dụng đối tác. Trong đó, khách hàng (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có quan hệ với SeABank trong việc nhận cấp tín dụng (bao gồm cả nhận cấp tín dụng thông qua ủy thác), nhận tiền gửi, phát hành trái phiếu doanh nghiệp.
- Rủi ro tín dụng đối tác là rủi ro do đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thanh toán trước hoặc khi đến hạn của các giao dịch tự doanh, giao dịch repo và giao dịch reverse repo, giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro, giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính để phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác. Trong đó, đối tác là cá nhân, pháp nhân (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có giao dịch với SeABank trong giao dịch tự doanh, giao dịch repo và giao dịch reverse repo, giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro, giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính để phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác.

Rủi ro tín dụng được coi là rủi ro lớn nhất đối với các NHTM Việt Nam nói chung và SeABank nói riêng bởi các hoạt động tín dụng là hoạt động chủ yếu của các NHTM Việt Nam. Hiện tại, hoạt động tín dụng thường chiếm từ 40 - 60% tổng tài sản của một NHTM và mang lại 60 - 80% thu nhập cho ngân hàng. Rủi ro tín dụng còn là loại rủi ro không thể tránh khỏi trong ngành Ngân hàng, có thể đề phòng, hạn chế, chứ không thể loại trừ. Do vậy, việc tìm ra các giải pháp nhằm hạn chế rủi ro tín dụng luôn trở thành vấn đề mang tính sống còn, là mối quan tâm hàng đầu của bất kỳ ngân hàng nào.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 năm 2020, Ngân hàng Nhà nước đã đưa ra mức cấp tín dụng cho các ngân hàng và tổ chức tín dụng ở mức thấp hơn so với mục tiêu đặt ra đầu năm. Theo đó, việc được giao một hạn mức tăng trưởng tín dụng thấp hơn sẽ giúp hướng tín dụng vào những lĩnh vực an toàn hơn, tránh nguy cơ các ngân hàng đẩy cho vay vào các phân khúc rủi ro cao và giảm mức độ cạnh tranh về huy động tiền gửi, nhờ đó giảm lãi suất huy động và tạo điều kiện giảm lãi suất cho vay. Tuy nhiên khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế được dự báo sẽ khá yếu và phụ thuộc vào diễn biến của dịch bệnh và khả năng khởi động lại của nền kinh tế sau khi dịch kết thúc.

Để đối phó với các rủi ro tín dụng, SeABank đã áp dụng nhiều biện pháp khác nhau. Trước hết, việc quản lý rủi ro tín dụng được thực hiện trong suốt quá trình xem xét, thẩm định, phê duyệt, quản lý tín dụng đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, NHNN và của SeABank. Đồng thời, SeABank thực hiện xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược quản lý rủi ro tín dụng tối thiểu theo các nội dung sau: (i) Tỷ lệ nợ xấu mục tiêu, tỷ lệ cấp tín dụng xấu mục tiêu theo đối tượng khách hàng, ngành, lĩnh vực kinh tế; (ii) Nguyên tắc xác định chi phí bù đắp rủi ro tín dụng trong phương pháp tính lãi suất, định giá sản phẩm tín dụng (pricing) theo mức độ rủi ro tín dụng của khách hàng; (iii) Nguyên tắc áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng (bao gồm cả thẩm quyền phê duyệt các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng).

SeABank quản lý rủi ro tín dụng thông qua các hạn mức rủi ro tín dụng được ban hành cụ thể thành văn bản riêng theo từng thời kỳ bao gồm các hạn mức sau: (i) Hạn mức cấp tín dụng đối với đối tượng khách hàng, ngành, lĩnh vực kinh tế trên cơ sở khả năng trả nợ của khách hàng, rủi ro tín dụng của ngành, lĩnh vực kinh tế; (ii) Hạn mức cấp tín dụng theo sản phẩm, hình thức bảo đảm trên cơ sở rủi ro tín dụng tương ứng của sản phẩm, hình thức bảo đảm. Hạn mức rủi ro tín dụng do Tổng Giám đốc ban hành, sửa đổi, bổ sung (bao gồm cả việc điều chỉnh hạn mức rủi ro tín dụng) đảm bảo tuân thủ Khẩu vị rủi ro, chiến lược quản lý rủi ro và tổng tài sản có rủi ro phân bổ cho rủi ro tín dụng, đầy đủ và cụ thể để kiểm soát rủi ro phát sinh từ hoạt động cấp tín dụng, các bộ phận, cá nhân tham gia vào hoạt động cấp tín dụng và phải được rà soát, đánh giá lại (điều chỉnh nếu cần thiết) tối thiểu một năm một lần hoặc khi có thay đổi lớn ảnh hưởng đến trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của SeABank. Danh mục các hạn mức rủi ro tín dụng sẽ được phổ biến cho các cá nhân, bộ phận có liên quan để thực hiện và giám sát.

Việc đo lường và đánh giá rủi ro tín dụng đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý rủi ro tín dụng tại SeABank. SeABank xây dựng các công cụ định lượng và định tính để đo lường các rủi ro tồn tại trong danh mục tín dụng, tạo cơ sở cho việc quản lý, kiểm soát, điều chỉnh rủi ro tín dụng.

Kiểm soát rủi ro tín dụng tại SeABank được thực hiện đối với từng khoản cấp tín dụng và toàn bộ danh mục cấp tín dụng:

- Đối với từng khoản cấp tín dụng: SeABank xây dựng các công cụ để đo lường, đánh giá mức độ rủi ro của Khách hàng, bao gồm: (i) Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ; (ii) Hệ thống cảnh báo sớm (EWS); (iii) Ngoài ra, trong dài hạn SeABank sẽ triển khai thu thập cơ sở dữ liệu, xây dựng hạ tầng lưu trữ dữ liệu để từng bước xây dựng mô hình đo lường xác suất vỡ nợ (PD), giá trị thực chịu rủi ro khi cấp tín dụng cho Khách hàng (EAD), tỷ lệ tổn thất dự kiến (LGD), từ đó tính toán lỗ dự kiến (EL) cho từng Khách hàng, tạo nền tảng cho việc trích lập dự phòng và áp dụng lãi suất bù rủi ro cho từng khoản cấp tín dụng theo lộ trình triển khai Basel II.
- Đối với toàn bộ danh mục cấp tín dụng: theo lộ trình triển khai Basel II, SeABank sẽ xây dựng các công cụ nhằm đo lường lỗ không dự kiến (UL) cho danh mục tín dụng nhằm xác

định mức vốn cần thiết để đảm bảo sự an toàn của SeABank đối với danh mục tín dụng, xây dựng và giám sát bộ tiêu chí quản trị danh mục tín dụng, từ đó dự báo biên độ (nếu có) và phân tích, đánh giá chất lượng của danh mục, xây dựng các công cụ và kịch bản Stress test để dự đoán trạng thái danh mục tín dụng trong những điều kiện xấu nhất.

Việc kiểm soát hạn mức rủi ro tín dụng theo hạn mức rủi ro tín dụng được phân bổ đối với từng khoản cấp tín dụng, danh mục các khoản cấp tín dụng với tần suất tối thiểu được quy định từng thời kỳ, bao gồm: kiểm soát từ xa và kiểm tra tại chỗ đối với khách hàng để thu thập thông tin phục vụ cho việc theo dõi rủi ro tín dụng.

Theo lộ trình triển khai Basel II, SeABank đang thực hiện kiểm soát và giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách quản lý, điều chỉnh phân bổ vốn và đảm bảo lượng vốn tương xứng với trạng thái rủi ro tín dụng thông qua việc xây dựng chiến lược quản lý rủi ro tín dụng, định hướng tín dụng (ngành, đối tượng,...) và hạn mức tín dụng nhằm chủ động, linh hoạt kiểm soát rủi ro tín dụng; kịp thời điều chỉnh, giảm thiểu trạng thái rủi ro danh mục tín dụng thông qua các chính sách, chương trình/sản phẩm tín dụng, mua, bán nợ, sử dụng giá điều chỉnh rủi ro để bù đắp lỗ dự kiến (EL) đối với từng khoản cấp tín dụng và các hình thức khác theo quy định của Pháp luật, NHNN từng thời kỳ.

Bên cạnh đó, SeABank thực hiện nghiêm túc các quy định và chỉ đạo của NHNN và giám sát chặt chẽ các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Để theo dõi, giám sát danh mục tín dụng đa chiều hiệu quả, SeABank đưa ra các hạn mức rủi ro trên cơ sở khẩu vị rủi ro của Ngân hàng trong từng thời kỳ và luôn chủ động trong việc áp dụng công nghệ thông tin và các chuẩn mực quốc tế vào quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các vấn đề liên quan đến rủi ro tín dụng của Ngân hàng thường xuyên được báo cáo lên Ban lãnh đạo để kịp thời có các ứng xử tín dụng phù hợp.

Khi khách hàng không trả được nợ, SeABank chủ động thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng đúng theo các quy định của NHNN.

1.5. Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro về ngoại hối phát sinh khi có sự chênh lệch về kỳ hạn và giá trị của các loại tiền tệ của các khoản ngoại hối mà SeABank nắm giữ và vì thế có thể làm cho ngân hàng phải gánh chịu thua lỗ khi tỷ giá ngoại hối biến động.

Để phòng ngừa rủi ro này, SeABank đã triển khai xây dựng chính sách quản lý trạng thái ngoại tệ tập trung tại hội sở, ban hành khẩu vị rủi ro ngoại hối cụ thể hóa bằng những hạn mức nắm giữ trạng thái ngoại tệ với từng đồng tiền đồng thời xác lập cơ chế kiểm soát và quy trình vận hành các giao dịch kinh doanh ngoại tệ theo tiêu chuẩn quốc tế. Trong đó chuẩn hóa và phân tách chức năng giữa các bộ phận kinh doanh, bộ phận quản trị rủi ro và bộ phận vận hành nhằm đảm bảo tính độc lập, kiểm soát chéo nhằm giảm thiểu rủi ro. Về công cụ kiểm soát rủi ro ngoại hối, SeABank đã áp dụng mô hình tính giá trị rủi ro (VaR) và triển khai hệ thống phần mềm giao dịch ngoại tệ nội bộ giữa hội sở và chi nhánh hướng đến quản lý trạng thái ngoại hối theo thời gian thực, đây cũng là cơ sở cho phép đội ngũ kinh doanh/quản trị rủi ro của SeABank có thể quản lý trực tiếp danh mục theo giá trị thị trường và có thể ra quyết định an toàn và hiệu quả.

Trong trường hợp thị trường có những biến động bất ngờ ngoài dự đoán, ngân hàng SeABank sẽ áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro cụ thể bằng các giao dịch ở thị trường tiền tệ, thị trường vốn và các giao dịch có kỳ hạn bằng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro (Futures, Swaps, Options). Đối với các giao dịch cụ thể, SeABank còn sử dụng nghiệp vụ mua bán ngoại tệ để kiểm soát rủi ro ngoại hối của mình. Các biện pháp này được áp dụng rất linh động, nhạy

bén và có một vai trò rất lớn bởi vì nó có thể giúp cho nhà quản lý giải quyết tình thế ngoại hối của mình trong một khoảng thời gian rất ngắn.

Ngoài ra, SeABank triển khai xây dựng kho lưu trữ dữ liệu lịch sử của thị trường ngoại hối nhằm đưa ra định hướng, phân tích xu thế và mô hình hóa biến động của thị trường trong tương lai. Đây là một cơ sở dữ liệu hỗ trợ SeABank trong xây dựng tình huống căng thẳng của thị trường ngoại hối và giúp SeABank có định hướng về nguồn vốn an toàn cần thiết cho hoạt động của toàn hệ thống.

Cuối cùng, SeABank luôn hướng tới xây dựng một đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao, có khả năng phân tích và dự báo tình hình biến động tỷ giá của các loại đồng tiền để đưa ra quyết định kịp thời trong việc mua, bán các hợp đồng ngoại tệ, duy trì một tỷ lệ cân xứng giữa tài sản nợ và tài sản có ngoại tệ, duy trì trạng thái ngoại hối ròng ở mức hợp lý.

1.6. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán (rủi ro thanh khoản) là rủi ro do SeABank không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc SeABank có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của SeABank.

Rủi ro thanh khoản phát sinh chủ yếu từ xu hướng của các ngân hàng là huy động ngắn hạn và cho vay trung, dài hạn. Khi trường hợp này xảy ra, các khoản huy động về mặt kỹ thuật sẽ phải hoàn trả theo yêu cầu của người gửi tiền. Đặc biệt trong giai đoạn khủng hoảng, người gửi tiền sẽ rút tiền ra nhanh hơn việc người đi vay sẵn sàng trả nợ. Do vậy, rủi ro thanh khoản là rất thực tế và thường trực trong hoạt động kinh doanh ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, SeABank đã và đang áp dụng các giải pháp sau:

- Theo dõi, cập nhật và thường xuyên đánh giá tất cả các sự kiện xảy ra trong và ngoài SeABank gây ra các ảnh hưởng trọng yếu cho SeABank và cần phải được xem xét trong mối liên hệ tính tới thanh khoản và nguy cơ rủi ro thanh khoản của SeABank.
- Xem xét quản lý rủi ro thanh khoản trong mối liên hệ với những rủi ro khác, bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro danh tiếng...
- Duy trì đủ tài sản có tính thanh khoản cao để đáp ứng nhu cầu thanh khoản trong điều kiện SeABank hoạt động bình thường và có diễn biến bất lợi về thanh khoản (bao gồm cả việc xác định tổn thất, chi phí khi tiếp cận thanh khoản trên thị trường).
- Xác định được chi phí đáp ứng nhu cầu thanh khoản và rủi ro thanh khoản trong việc định giá vốn nội bộ, đánh giá kết quả kinh doanh đối với các hoạt động kinh doanh trọng yếu (bao gồm cả nội bảng và ngoại bảng).
- Thực hiện chiến lược quản lý rủi ro thanh khoản với các nội dung cơ bản như: (i) Nguyên tắc quản lý thanh khoản; (ii) Chiến lược đa dạng hóa nguồn vốn huy động, thời hạn vốn huy động để tăng sự ổn định nợ phải trả, hỗ trợ thanh khoản hàng ngày; (iii) Nguyên tắc thực hiện kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản.
- Xây dựng và áp dụng các hạn mức rủi ro thanh khoản được ban hành cụ thể thành văn bản riêng theo từng thời kỳ, đảm bảo tuân thủ (i) quy định của pháp luật về tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ Dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi, tỷ lệ vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung dài hạn, (ii) tuân thủ khẩu vị rủi ro, chiến lược quản lý rủi ro và tổng tài sản có rủi ro phân bổ cho rủi ro thanh khoản. Hạn mức rủi ro thanh khoản được xây dựng đầy đủ và cụ thể để kiểm soát rủi ro phát sinh từ các hoạt động kinh doanh, bộ phận tham gia vào các giao dịch

có rủi ro thanh khoản, được rà soát, đánh giá lại (điều chỉnh nếu cần thiết) tối thiểu một năm một lần hoặc khi có thay đổi lớn ảnh hưởng đến trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của SeABank, và được phổ biến cho các cá nhân, bộ phận có liên quan.

- SeABank dựa trên cơ sở dữ liệu quá khứ và định hướng hoạt động để xem xét và tính toán chính xác nhu cầu thanh khoản ở từng thời điểm nhằm thực hiện dự trữ hợp lý, hạn chế lãng phí vốn, tăng lợi nhuận hoạt động, xây dựng danh mục đầu tư hợp lý. SeABank có cơ chế quản lý tài sản hiệu quả, cơ chế điều hành công khai, minh bạch và ổn định, tránh tạo ra những cú sốc rút tiền ào ạt. Bên cạnh đó, công tác dự báo nhu cầu rút tiền của khách hàng trong từng thời kỳ là rất quan trọng để có thể chủ động thu xếp nguồn vốn chi trả theo yêu cầu.
- SeABank ban hành quy định và quy trình về quản lý thanh khoản trong đó thiết lập quy định về quản lý khe hở thanh khoản theo các thang của kỳ hạn, các chỉ số hạn mức rủi ro thanh khoản, các kịch bản căng thẳng thanh khoản, xây dựng kế hoạch dự phòng thanh khoản để chủ động các biện pháp xử lý trong tình huống thị trường có biến động. SeABank chủ trương đa dạng hóa nguồn vốn huy động cũng như xây dựng hệ thống báo cáo cân đối vốn và báo cáo dòng tiền để tính toán trạng thái thanh khoản hàng ngày của ngân hàng. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng triển khai nghiên cứu mô hình hành vi của khách hàng để tính toán các tỷ lệ trả trước, tỷ lệ quay vòng tiết kiệm và tỷ lệ dòng tiền ổn định nhằm đưa ra các phân tích, dự báo về tình trạng thanh khoản trong tương lai và từ đó đưa ra các biện pháp phòng vệ và sử dụng dòng tiền một cách hiệu quả.
- SeABank cũng đã thành lập Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ và Có (“Hội đồng ALCO”) để theo dõi và quản lý rủi ro thanh khoản, xây dựng và vận hành các chính sách, quy trình kiểm soát nội bộ và các kế hoạch dự phòng để kiểm soát rủi ro thanh khoản và đảm bảo an toàn vốn như đánh giá các dòng tiền dự kiến và các tài sản thế chấp có thể được sử dụng để bù đắp thiếu hụt thanh khoản.

Hoạt động quản lý thanh khoản của Ngân hàng được quản lý chặt chẽ theo hướng tuân thủ các quy định của NHNN và các tiêu chí quản lý thanh khoản nội bộ của Ngân hàng cho hai đồng tiền chính (VND, USD) trên danh mục huy động và cho vay. Hơn nữa, chính sách của SeABank là duy trì khối lượng tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng chi trả trong các điều kiện thông thường và căng thẳng, đồng thời SeABank cũng thiết lập và duy trì quan hệ hạn mức giao dịch với các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác để hỗ trợ lẫn nhau khi cần thiết.

2. Rủi ro về luật pháp

Lĩnh vực tài chính, tiền tệ là một lĩnh vực nhạy cảm, chịu sự điều chỉnh bởi nhiều văn bản pháp luật, có quan hệ và ảnh hưởng sâu rộng đến bản thân các ngân hàng và đến nhiều đối tượng khách hàng, tầng lớp trong xã hội. Trong khi đó, Việt Nam đang trong quá trình mở cửa và hội nhập với nền kinh tế thế giới cho nên hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước không ngừng được chỉnh sửa, bổ sung, ban hành mới để hoàn thiện cho phù hợp với thông lệ quốc tế và cam kết của Việt Nam. Việc áp dụng không kịp thời, không chính xác các văn bản pháp luật để điều chỉnh sẽ dẫn đến rủi ro về mặt luật pháp đối với hoạt động ngân hàng.

Đề thích nghi trong môi trường pháp lý ở Việt Nam, Khối Pháp chế & Tuân thủ SeABank - Thành viên Hiệp hội Pháp chế Doanh nghiệp luôn chủ động trong việc cập nhật và hệ thống các văn bản pháp luật, tập huấn để phổ biến các văn bản chế độ, chính sách mới của Nhà nước và của Ngân hàng tới toàn thể các cán bộ thông qua các bản tin pháp lý hàng tuần. SeABank đã

xây dựng các quy trình, quy định để đảm bảo Pháp chế của Ngân hàng tham gia và kiểm soát quá trình xây dựng và ban hành các quy trình, quy định, các chính sách, sản phẩm,... mới nhằm đảm bảo hoạt động của SeABank là tuân thủ với các quy định hiện hành, cập nhật nhất với các quy định dự kiến sẽ ban hành của pháp luật. Bên cạnh đó, SeABank cũng luôn chủ động trong việc đóng góp xây dựng ý kiến đối với các dự thảo văn bản pháp luật, chủ động kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi những bất cập, mâu thuẫn, chông chéo trong văn bản pháp luật.

Ngoài ra, trong từng mảng nghiệp vụ, SeABank đều ban hành các quy chế, quy trình nghiệp vụ và các mẫu biểu nhằm đảm bảo tính thống nhất và tuân thủ cao. Đội ngũ cán bộ pháp chế luôn được tăng cường đảm bảo tư vấn kịp thời cho mọi hoạt động của các Khối/Phòng/Ban/Chi nhánh và được phân chia theo đối tượng khách hàng nhằm chuyên môn hóa và tối ưu hóa nguồn lực của đội ngũ Pháp chế.

Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ của SeABank được xây dựng hệ thống và đồng bộ từ Hội sở chính đến từng chi nhánh và điểm giao dịch. Khối Pháp chế & Tuân thủ có Tuân Thủ giúp việc trực tiếp cho Tổng Giám đốc trong việc xây dựng Văn hóa Tuân thủ và triển khai kiểm tra, kiểm soát nội bộ trên toàn hệ thống. Đồng thời, SeABank cũng đã xây dựng hệ thống phòng thủ 3 cấp, trong đó các Phòng Kiểm toán Nội bộ và Tuân thủ hoạt động độc lập và theo mô hình, tiêu chuẩn tiên tiến trên thế giới để đảm bảo hiệu quả, qua đó giúp SeABank hạn chế được các ảnh hưởng tiêu cực từ rủi ro này.

Hiện nay SeABank không ngừng nâng cao năng lực thích nghi, tăng cường chất lượng nguồn lực bao gồm nhân sự, cơ sở vật chất, hệ thống để đáp ứng sự thay đổi càng ngày càng phức tạp hơn của thị trường tài chính tại Việt Nam. Do vậy, có thể đánh giá, rủi ro pháp lý chưa phải là rủi ro trọng yếu đối với SeABank trong thời gian tới, tuy nhiên đây vẫn có thể coi là một trong các rủi ro tiềm ẩn đối với các nhà đầu tư cổ phiếu liên quan đến vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

SeABank cũng đã thiết lập chương trình đào tạo PCRT/TTKB hàng năm cho cán bộ mới và cho lãnh đạo, cán bộ ở tất cả các đơn vị bao gồm trụ sở chính và chi nhánh theo vị trí công việc. Nội dung đào tạo hàng năm thường xuyên cập nhật các thay đổi theo quy định pháp luật, quy định nội bộ, các cơ chế rửa tiền mới và rút ra bài học kinh nghiệm cho CBNV.

3. Rủi ro về ngành

Sự phát triển của nền kinh tế kéo theo sự phát triển tất yếu ngành Ngân hàng. Việc phát triển các sản phẩm tài chính tối ưu góp phần làm tăng tốc độ luân chuyển dòng vốn trong nền kinh tế. Đồng thời, khách hàng cũng có cơ hội được sử dụng các dịch vụ tài chính hiện đại, phù hợp nhất. Cùng với sự phát triển của ngành Ngân hàng là sự cạnh tranh khốc liệt, toàn diện giữa các Ngân hàng thương mại về lãi suất huy động, lãi suất cho vay, các ưu đãi nhằm thu hút khách hàng mới và chăm sóc khách hàng cũ như giảm hoặc miễn phí giao dịch...

Với nền tảng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, SeABank đã dần tự động hóa các quy trình hoạt động, từ đó nâng cao chất lượng phục vụ cho khách hàng. Chính điều này đã giúp cho SeABank duy trì lượng khách hàng hiện tại cũng như tạo điều kiện cho SeABank tiếp cận khách hàng mới.

4. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu

Cổ phiếu của SeABank được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sẽ giúp SeABank nâng cao hình ảnh, thương hiệu, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tăng tính minh bạch thông tin, chuẩn mực hóa hoạt động quản trị Ngân hàng.

Khi cổ phiếu được niêm yết, rủi ro biến động giá cổ phiếu là khó tránh khỏi, giá cổ phiếu của SeABank sẽ chịu ảnh hưởng rất lớn từ biến động chung của Thị trường chứng khoán và biến động của các thị trường có liên quan như thị trường vàng, ngoại hối,... cũng như những thay đổi trong chính sách điều hành của các cơ quan quản lý có liên quan như Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh,... Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào thị hiếu, tâm lý hoặc khẩu vị rủi ro của các nhà đầu tư trên thị trường. Do đó, rủi ro biến động giá cổ phiếu là yếu tố khó lường trước.

5. Rủi ro khác

5.1. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động (“RRHĐ”) là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với SeABank (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm rủi ro chiến lược và rủi ro danh tiếng. Một số công cụ chính để quản lý RRHĐ đã triển khai tại SeABank như sau:

- Xây dựng chiến lược quản lý rủi ro hoạt động với các biện pháp sau:
 - i. Thiết lập các nguyên tắc thực hiện quản lý rủi ro hoạt động, nguyên tắc sử dụng hoạt động thuê ngoài, mua bảo hiểm, ứng dụng công nghệ.
 - ii. Lập kế hoạch và diễn tập các phương án để duy trì hoạt động liên tục trong các trường hợp như mất tài liệu, cơ sở dữ liệu quan trọng, hệ thống công nghệ thông tin bị sự cố, các sự kiện bất khả kháng (chiến tranh, thiên tai, cháy nổ,...).
- Thường xuyên theo dõi, đánh giá, nhận dạng RRHĐ trong các sản phẩm, dịch vụ, hệ thống, quy trình, hoạt động hiện tại hoặc mới, dự kiến sẽ triển khai, cảnh báo các rủi ro đã phát sinh và/hoặc đang có chiều hướng tăng lên, nhằm đưa ra các biện pháp phòng tránh, giảm thiểu và quản lý RRHĐ phù hợp;
- Nhận diện rủi ro hoạt động, thu thập và tạo ra kho dữ liệu rủi ro hoạt động hoàn thiện làm xương sống cho công tác quản lý rủi ro hoạt động thông qua:
 - i. Thực hiện các chương trình đánh giá rủi ro trọng yếu nhằm nhận diện các lĩnh vực rủi ro cao để đưa ra biện pháp giảm thiểu;
 - ii. Hướng dẫn các đơn vị tự đánh giá rủi ro hoạt động bằng hệ thống bảng câu hỏi hoặc các tiêu chí đơn giản, để thực hiện để thu thập báo cáo đánh giá hiện trạng rủi ro hoạt động tại các đơn vị. Rủi ro hoạt động được nhận diện và đánh giá bởi chính các nhân viên thực hiện quy trình tại các đơn vị kinh doanh, đơn vị vận hành và đơn vị hỗ trợ.
- Việc kiểm soát rủi ro hoạt động được thực hiện trên cơ sở các công cụ đo lường rủi ro hoạt động thông qua việc lượng hóa tổn thất xảy ra bằng các phương pháp sau:
 - i. Sử dụng các phát hiện của Kiểm toán nội bộ và Kiểm soát Tuân thủ;
 - ii. Thu thập và phân tích dữ liệu tổn thất nội bộ và bên ngoài;

- iii. Tự đánh giá các chốt kiểm soát rủi ro hoạt động để xác định hiệu quả của hoạt động kiểm soát đối với rủi ro hoạt động trước và sau khi kiểm soát;
 - iv. Xây dựng, theo dõi và kiểm soát các chỉ số rủi ro hoạt động trọng yếu;
 - v. Hướng tới áp dụng thêm hai (02) phương pháp trong việc đo lường, lượng hóa rủi ro hoạt động bao gồm: Sơ đồ hóa các quy trình nghiệp vụ và Phân tích kịch bản để hoàn thiện hệ thống đánh giá và kiểm soát rủi ro hoạt động của Ngân hàng.
- SeABank quản lý chặt chẽ hoạt động thuê ngoài đảm bảo việc sử dụng dịch vụ thuê ngoài không gây tình trạng lệ thuộc, không ảnh hưởng đến việc bảo mật cơ sở dữ liệu, thông tin khách hàng của SeABank và đạt hiệu quả cao hơn việc tự thực hiện.
 - Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục được xây dựng cho các trường hợp tối thiểu theo yêu cầu của NHNN (mất tài liệu, cơ sở dữ liệu quan trọng; hệ thống công nghệ thông tin bị sự cố; các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, cháy nổ,...) và hướng tới xây dựng cho các hoạt động trọng yếu hoặc có tác động đến phạm vi lớn của ngân hàng (hệ thống thanh toán, truyền thông, kho quỹ,...).
 - Thiết lập và duy trì khung quản lý RRHĐ tổng thể cho toàn Ngân hàng bao gồm xây dựng chiến lược, khẩu vị rủi ro, quy chế, quy định, quy trình, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, các công cụ, hệ thống đo lường, giám sát, báo cáo RRHĐ.
 - Xây dựng hệ thống Risk Profile (Hồ sơ rủi ro) - cấu phần RRHĐ trong đó: xây dựng cơ sở dữ liệu RRHĐ, các chỉ số rủi ro chính (KRIs) và hệ thống báo cáo phù hợp cung cấp thông tin đa chiều cho các cấp quản lý (chi nhánh, trụ sở chính, toàn hệ thống,...) tổng hợp các thông tin về RRHĐ, cung cấp bức tranh toàn diện về quản trị rủi ro của ngân hàng.
 - Thiết lập công cụ tự đánh giá RRHĐ và biện pháp kiểm soát đối với các hoạt động/nghiệp vụ hiện hành tại Ngân hàng (RCSA). Trên cơ sở đó, các đơn vị chịu rủi ro thường xuyên thực hiện đánh giá RRHĐ và biện pháp kiểm soát đối với các quy định, quy trình, sản phẩm sửa đổi/mới ban hành để giảm thiểu tối đa rủi ro có thể xảy ra trong quá trình tác nghiệp.
 - Nhận diện những rủi ro mang tính chủ quan và khách quan có thể xảy ra trong quá trình tác nghiệp hàng ngày tại trụ sở chính và chi nhánh, chủ động thực hiện chuyển giao rủi ro theo mục tiêu chung của SeABank.
 - Nghiên cứu, thiết lập và duy trì hệ thống ngăn chặn thất thoát dữ liệu (Data Loss Prevention-DLP) giúp Ngân hàng hạn chế tối đa nguy cơ rò rỉ thông tin, và cảnh báo một số trường hợp vi phạm tiềm ẩn nguy cơ gây thất thoát thông tin cho ngân hàng đảm bảo cho các hoạt động kinh doanh phát triển bền vững.
 - Xây dựng và thiết lập hệ thống báo cáo RRHĐ định kỳ tối thiểu 06 tháng hoặc đột xuất để làm cơ sở theo dõi, đánh giá và đề xuất cải tiến hệ thống quản trị RRHĐ tại Ngân hàng.

Về rủi ro Phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố (“PCRT/TTKB”) và tuân thủ bên ngoài:

Để thực hiện quản lý rủi ro rửa tiền hiệu quả, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, SeABank đã thiết lập cơ bản đầy đủ hệ thống chính sách và vận hành liên quan, cụ thể: xây dựng/chỉnh sửa quy định chung PCRT/TTKB, chính sách chấp nhận khách hàng, quy trình nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng (KYC), quy trình báo cáo rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố, quy trình rà soát và phê duyệt yếu tố cấm vận của giao dịch (WLF) tại SeABank nhằm đảm bảo sự phù hợp với thực tiễn hoạt động và hướng tới thông lệ quốc tế. SeABank cũng đã thiết lập chương trình đào

tạo PCRT/TTKB hàng năm cho cán bộ mới và cho lãnh đạo, cán bộ ở tất cả các đơn vị bao gồm trụ sở chính và chi nhánh theo vị trí công việc. Nội dung đào tạo hàng năm thường xuyên cập nhật các thay đổi theo quy định pháp luật, quy định nội bộ, các cơ chế rửa tiền mới và rút ra bài học kinh nghiệm cho CBNV.

Về công tác phòng chống gian lận:

SeABank đã ban hành Quy định phát hiện và xử lý gian lận, giả mạo trong hoạt động tín dụng, Quy trình quản lý sự kiện rủi ro, Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp để thống nhất khái niệm, nội dung liên quan, các công cụ phòng ngừa, phát hiện, phản hồi các sự kiện vi phạm, quyền hạn, trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị liên quan. SeABank chú trọng thực hiện phòng ngừa gian lận nội bộ qua việc thiết lập văn hóa tuân thủ, trung thực qua các quy tắc đạo đức, tiêu chuẩn nghề nghiệp rõ ràng, cơ chế khen thưởng, kỷ luật phù hợp, công khai, thiết lập môi trường kiểm soát hiệu quả đối với mọi hoạt động trọng yếu mới hoặc khi có thay đổi, thực hiện công tác truyền thông, đào tạo cho mọi cán bộ ở các vị trí.

SeABank thiết lập cơ chế báo cáo rõ ràng và đa dạng về hình thức. Ngoài ra, các đơn vị nghiệp vụ còn quản lý các hệ thống email, trao đổi nội bộ, hệ thống giao dịch, hệ thống báo cáo để quản lý hoạt động của từng nghiệp vụ. Cấp quản lý của từng hoạt động nghiệp vụ có trách nhiệm giám sát, phát hiện các giao dịch bất thường tiềm ẩn rủi ro vi phạm gian lận nội bộ.

5.2. Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin

Hệ thống công nghệ thông tin (“CNTT”) có thể tiềm ẩn một số rủi ro nhất định đối với hoạt động kinh doanh ngân hàng. Các rủi ro có thể đến từ các nguyên nhân khác nhau như: SeABank phải sử dụng phần mềm, hỗ trợ công nghệ, đường truyền, hệ thống cung cấp từ nhiều đơn vị cung cấp khác nhau; từ việc người sử dụng không tuân thủ chặt chẽ các quy trình vận hành, quản trị, kiểm soát, bảo mật an ninh, an toàn hệ thống hay từ các rủi ro do thiên tai, hỏa hoạn; rủi ro từ việc tấn công mạng,...

Nhận thức được các rủi ro phải đối mặt, SeABank đã đầu tư nghiêm túc cho nguồn lực quản lý rủi ro nói chung và quản lý rủi ro trong lĩnh vực CNTT nói riêng. SeABank đã có lực lượng chuyên trách cho công tác bảo đảm an toàn thông tin (“ATTT”) toàn hệ thống cũng như của khách hàng ngay từ những ngày đầu đi vào hoạt động. Hàng loạt giải pháp, hệ thống công nghệ bảo mật uy tín đã được triển khai, áp dụng một cách đồng bộ, tạo dựng hệ thống bảo đảm ATTT tổng thể, có chiều sâu. Bên cạnh đó, với đặc điểm ngân hàng có mạng lưới rộng (nhiều phòng giao dịch, chi nhánh trên khắp cả nước), SeABank luôn chú trọng đẩy mạnh công tác hậu kiểm, giám sát, kiểm soát chéo về ATTT nhằm bảo đảm phát hiện sớm các rủi ro CNTT và kịp thời xử lý. Năm 2020, SeABank đã được cấp chứng chỉ PCI DSS 3.2 về an toàn, bảo mật cho hệ thống thẻ thanh toán lần đầu tiên tại Việt Nam.

Đối với khách hàng, SeABank cũng thường xuyên tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ATTT khi khách hàng thực hiện giao dịch. Đối với một số tình huống tấn công, mã độc mới xảy ra trong thời gian vừa qua như Zeus, OpenSSL HeartBleed..., SeABank đã kịp thời cảnh báo cho khách hàng, đồng thời luôn chủ động củng cố, rà soát, tăng cường các biện pháp bảo đảm ATTT chặt chẽ trên toàn hệ thống và không để xảy ra rủi ro.

5.3. Rủi ro từ các sự kiện bất khả kháng

Ngoài các rủi ro nêu trên, những rủi ro khác mang tính bất khả kháng cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của SeABank như: thiên tai, dịch họa, dịch bệnh hiểm nghèo, chiến tranh, khủng bố... Những rủi ro này tạo tâm lý bất an, gây thiệt hại, ảnh hưởng đến thu nhập của các cá

nhân, tổ chức là khách hàng của SeABank. Do vậy, rủi ro này tùy theo từng thời điểm có thể gây những ảnh hưởng cục bộ, theo từng lĩnh vực nhất định. Để hạn chế các rủi ro này, SeABank áp dụng nhiều chính sách đồng bộ như cho vay phân tán, chủ động mua bảo hiểm,... đồng thời yêu cầu khách hàng tùy theo lĩnh vực kinh doanh phải mua các bảo hiểm liên quan để dự phòng các sự cố không may xảy ra.

Rủi ro dịch bệnh bắt đầu từ cuối năm 2019 cụ thể là đại dịch Covid-19 đã lan ra nhiều quốc gia/vùng lãnh thổ. Đến nay trên thế giới, dịch bệnh vẫn chưa được kiểm soát và còn lây lan nhanh, diễn biến phức tạp tại Châu Âu, Mỹ và nhiều nước châu Á, tác động tiêu cực đối với mọi hoạt động kinh tế xã hội toàn cầu và Việt nam, trong đó hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế đều chịu tác động tiêu cực.

Ngân hàng Nhà nước cũng đã ban hành Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/03/2020 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus corona (Covid-19). SeABank luôn tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các văn bản quy định của pháp luật, chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội,... liên quan đến hoạt động chống dịch, dập dịch và hỗ trợ khách hàng vượt qua giai đoạn khó khăn do đại dịch và phục hồi nền kinh tế.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức đăng ký niêm yết

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG NAM Á

Ông: Lê Văn Tần

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà: Lê Thu Thủy

Chức vụ: Tổng giám đốc

Bà: Đoàn Thị Thanh Hương

Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Bà: Nguyễn Thị Hoài Phương

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

Bà Lê Thị Thanh Bình

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Ngân hàng TMCP Đông Nam Á. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Đông Nam Á cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

BCTC	:	Báo cáo tài chính
BKS	:	Ban Kiểm soát
CBNV	:	Cán bộ Nhân viên
CMND	:	Chứng minh nhân dân
CTCP	:	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
EPS	:	LNST trên mỗi cổ phần
HĐQT	:	Hội đồng Quản trị
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	:	Lợi nhuận trước thuế
NHTM	:	Ngân hàng Thương mại
ROA	:	LNST/Tổng tài sản bình quân
ROE	:	LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân
SGDCK/HSX/HOSE	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh
Sở KH&ĐT	:	Sở Kế hoạch và Đầu tư
NHNN	:	Ngân hàng Nhà nước
TCTD	:	Tổ chức tín dụng
TMCP	:	Thương mại cổ phần
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
Tổ chức đăng ký niêm yết/ Ngân hàng/SeABank	:	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
Tổ chức tư vấn/Asean Securities	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean
TSCĐ	:	Tài sản cố định
VCSH	:	Vốn chủ sở hữu
VĐL	:	Vốn điều lệ
VND	:	Việt Nam Đồng
FDI	:	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FTA	:	Hiệp định thương mại tự do
CPTPP	:	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
IMF	:	Quỹ tiền tệ quốc tế

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký niêm yết

- Tên tiếng Việt: Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Tên tiếng Anh: SOUTHEAST ASIA COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
- Tên viết tắt : SeABank
- Trụ sở : 25 Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024 3944 8688 Fax: 024 3944 8689
- Website : <https://seabank.com.vn/>
- Vốn điều lệ : 12.087.442.080.000 đồng (*Mười hai nghìn không trăm tám mươi bảy tỷ bốn trăm bốn mươi hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*)
- Logo :



- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0200253985 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/01/2005, thay đổi lần thứ 30 ngày 24/12/2020.
- Ngành nghề kinh doanh chính:

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng và các văn bản sửa đổi, bổ sung; và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 13/2/2019, Giấy chứng nhận ĐKDN số 0200253985 cấp thay đổi lần thứ 30 ngày 24/12/2020 các ngành nghề kinh doanh chính của SeABank bao gồm:

- (a) Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
- (b) Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - Cho vay;
 - Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - Bảo lãnh ngân hàng;
 - Phát hành thẻ tín dụng;
 - Bao thanh toán trong nước;
- (c) Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
- (d) Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:
 - Cung ứng phương tiện thanh toán;
 - Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm: séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
- (e) Mở tài khoản:
 - Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
- (f) Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

- (g) Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
- (h) Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
- (i) Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
- (j) Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
- (k) Dịch vụ môi giới tiền tệ.
- (l) Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (m) Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (n) Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (o) Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (p) Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (q) Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
- (r) Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ, tài sản tài chính khác trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế.
- (s) Lưu ký chứng khoán.
- (t) Kinh doanh vàng miếng.
- (u) Ví điện tử.
- (v) Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

❖ Giai đoạn 1994 - 2005

Tiền thân của SeABank là Ngân hàng TMCP Hải Phòng, thành lập tháng 3/1994 tại thành phố cảng Hải Phòng. **Tháng 09/2002, Ngân hàng chính thức đổi tên thành Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank).**

❖ Giai đoạn 2005 - 2010

Tháng 3/2005, SeABank chuyển Hội sở từ Hải Phòng về địa chỉ mới 16 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội. Tại đây, SeABank dần mở rộng quy mô, mở đầu cho việc phát triển mạnh mẽ về mạng lưới giao dịch, tài sản, nguồn vốn và các hoạt động khác trong lĩnh vực ngân hàng.

Trải qua quá trình hình thành và xây dựng, SeABank luôn không ngừng đổi mới và cải tiến công

nghe để có thể mang đến những trải nghiệm tốt nhất dành cho khách hàng thông qua ứng dụng các phần mềm tiên tiến nhất. Nổi bật trong số đó là việc ứng dụng thành công phần mềm quản trị lõi ngân hàng T24 Temenos hiện đại bậc nhất thế giới vào tháng 12/2006 chỉ trong vòng 1 năm triển khai. Đây là cơ sở quan trọng để SeABank phát triển và triển khai các sản phẩm dịch vụ ngân hàng đa dạng, hiện đại và chuyên nghiệp.

Liên tục từ năm 2007, SeABank tập trung đẩy mạnh quan hệ với các đối tác nhằm tạo ra hệ sinh thái hoạt động toàn diện. Theo đó, Mobifone chính thức trở thành cổ đông chiến lược trong nước của SeABank vào tháng 8/2007. Đến tháng 11 cùng năm, SeABank ký kết hợp đồng chuyển giao giải pháp công nghệ thẻ Way4 và T24 Temenos, mở đầu cho việc ra đời hàng loạt sản phẩm thẻ an toàn, tiện ích và đa năng của SeABank. Tháng 8/2008, Societe Generale (Pháp) - Tập đoàn Tài chính Ngân hàng hàng đầu Châu Âu trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài của SeABank.

Chỉ trong vòng 2 năm, từ số vốn điều lệ 3.000 tỷ đồng năm 2007 (1 trong 4 ngân hàng TMCP có vốn điều lệ lớn nhất Việt Nam), SeABank tiếp tục tăng mức vốn điều lệ lên 4.068 tỷ đồng vào tháng 12/2008. Điều này thúc đẩy SeABank tiếp tục khẳng định vị trí trên thị trường lúc bấy giờ và chính thức triển khai mô hình ngân hàng bán lẻ vào tháng 6/2009.

Năm 2009 có thể được coi là một mốc quan trọng đối với SeABank khi trở thành thành viên chính thức của hai tổ chức thẻ quốc tế lớn nhất thế giới là Visa Card và MasterCard. Hội sở SeABank chính thức được chuyển về 25 Trần Hưng Đạo, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội vào tháng 12/2009, đồng thời Ngân hàng phát hành thêm thẻ ghi nợ nội địa S24++, family card nhằm gia tăng lợi ích cho khách hàng và tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 5.068 tỷ đồng.

❖ **Giai đoạn 2010 - 2018**

Năm 2010, SeABank công bố bộ nhận diện thương hiệu mới, được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là công ty đại chúng theo Công văn số 752/UBCK-QLPH ngày 19/3/2010. Cũng trong năm 2010, Ngân hàng đã được Thủ tướng Chính phủ trao tặng Bằng khen “Đã có thành tích trong công tác từ năm 2007-2009, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc”. SeABank tự hào là ngân hàng duy nhất được nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Cũng trong năm này, SeABank vinh dự là ngân hàng duy nhất tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á được trao tặng giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu ASEAN trong tiêu chí Đổi mới. Bên cạnh đó, SeABank được xếp hạng 44/1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam giai đoạn 2007-2009. Tháng 12/2010, SeABank được xếp hạng 300/500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và 85/500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam.

Trong thời đại phát triển ngày càng gia tăng về công nghệ, bảo mật trở thành yếu tố được tất cả các doanh nghiệp chú trọng, đặc biệt là các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực ngân hàng. Vào tháng 11/2010, thẻ SeABank MasterCard chính thức được phát hành sử dụng công nghệ chip EMV, có độ an toàn và bảo mật cao nhất tại thời điểm đó. Nửa năm sau, tháng 9/2011, SeABank công bố phát hành thẻ ghi nợ quốc tế Visa sử dụng công nghệ chip EMV nhằm mang lại chất lượng dịch vụ tối ưu nhất dành cho khách hàng.

Với quyết tâm thực hiện chiến lược phát triển mạng lưới hoạt động tại khu vực miền Nam và định hướng ngân hàng bán lẻ tiêu biểu, trong năm 2011, SeABank thành lập Văn phòng đại

diện tại Thành phố Hồ Chí Minh, tăng gần 50 điểm giao dịch, đưa tổng số điểm giao dịch lên 150 điểm tại 22 tỉnh, thành phố trên toàn quốc. Cũng trong năm này, SeABank liên tiếp được trao tặng các giải thưởng: “International Arch of Europe Award for Quality and Excellence (IAE)” - giải thưởng đặc biệt cho doanh nghiệp có thành tựu kinh doanh đáng ghi nhận trong năm - do Hội đồng sáng kiến kinh doanh (Business Initiative Direction - BID) của CHLB Đức bình chọn và trao tặng; được Hội Tin học Việt Nam đã xếp hạng trong Top 5 các ngân hàng dẫn đầu về ứng dụng CNTT của bảng xếp hạng ICT Index 2011. Ngày 06/12/2011, SeABank ban hành Bộ quy định về Dịch vụ Ngân hàng Điện tử thống nhất tất cả các dịch vụ ngân hàng từ xa cung cấp đến khách hàng qua: SMS, Email, Điện thoại, Internet, các sản phẩm SeANet, SeAMobile và SeACall.

Năm 2011, SeABank là một trong những ngân hàng đầu tiên trong hệ thống thanh toán tự động liên ngân hàng tại Việt Nam chấp nhận thanh toán tất cả các loại thẻ tín dụng quốc tế tại Việt Nam. 06 loại thẻ quốc tế nổi tiếng nhất thế giới bao gồm Visa, MasterCard, CUP, American Express, JCB và Diners Club đều được chấp nhận tại hệ thống ATM của SeABank. Bên cạnh đó, hệ thống ATM của SeABank cũng đã chấp nhận hầu hết các loại thẻ nội địa do các ngân hàng trong nước phát hành. Đồng thời, toàn bộ điểm giao dịch của SeABank trên toàn quốc đều được triển khai chuẩn nội - ngoại thất theo mô hình ngân hàng bán lẻ đạt tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo về kỹ thuật, mỹ thuật và nhận diện thương hiệu.

Trong hệ thống ngành Ngân hàng tại Việt Nam, SeABank tự hào trở thành ngân hàng đầu tiên triển khai quy chuẩn đào tạo gắn liền với thực hành nghiệp vụ cho nhân viên Ngân hàng khi khai trương Trung tâm Đào tạo tại Khu vực miền Bắc vào tháng 12/2011.

Tháng 01/2012, SeABank chính thức đưa vào sử dụng Hệ thống dịch vụ Ngân hàng tự động - Autobank đa dịch vụ, đủ tiện ích đầu tiên tại Việt Nam, mang lại đa dạng loại hình dịch vụ và thuận tiện cho khách hàng. Việc SeABank ký kết trở thành Đại lý chính của Western Union không những giúp mang đến cho khách hàng chất lượng dịch vụ đẳng cấp quốc tế mà còn góp phần thúc đẩy tăng trưởng doanh thu từ dịch vụ của Ngân hàng.

Với những giá trị sáng tạo trong việc phát triển đa dạng danh mục sản phẩm dịch vụ Tài chính theo chuẩn mực kinh doanh quốc tế, SeABank được Global Banking & Finance Review, một diễn đàn tài chính uy tín tại Vương quốc Anh, bình chọn là “Ngân hàng bán lẻ sáng tạo nhất Việt Nam 2012”, được Ngân hàng Nhà nước xếp hạng Nhóm 1 dành cho các tổ chức tín dụng có hoạt động lành mạnh và được chọn vào danh sách các ngân hàng phục vụ các dự án ODA; vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng Ba do những thành tích nổi bật đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước giai đoạn 2007-2011.

Duy trì hoạt động ngân hàng một cách hiệu quả, cá nhân Chủ tịch HĐQT SeABank, Bà Nguyễn Thị Nga cũng vinh dự được Chủ tịch nước khen tặng Huân chương Lao động Hạng Ba vì những đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển ngành Ngân hàng và nâng cao năng lực của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.

Năm 2013, SeABank vinh dự nhận được nhiều giải thưởng uy tín như: Ngân hàng của năm - Bank of the year (Financial Times), Ngân hàng có ứng dụng điện toán đám mây tốt nhất Việt Nam (The Asian Banker), Xếp hạng 101/500 Top các doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam về doanh

thu, quy mô, tổng tài sản và nghĩa vụ thuế. Đặc biệt, tháng 10/2013, SeABank chính thức được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 5.466 tỷ đồng. Tháng 12, SeABank tham gia cùng Ngân hàng Vietcombank đồng tài trợ gói tín dụng 150 triệu USD cho dự án Phát triển Khai thác dầu khí cụm mỏ Gấu Chứa - Cá Chó của Tổng Công ty Thăm dò khai thác dầu khí (PVEP) thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Năm 2014, lần thứ 5 liên tiếp SeABank được Bộ Công thương trao giải “Thương mại dịch vụ hàng đầu - Top Trade Services” nhằm ghi nhận những thành tích đổi mới và phát triển không ngừng của SeABank trong thời gian qua về phát triển sản phẩm mới và đảm bảo chất lượng dịch vụ. Trước đó SeABank đã được Bộ Công thương bình chọn và trao tặng giải thưởng này các năm 2007, 2008, 2009 và 2010. SeABank là ngân hàng đầu tiên phát hành Thẻ đồng thương hiệu MobiFone-SeABank Visa tích hợp ưu đãi Hội viên Kết nối dài lâu của MobiFone và đặc quyền chủ thẻ Visa Platinum của SeABank. Cũng trong năm này, SeABank hợp tác tài trợ 158,7 triệu USD cho dự án “Đầu tư mua giàn khoan tự nâng 400 feet nước PV Drilling VI” của PV Drilling Overseas, tài trợ 60 triệu USD cho Vietnam Airlines mua máy bay Airbus A321. Tháng 12, SeABank được chứng nhận chỉ số tín nhiệm “Doanh nghiệp phát triển bền vững - Sustainable Development Business 2014” do Tổ chức Quốc tế InterConformity Việt Nam (CHLB Đức) và Viện Doanh nghiệp Việt Nam trao tặng.

Với những nỗ lực phát triển không ngừng, SeABank ngày càng ghi dấu vị trí của mình trên thị trường quốc tế qua các giải thưởng trong năm 2015: Giải thưởng cam kết chất lượng dịch vụ đẳng cấp quốc tế - hạng Kim Cương (International Quality Crown Award London 2014 - Diamond) do Tổ chức Business Initiative Directions (B.I.D) - Tây Ban Nha trao tặng lần thứ 3, Giải thưởng dịch vụ Ngân hàng Doanh nghiệp tốt nhất Việt Nam 2015 (Best Corporate Services Bank Vietnam 2015) do International Finance Magazine (Vương quốc Anh) trao tặng, Giải thưởng "Hệ thống quản trị lõi ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2015" (Best Core Banking System Implementation Vietnam 2015) do Tổ chức Global Banking & Finance Review (GBAF) - Vương quốc Anh trao tặng lần thứ 4 và Lọt Top 10 Thương hiệu dẫn đầu Việt Nam - Vietnam Leading Brand 2015.

Tháng 3/2016, SeABank nhận giải thưởng Ngân hàng có sản phẩm vay mua ô tô tốt nhất Việt Nam (Best auto-loan products - Vietnam country awards 2016) do The Asian Banker trao tặng. Tháng 7, SeABank và Ngân hàng Michinoku Bank (Nhật Bản) ký kết Hợp tác chiến lược tài trợ doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam - Nhật Bản. Tháng 10/2016, SeABank và Công ty TNHH Nước giải khát Coca - Cola Việt Nam (Coca - Cola) đã tổ chức “Lễ ký Thỏa thuận hợp tác toàn diện”.

Ghi nhận những thành tích hoạt động của Ngân hàng, năm 2017, SeABank và Bà Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch Hội đồng Quản trị SeABank được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng Nhì, chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động nhằm hướng tới mục tiêu trở thành “Ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất” và được Hiệp hội ngân hàng Châu Á The Asian Banker đánh giá nằm trong nhóm 15 ngân hàng mạnh nhất Việt Nam, Top 500 ngân hàng mạnh nhất khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

❖ **Giai đoạn 2018 - nay:**

Tháng 5/2018, Bà Lê Thu Thủy chính thức đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Ngân hàng SeABank, đánh dấu chặng đường phát triển mới của Ngân hàng. Chỉ trong một thời gian ngắn, tháng 10/2018, Tổng Giám đốc Lê Thu Thủy được Tạp chí International Magazine trao tặng giải thưởng “Tân Tổng Giám đốc Ngân hàng xuất sắc nhất”. SeABank chính thức tiếp nhận Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện (PTF) từ Tập đoàn VNPT và PTF trở thành công ty con của Ngân hàng vào tháng 6/2018. Tháng 12/2018, Ngân hàng thực hiện tăng vốn điều lệ lên 7.688 tỷ đồng thông qua chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu, phát hành cổ phiếu cho CBCNV, phát hành cổ phiếu thưởng và trả cổ tức bằng cổ phiếu. Trong đó số lượng cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho CBCNV là 23 triệu cổ phiếu.

Nhận thức được trách nhiệm cộng đồng, SeABank liên tục duy trì các hoạt động từ thiện nhằm giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em nghèo hiếu học. Năm 2019 là năm thứ 2 SeABank tổ chức thành công chuỗi giải chạy “SeABank Run for the Future” gây quỹ học bổng “Ươm mầm Ước mơ” giúp trẻ em thấp sáng ước mơ đến trường.

Tháng 8/2019, SeABank được Tổ chức Liên đoàn Doanh nghiệp Thế giới (Worldcob) trao tặng giải thưởng Doanh nghiệp xuất sắc nhất và Doanh nghiệp truyền cảm hứng năm 2019. Đồng thời, Tổng Giám đốc Lê Thu Thủy cũng được Worldcob bình chọn là Lãnh đạo doanh nghiệp đi đầu trong việc vận hành doanh nghiệp một cách sáng tạo, hiệu biết và có hệ thống. SeABank hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 9.369 tỷ đồng vào tháng 9/2019, đáp ứng chuẩn Basel II theo yêu cầu của NHNN. Tiếp nối thành công này, tháng 10/2019, Moody's - một trong ba tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín nhất thế giới đã công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm dài hạn mức B1 cho SeABank.

Tháng 12/2019, SeABank hoàn thành việc mua lại trước thời hạn toàn bộ dư nợ đã bán cho VAMC và vinh dự được The Asian Banker bình chọn nằm trong Top 15 ngân hàng mạnh nhất Việt Nam và Top 500 ngân hàng mạnh nhất khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Đặc biệt, tháng 12/2020, SeABank vinh dự được Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc trao tặng Cờ thi đua của Chính phủ ghi nhận “Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2019” vì đã hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua của ngành Ngân hàng.



Trải qua chặng đường 26 năm phát triển, SeABank sở hữu mạng lưới hoạt động trên khắp 3 miền đất nước với gần 170 chi nhánh và phòng giao dịch tại 27 tỉnh thành trên toàn quốc, quy mô tổng tài sản đạt 167.426 tỷ đồng tại thời điểm 30/09/2020. Đến tháng 10/2020, SeABank đã đạt mức vốn điều lệ 12.087,4 tỷ đồng. Theo đó, thương hiệu SeABank ngày càng được mở rộng đến quy mô toàn cầu và được công nhận bằng những bằng khen, giải thưởng tiêu biểu: “Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2019 - VNR500” do Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam - Vietnam Report bình chọn; Thương hiệu ngân hàng sáng tạo nhất năm 2019 do Tạp chí Global Brands Magazine bình chọn; Giải thưởng “Ngân hàng có Dịch vụ khách hàng tốt nhất Việt Nam 2020” do International Business Magazine và “Ngân hàng mang tới sự hài lòng và hạnh phúc của khách hàng” do tổ chức Global Banking and Finance Review trao tặng; Thương hiệu tiêu biểu châu Á - Thái Bình Dương do Tạp Chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương bình chọn; Bằng khen Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội dành cho SeABank theo QĐ số 3336/QĐ-UBND ngày 29/7/2020; Top 30 công ty ứng dụng Công nghệ tốt nhất Châu Á năm 2020 (“30 Best Tech Companies in Asia 2020”) do Tạp chí The Silicon Review trao tặng. Đặc biệt tháng 11/2020, SeABank vinh dự là một trong 7 ngân hàng được Bộ Công thương bình chọn danh hiệu Thương hiệu Quốc gia 2020. Bằng nỗ lực của chính mình, SeABank đã và đang vươn lên, khẳng định vị thế bằng những giá trị thực chất và hiệu quả.

CÁC DANH HIỆU VÀ PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ SEABANK ĐƯỢC TRAO TẶNG

STT	TÊN GIẢI THƯỞNG
1	"Huân chương Lao động Hạng Nhì" do Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam khen tặng SeABank và Bà Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch HĐQT vì đã có thành tích đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong giai đoạn 2012-2017.
2	"Ngân hàng có dịch vụ tài trợ thương mại xuất sắc nhất Việt Nam 2014" do Global Banking & Finance Review (GBAF) - diễn đàn tài chính uy tín tại Vương quốc Anh bình chọn cho những nỗ lực liên tục của ngân hàng trong việc cung cấp dịch vụ tài trợ thương mại cho các doanh nghiệp trong nước.
3	"Ngân hàng có dịch vụ thẻ tín dụng đồng thương hiệu xuất sắc nhất Việt Nam 2014" do Global Banking & Finance Review (GBAF) - diễn đàn tài chính uy tín tại Vương quốc Anh bình chọn cho sản phẩm thẻ đồng thương hiệu MobiFone - SeABank Visa. Đây là loại thẻ ngân hàng thông minh “2 trong 1” mang thương hiệu VISA do SeABank và MobiFone phát hành bằng cả hai hình thức là thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ.
4	"Nhà lãnh đạo ngân hàng trẻ xuất sắc nhất Việt Nam 2014" đối với Bà Lê Thu Thủy - Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT vì những nỗ lực và giá trị đóng góp vào quá trình phát triển của SeABank nói riêng và ngành Ngân hàng nói chung.
5	"Giải Bạch Kim cho cam kết chất lượng quốc tế" do Tổ chức Business Initiative Directions trao tặng cho SeABank năm 2011 và 2012 vì những giá trị trong quản trị điều hành, chất lượng dịch vụ và thực hành quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế.
6	"Ngân hàng bán lẻ sáng tạo nhất Việt Nam 2012" do tổ chức Global Banking and Finance Review (Vương Quốc Anh) phong tặng cho SeABank vì những giá trị sáng tạo trong lĩnh vực ngân hàng bán lẻ theo tiêu chuẩn quốc tế.

STT	TÊN GIẢI THƯỞNG
7	"Ngân hàng có ứng dụng điện toán đám mây tốt nhất khu vực năm 2013" do The Asian Banker phong tặng SeABank vì những giá trị ứng dụng công nghệ điện toán đám mây vào việc phát triển hạ tầng công nghệ ngân hàng, từ đó phục vụ cho việc phát triển đa dạng sản phẩm tài chính hiện đại.
8	"Ngân hàng của năm 2013" do Tạp chí nổi tiếng thế giới The Banker trao tặng ghi nhận sự phát triển ổn định, bền vững của SeABank.
9	"Ngân hàng có dịch vụ khách hàng cá nhân tốt nhất Việt Nam 2013" do tổ chức Global Banking and Finance Review (Vương Quốc Anh) phong tặng cho SeABank vì những nỗ lực liên tục và vượt bậc của SeABank trong việc cung cấp các giải pháp tài chính toàn diện để phục vụ khách hàng.
10	"Nhà lãnh đạo Ngân hàng Năng động nhất Việt Nam 2013" tổ chức Global Banking and Finance Review trao tặng cho Bà Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch HĐQT của SeABank nhằm ghi nhận những nỗ lực và giá trị mà Bà đóng góp vào quá trình 20 năm phát triển của SeABank.
11	"Top 10 nữ doanh nhân trí thức thành đạt" do Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Việt Nam và Bộ Khoa học và Công nghệ vinh danh Bà Nguyễn Thị Nga do những cống hiến của Bà trong đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ vào kinh doanh.
12	"Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" trao tặng cho Bà Lê Thu Thủy - Phó Chủ tịch thường trực HĐQT SeABank với những thành tích đóng góp cho sự phát triển của SeABank nói riêng và ngành Ngân hàng nói chung.
13	"Danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc" do Thủ tướng Chính phủ trao tặng cho Bà Nguyễn Thị Nga vì đã có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong phong trào thi đua yêu nước, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc".
14	"Cờ thi đua" của Thủ tướng Chính phủ trao tặng SeABank vì đã hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu trong phong trào thi đua năm 2016 của ngành Ngân hàng.
15	"Cúp vàng vì sự phát triển cộng đồng ASEAN" do Cộng đồng khu vực ASEAN bình chọn và trao giải thưởng cho SeABank.
16	08 năm liền SeABank được xếp hạng Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam .
17	"Nhãn hiệu nổi tiếng - Nhãn hiệu cạnh tranh 2013" do Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam trao tặng SeABank vì những thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh, mở rộng mạng lưới hoạt động và phát triển thương hiệu.
18	"SeABank nhận giải thưởng Ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam 2014" (Best Retail Bank Vietnam 2014) do Tạp chí Global Financial Market Review (GFM) trao tặng.
19	"Dịch vụ ngân hàng trực tuyến tốt nhất Việt Nam 2016" (Best Internet Bank Vietnam 2016) do Global Business Outlook trao tặng.
20	"Ngân hàng có dịch vụ quản lý tài sản tốt nhất" (Best Wealth Manager - Vietnam Rising Star) do Tạp chí The Asset (Hong Kong) trao tặng.
21	"Most Innovative Retail Bank Vietnam 2017" do Tạp chí Global Business Outlook trao tặng Tháng 11/2017.

STT	TÊN GIẢI THƯỞNG
22	"Ngân hàng có mạng lưới POS tốt nhất 2017" (Outstanding in POS network performance 2017) do NAPAS trao tặng tháng 12/2017.
23	SeABank đạt được TOP 500 doanh nghiệp lớn Việt Nam năm 2017 do Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam - Vietnam Report trao tặng tháng 12/2017.
24	SeABank đạt được Chứng chỉ về hệ thống quản lý an ninh thông tin (ISMS) theo tiêu chuẩn ISO/IEC-2001:2013 do TUV NORD - Tổ chức quốc tế uy tín chuyên đánh giá cấp chứng chỉ ISO trao tặng tháng 1/2018.
25	"Most Favourite Retail Bank Vietnam 2018" do Tạp chí International Business Magazine (IBM) - Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất trao tặng Tháng 10/2018.
26	SeABank nhận Bằng khen "thực hiện tốt chính sách, pháp luật Thuế năm 2017, 2018" do Bộ Tài chính trao tặng tháng 10/2018.
27	Chứng nhận Đảm bảo chất lượng - Quality Assurance ngành Tài chính Ngân hàng do Liên Hiệp Chất lượng Châu Á Thái Bình Dương trao tặng tháng 10/2018.
28	The best Contact center Manager of Việt nam - Giám đốc Chăm sóc khách hàng xuất sắc trong lĩnh vực Chăm sóc Khách hàng do Hiệp Hội Contact Center Việt Nam (CCAV) tháng 10/2018
29	Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam - Profit 500 do Vietnamnet, Thời báo kinh tế Việt Nam xếp hạng tháng 11/2018.
30	Top 10 Doanh nghiệp bền vững 2018 trong lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) xếp hạng vào tháng 11/2018.
31	Chứng nhận "Doanh Nghiệp Tiêu biểu vì Người Lao Động" của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam Tháng 12/2018.
32	TOP 100 Giải thưởng Sao Vàng đất Việt năm 2018 do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam xếp hạng vào Tháng 12/2018.
33	TOP 10 - Thương hiệu dẫn đầu Việt Nam do Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS) trao tặng Tháng 12/2018.
34	Brand Excellence In Savings Banking Vietnam 2018 do Finance Digest - Vương quốc Anh trao tặng.
35	Ngân hàng có tập khách hàng năng động nhất năm 2018 do NAPAS xếp hạng vào Tháng 12/2018.
36	Nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam - Sản phẩm Vàng, dịch vụ Vàng do Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam (VIPA) trao tặng.
37	SeALady - Sản phẩm thẻ tín dụng của năm - Credit Card of the Year 2018 của The Asian Banker.
38	TOP 500 DN lớn nhất Việt Nam VNR500 theo xếp hạng của Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam - Vietnam Report.
39	Top 50 thương hiệu tiêu biểu hội nhập Châu Á Thái Bình Dương do Trung tâm nghiên cứu phát triển Doanh nghiệp Châu Á đánh giá.
40	Giải thưởng "Most Favourite Retail Bank Vietnam 2018" của Tạp chí International Business Magazine (IBM) - Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất.

STT	TÊN GIẢI THƯỞNG
41	TOP 10 Thương hiệu Vàng Việt Nam 2019 do Trung tâm bảo vệ Người tiêu Dùng và Viện Kinh tế văn hóa xếp hạng.
42	Chứng nhận phù hợp chuẩn mực chỉ số tín nhiệm doanh nghiệp 2019 do Viện Doanh nghiệp Việt Nam và Trung tâm Đánh giá Chỉ số Tín nhiệm Doanh nghiệp tổ chức báo cáo quốc tế độc lập TBI:2019 đánh giá.
43	TOP 500 Doanh nghiệp tăng trưởng và thịnh vượng Việt Nam 2019 do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam - Vietnam Report xếp hạng.
44	Top 50 thương hiệu tiêu biểu hội nhập Châu Á Thái Bình Dương do Trung tâm Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương Hà Nội VAPEC Hà Nội xếp hạng.
45	Giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam 2012 - 2020 của Thời báo Kinh tế Việt Nam.
46	Giải thưởng “Lãnh đạo Ngân hàng xuất sắc nhất năm 2019” (Best Banking CEO Vietnam 2019) của Tạp chí Finance Derivative - Mỹ trao tặng bà Lê Thu Thủy - TGD.
47	Doanh nghiệp tiêu biểu ASIA của Hiệp hội Đối ngoại Châu Âu Singapore , Liên hiệp khoa học Doanh nhân Việt Nam, Tạp chí sở hữu trí tuệ và Sáng tạo.
48	Chứng nhận Chỉ số văn hóa kinh doanh - Business Culture index 2019 do Hội Liên hiệp chất lượng Châu Á Thái Bình Dương và Trung tâm Đánh giá Chỉ số Kinh doanh Doanh nghiệp BSI:2019.– Business Sustainability Index đánh giá
49	Doanh nghiệp - Doanh nhân Tư nhân tiêu biểu - Bà Lê Thu Thủy - Tổng Giám Đốc SeABank của Hội Doanh nhân tư nhân Việt Nam.
50	Thương hiệu tiêu biểu châu Á - Thái Bình Dương năm 2019 do Tạp chí Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương và Trung tâm nghiên cứu phát triển Doanh nghiệp châu Á, Trung tâm kinh tế châu Á - Thái Bình Dương Hà Nội (VAPEC Hà Nội) trao tặng tháng 6/2019.
51	Bằng khen Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội dành cho SeABank theo QĐ số 3336/QĐ - UBND ngày 29/7/2020.
52	Thương hiệu quốc gia Việt Nam 2020 - Dành cho Dịch vụ Tài chính Ngân hàng SeABank do Bộ Công Thương Việt Nam trao tặng.
53	Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2020 do Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) trao tặng.
54	Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam do Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) trao tặng.
55	Top 10 Doanh nghiệp bền vững 2020 trong lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ do Phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam (VCCI) trao tặng.
56	Ngân hàng tiêu biểu vì cộng đồng năm 2020 do Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) và Tập đoàn dữ liệu quốc tế (IDG Vietnam) trao tặng
57	Thương hiệu ngân hàng sáng tạo nhất năm 2019 do Tạp chí The Global Brands Magazine
58	Top 15 ngân hàng mạnh nhất Việt Nam và Top 500 ngân hàng lớn và mạnh nhất khu vực Châu Á - Thái Bình Dương do Tạp chí The Asian Banker trao tặng
59	BXH V1000 - TOP 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập nhiều nhất năm 2019 (103/1000) do Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính Việt Nam ghi nhận.

STT	TÊN GIẢI THƯỞNG
60	Thương hiệu tiêu biểu châu Á- Thái Bình Dương do Tạp Chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương trao tặng.
61	Giải thưởng chuyển đổi số Việt Nam - Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc do Hội Truyền thông số Việt Nam (VDCA) trao tặng.
62	Top 30 công ty ứng dụng Công nghệ tốt nhất Châu Á 2020 do Tạp chí The Silicon Review trao tặng.
63	SeAMobile - Sản phẩm ngân hàng di động sáng tạo nhất năm 2020 do Tạp chí Finance Derivative trao tặng.
64	Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động 2019 do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trao tặng.
65	Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2020 do Tạp chí Global Economics trao tặng.
66	Ngân hàng có Dịch vụ khách hàng tốt nhất Việt Nam 2020 Tạp chí International Business Magazine trao tặng.
67	Ngân hàng mang tới sự hài lòng và hạnh phúc của khách hàng do Tạp chí Global Banking and Finance Review.
68	Nhà cung cấp chất lượng xuất sắc Viện Doanh nghiệp Việt Nam trao tặng.
69	Cờ thi đua ghi nhận “Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2019” của Chính phủ.

Hình 3. Hình ảnh một số giải thưởng SeABank đã đạt được



Huân chương Lao động Hạng Nhì do Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam khen tặng SeABank và Bà Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch HĐQT vì đã có thành tích đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong giai đoạn 2012-2017



Ngân hàng vì cộng đồng tốt nhất Việt Nam 2016
Global Banking & Finance Review (Anh)



Top 500 Ngân hàng lớn và mạnh nhất Châu Á - Thái Bình Dương
The Asian Banker (Singapore)



Thương hiệu quốc gia Việt Nam 2020 - Dành cho Dịch vụ Tài chính ngân hàng SeABank
Bộ Công Thương Việt Nam



Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam
Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report)



Ngân hàng có Dịch vụ khách hàng tốt nhất Việt Nam 2020 và Ngân hàng mang tới sự hài lòng và hạnh phúc cho khách hàng 2020



Hội đồng Tư vấn Kinh doanh ASEAN (ASEAN BAC) bình chọn và trao các giải thưởng "Doanh nhân biểu tượng tại mỗi quốc gia trong khối ASEAN" cho bà Lê Thu Thủy và "Doanh nghiệp vì cộng đồng - SME Corporate Social Responsibility" cho SeABank



Top 500 DN Lớn nhất Việt Nam
Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam - Việt Nam Report



Top 10 Doanh nghiệp bền vững Việt Nam trong lĩnh vực thương mại - Dịch vụ trong năm 2019.
Phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam (VCCI)



Giải thưởng chuyển đổi số Việt Nam - Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc
Hội Truyền thông số Việt Nam (VDCA) trao tặng



SeAMobile - Sản phẩm ngân hàng di động sáng tạo nhất năm 2020
Tạp chí Finance Derivative trao tặng

Hình 4. Một số hình ảnh hoạt động về xã hội, cộng đồng của SeABank



Bà Nguyễn Thị Nga đại diện cho SeABank và Tập đoàn BRG đã trao tặng ủng hộ 5 tỷ đồng cho công tác phòng chống dịch tại Lễ Phát động toàn dân ủng hộ phòng, chống Covid-19 do Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam tổ chức, dưới sự chứng kiến của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc và lãnh đạo các Bộ, ban, ngành.



SeABank

LET'S GO GREEN WITH SEABANK

HÃY CÙNG SEABANK CHUNG TAY BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG!

Đến giao dịch tại SeABank để nhận ngay các phần quà thú vị!
Thời gian: 1/11/2019 - 9/11/2019

Hotline: 1900 555 587 www.seabank.com.vn

Với mong muốn lan tỏa hơn nữa tới cộng đồng thông điệp sống có trách nhiệm với môi trường, phát triển bền vững, Ngân hàng SeABank đã triển khai chuỗi hoạt động vì môi trường **"Let's Go Green with SeABank"**.

1.3. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của SeABank

Kể từ thời điểm thành lập cho đến nay, SeABank đã có 21 lần tăng vốn điều lệ đạt mức vốn điều lệ 12.087,4 tỷ đồng vào tháng 10/2020. Quá trình tăng vốn điều lệ của SeABank như sau:

Bảng 1. Quá trình tăng vốn

STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn
	Vốn điều lệ tại thời điểm thành lập - Tháng 3/1994		3.000	3.000	Chào bán cho cổ đông sáng lập
1.	Năm 2001	3.000	47.010	50.010	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
2.	Năm 2002	50.010	19.990	70.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
3.	Năm 2003	70.000	15.000	85.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
4.	Năm 2004 - đợt 1	85.000	35.000	120.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
5.	Năm 2004 - đợt 2	120.000	30.000	150.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
6.	Năm 2005 - đợt 1	150.000	50.000	200.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
7.	Năm 2005 - đợt 2	200.000	50.000	250.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank

STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn
8.	Năm 2006 - đợt 1	250.000	100.000	350.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
9.	Năm 2006 - đợt 2	350.000	150.000	500.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
10.	Năm 2007 - đợt 1	500.000	500.000	1.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
11.	Năm 2007 - đợt 2	1.000.000	500.000	1.500.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
12.	Năm 2007 - đợt 3	1.500.000	500.000	2.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
13.	Năm 2007 - đợt 4	2.000.000	550.000	2.550.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
14.	Năm 2007 - đợt 5	2.550.000	450.000	3.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
15.	Năm 2008	3.000.000	1.068.545,45	4.068.545,45	Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi, phát hành cho cổ đông chiến lược và chia cổ tức bằng cổ phiếu
16.	Năm 2009	4.068.545,45	1.000.000	5.068.545,45	Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi
17.	Năm 2010	5.068.545,45	266.110,55	5.334.656	Chia cổ tức bằng cổ phiếu

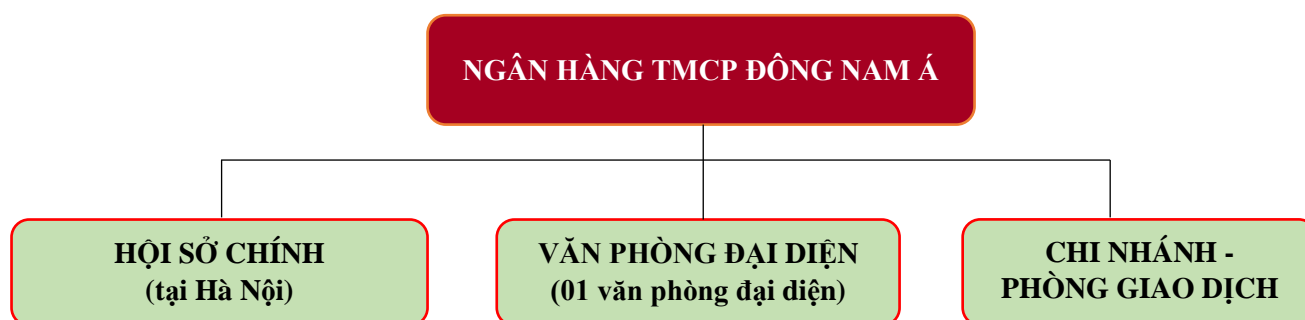
STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn
18.	Năm 2013	5.334.656	131.169,89	5.465.825,89	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
19.	Năm 2018	5.465.825,89	2.222.174,11 Chi tiết: <hr/> 549.534,61 <hr/> 230.000,00 <hr/> 1.442.639,50	7.688.000	Chi tiết: <hr/> - Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu <hr/> - Phát hành theo chương trình lựa chọn cho CBNV (thường cho người lao động và phát hành cho CBNV) <hr/> - Chào bán chứng khoán cho cổ đông hiện hữu
20.	Năm 2019	7.688.000	1.681.000	9.369.000	- Chào bán chứng khoán cho cổ đông hiện hữu
21.	Năm 2020	9.369.000	2.718.422,08 Chi tiết: <hr/> 1.311.660 <hr/> 1.406.782,08	12.087.442,08	Chi tiết: <hr/> - Trả cổ tức bằng cổ phiếu <hr/> - Chào bán chứng khoán cho cổ đông hiện hữu

Nguồn: SeABank

2. Cơ cấu tổ chức của SeABank

Ngân hàng TMCP Đông Nam Á được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 và Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 16/06/2010 và các văn bản sửa đổi, bổ sung. Các hoạt động của SeABank tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức Tín dụng và Điều lệ SeABank được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hình 5. Cơ cấu tổ chức của SeABank



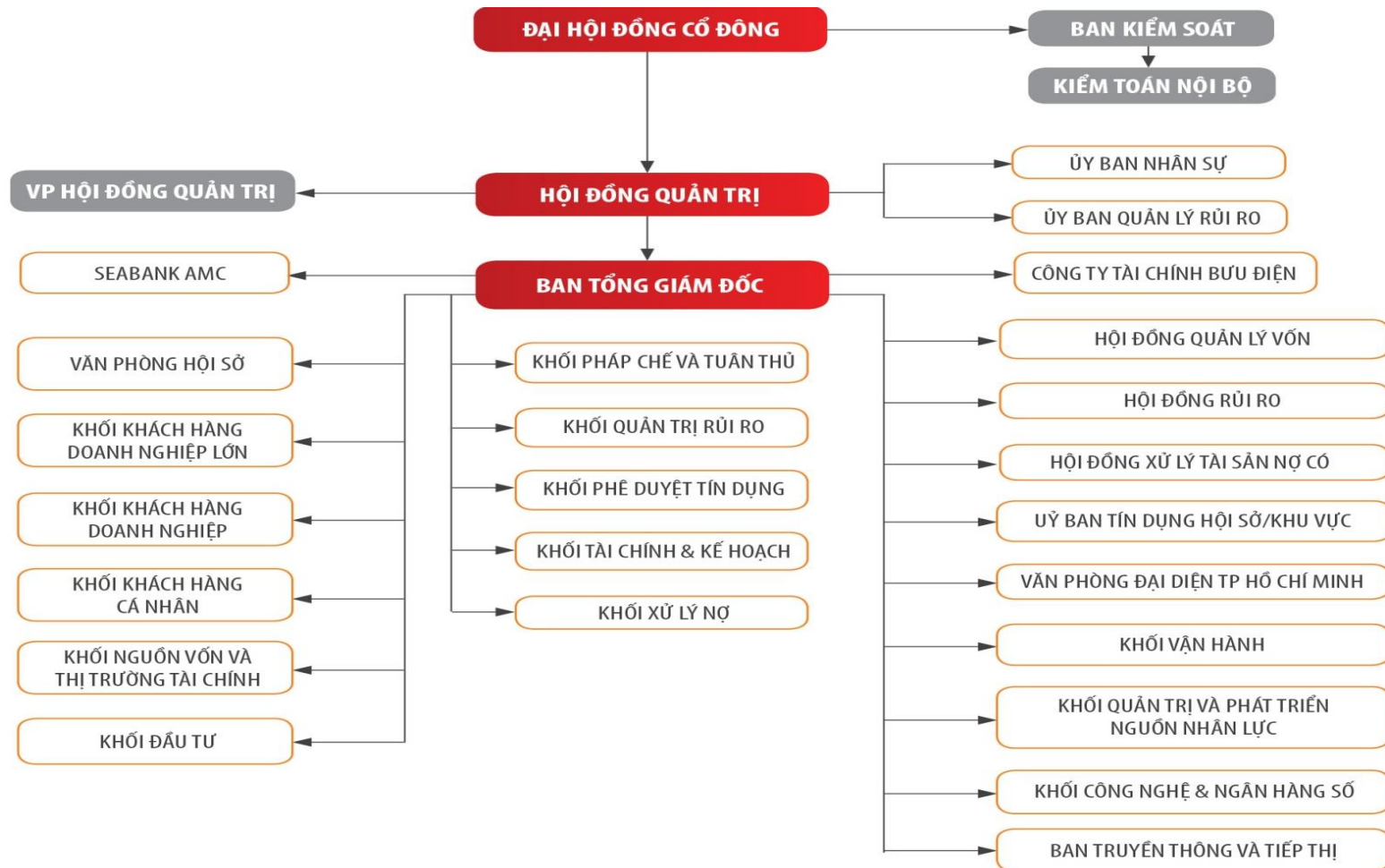
(Nguồn: SeABank)

SeABank có Hội sở chính tại Hà Nội, 01 Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh và 165 Chi nhánh, Phòng Giao dịch trải rộng trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

- Hội sở chính: Số 25 Trần Hưng Đạo, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh: Tầng 3 Cao ốc Văn phòng, số 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh - Phòng Giao dịch: 165 chi nhánh/phòng giao dịch tại 25 tỉnh thành phố trên cả nước.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của SeABank

Hình 6. Sơ đồ tổ chức



(Nguồn: SeABank)

Diễn giải sơ đồ

- **Đại hội đồng cổ đông** là cơ quan quyết định cao nhất của SeABank, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua Nghị quyết.
- **Hội đồng Quản trị ("HĐQT")** là cơ quan quản trị SeABank, có toàn quyền nhân danh SeABank để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của SeABank mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có nhiệm vụ xác định và xây dựng các kế hoạch và chính sách như chính sách quản lý kinh doanh, chiến lược kinh doanh và các kế hoạch phát triển chung của SeABank.

Hội đồng quản trị hiện tại có 07 thành viên:

Lê Văn Tần	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT
Lê Thu Thủy	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Khúc Thị Quỳnh Lâm	Phó Chủ tịch HĐQT
Hoàng Minh Tân	Thành viên HĐQT
Bùi Trung Kiên	Thành viên HĐQT
Ngô Thị Nhài	Thành viên độc lập HĐQT

Hiện tại SeABank có 01 thành viên độc lập HĐQT phù hợp quy định tại Điều 62 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tuy nhiên chưa đáp ứng theo quy định tại Điều 13, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. SeABank cam kết sẽ thực hiện bầu bổ sung thành viên độc lập HĐQT để đảm bảo số lượng thành viên độc lập HĐQT theo quy định trong kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

- **Ban Kiểm soát ("BKS") và Phòng Kiểm toán nội bộ:**
 - (i) BKS thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ của SeABank, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
 - (ii) BKS có bộ phận giúp việc là Phòng Kiểm toán Nội bộ được sử dụng các nguồn lực của SeABank, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình. Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong SeABank; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm SeABank hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

Ban kiểm soát hiện tại của SeABank bao gồm 03 thành viên:

Đoàn Thị Thanh Hương	Trưởng Ban Kiểm soát
Vũ Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên Ban Kiểm soát
Nguyễn Thị Phương	Thành viên Ban Kiểm soát

- **Ban Tổng Giám đốc:** gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm quản lý điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của SeABank.
 - (i) Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của SeABank, chịu trách nhiệm trước pháp luật, ĐHCĐ và HĐQT, BKS về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
 - (ii) Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của SeABank theo sự phân công, phân cấp thẩm quyền và ủy quyền của HĐQT, Tổng Giám đốc.
 - (iii) Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý công việc hàng ngày của SeABank theo Điều Lệ của SeABank và theo sự phân công, phân cấp thẩm quyền và ủy quyền của HĐQT, TGD SeABank. Ban Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT.

Ban Tổng Giám đốc của SeABank hiện tại gồm 01 Tổng Giám đốc và 08 Phó Tổng Giám đốc:

Lê Thu Thủy	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Lê Quốc Long	Phó Tổng Giám Đốc Thường trực
Vũ Đình Khoán	Phó Tổng Giám Đốc
Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám Đốc
Trần Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám Đốc
Nguyễn Ngọc Quỳnh	Phó Tổng Giám Đốc
Hoàng Mạnh Phú	Phó Tổng Giám Đốc
Nguyễn Tuấn Cường	Phó Tổng Giám Đốc
Đặng Thu Trang	Phó Tổng Giám Đốc

- **Kế toán trưởng:** giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của SeABank, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Kế toán trưởng của SeABank hiện tại là:

Nguyễn Thị Hoài Phương	Kế toán trưởng
------------------------	----------------

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của SeABank; Danh sách cổ đông sáng lập và cơ cấu cổ đông tại thời điểm 09/11/2020

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của SeABank

Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của SeABank

STT	Tên	Địa chỉ	Tổng số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH Phát triển và Đầu tư Phú Mỹ	Số 14 Láng Hạ, P. Thành Công, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội	79.354.069	6,565%
	Tổng cộng		79.354.069	6,565%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 09/11/2020

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ của SeABank

Theo quy định tại Điều 113 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, cổ đông sáng lập phải nắm giữ cổ phần của mình trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo quy định tại Điều 55 Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010: Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của TCTD, các cổ đông sáng lập phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu bằng 50% vốn điều lệ của TCTD; các cổ đông sáng lập là pháp nhân phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu bằng 50% số cổ phần do các cổ đông sáng lập nắm giữ.

Đối với SeABank, Ngân hàng được thành lập từ tháng 03 năm 1994, do đó các cổ đông sáng lập của SeABank không còn bị hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông.

4.3. Cơ cấu cổ đông sở hữu Ngân hàng tại 09/11/2020

Bảng 3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 09/11/2020

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ
1	Tổ chức	27	1.011.959.598	83,72%
	- Trong nước	27	1.011.959.598	83,72%
	- Nước ngoài	-	-	-
2	Cá nhân	1.420	196.784.610	16,28%
	- Trong nước	1.420	196.784.610	16,28%
	- Nước ngoài	-	-	-
	Tổng cộng	1.447	1.208.744.208	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 09/11/2020

5. Danh sách những công ty mẹ, công ty con của SeABank, những công ty mà SeABank đang nắm giữ quyền kiểm soát, hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với SeABank

5.1. Danh sách công ty mẹ của SeABank: Không có.

5.2. Danh sách công ty con

Tính đến 31/10/2020, SeABank có 2 công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản SeABank và Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện.

❖ **Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản SeABank**

Tên doanh nghiệp	:	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản SeABank
Giấy CNĐKKD số	:	0103099985 do Sở KHĐT Tp. Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/12/2008
Trụ sở chính	:	Số 254C phố Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Vốn Điều lệ đăng ký	:	500.000.000.000 VND
Vốn Điều lệ thực góp	:	500.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của SeABank	:	100%
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Quản lý nợ và khai thác tài sản
Doanh thu 2019	:	44,383 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế 2019	:	16,193 tỷ đồng

Ngày 03/12/2008, SeABank đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận thành lập Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - SeABank. Theo đó, SeABank AMC ra đời nhằm phục vụ nhu cầu quản lý nợ và khai thác tài sản của SeABank thông qua việc tiếp nhận, quản lý và thu hồi các khoản nợ phải thu, nợ khó đòi từ phía ngân hàng, đảm bảo kinh doanh an toàn và bền vững của ngân hàng. Bên cạnh đáp ứng nhu cầu về xử lý nợ của SeABank, SeABank AMC cũng sử dụng các kỹ năng chuyên sâu của mình để phục vụ nhu cầu xử lý nợ và tài sản tồn đọng của các doanh nghiệp khác, giúp nguồn vốn trong nền kinh tế lưu chuyển minh bạch và thông thoáng hơn.

❖ **Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện (“PTF”)**

(SeABank mua lại theo Quyết định số 1112/QĐ-NHNN ngày 22/5/2018 của Ngân hàng Nhà nước)

Tên doanh nghiệp	:	Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện
Giấy CNĐKKD số	:	0100796508 do Sở KHĐT Tp. Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/10/2010
Trụ sở chính	:	Tầng 1, tầng 2 số 3 Đặng Thái Thân, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Vốn Điều lệ đăng ký	:	1.050.000.000.000 VND
Vốn Điều lệ thực góp	:	1.050.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của SeABank	:	100%
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Tài chính tiêu dùng

Doanh thu 2019 : 89,911 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế 2019 : 1,689 tỷ đồng

Ngày 22/5/2018, SeABank và PTF đã được Thống đốc NHNN chấp thuận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông (“VNPT”) tại PTF cho SeABank. Ngày 28/9/2018, Thống đốc NHNN đã cấp Giấy phép hoạt động mới cho PTF. Theo đó, PTF đã được chuyển mô hình hoạt động sang Công ty Tài chính Tín dụng Tiêu dùng. Việc mua lại toàn bộ phần vốn góp của VNPT tại PTF phù hợp với định hướng chiến lược phát triển thành một Tập đoàn Tài chính - Ngân hàng của SeABank trong thời gian tới và phù hợp với quy định của NHNN về việc TCTD phải thành lập Công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động tín dụng tiêu dùng. Đồng thời, giúp SeABank mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh và chuyên môn hóa, tối ưu hóa hoạt động tín dụng tiêu dùng của Ngân hàng. Vốn điều lệ hiện tại của PTF là 1.050 tỷ đồng, là một trong những công ty tài chính tiêu dùng đầu tiên có mức vốn điều lệ cao nhất thị trường.

5.3. Những công ty mà SeABank đang nắm giữ quyền kiểm soát, hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với SeABank

Không có.

6. Hoạt Động Kinh Doanh

SeABank là một ngân hàng thương mại cổ phần đa năng, hướng tới hình thành Tập đoàn Tài chính - Ngân hàng với các lĩnh vực kinh doanh:

- ❖ Hoạt động ngân hàng thương mại: bao gồm các hoạt động chính như huy động vốn, hoạt động tín dụng, dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng thương mại khác;
- ❖ Hoạt động ngân hàng bán lẻ, tập trung phục vụ các tầng lớp dân cư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn/cho vay/thanh toán đáp ứng mọi nhu cầu tài chính của cá nhân; phát triển các sản phẩm thẻ;
- ❖ Hoạt động ngân hàng đầu tư: SeABank thực hiện hoạt động ngân hàng đầu tư dưới hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty tài chính hoặc loại hình công ty khác mà SeABank nắm giữ cổ phần hoặc có phần vốn góp theo quy định của pháp luật.

6.1. Hoạt động kinh doanh chính

6.1.1. Sản phẩm dịch vụ và chất lượng sản phẩm dịch vụ

❖ **Dịch vụ tài chính Ngân hàng dành cho khách hàng cá nhân**

Với mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất tại Việt Nam trên cơ sở chiến lược hội tụ số, SeABank luôn nỗ lực cung cấp tới các phân khúc khách hàng cá nhân một hệ thống dịch vụ, tiện ích tài chính - ngân hàng toàn diện. Không chỉ cạnh tranh về chất lượng dịch vụ, SeABank cũng là một trong những ngân hàng đi đầu về ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm số hóa sản phẩm, đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

✓ **Sản phẩm dịch vụ ngân hàng số**

Cùng với xu thế cuộc cách mạng 4.0 và SeABank xác định Hội tụ số là chiến lược phát triển ưu tiên đẩy mạnh của ngân hàng trong thời gian tới. Các sản phẩm dịch vụ ngân hàng số dành cho cá nhân của SeABank được phát triển đa dạng trên nền tảng hệ thống công nghệ thông tin và hạ tầng công nghệ hiện đại bậc nhất thế giới qua đó giúp rút ngắn thời gian giao dịch, gia tăng tiện ích và trải nghiệm của khách hàng. Trong năm 2020, SeABank đã nâng cấp các sản phẩm dịch vụ ngân hàng số gồm ứng dụng SeAMobile, dịch vụ ngân hàng trực tuyến SeANet lên phiên bản hoàn toàn mới mang lại trải nghiệm đồng nhất, với nhiều tính năng dẫn đầu:

- Tính năng quản lý tài chính cá nhân lần đầu xuất hiện tại Việt Nam được xây dựng trên cơ sở mô hình quản lý chi tiêu 6 lọ theo tiêu chuẩn quốc tế kết hợp với trí tuệ nhân tạo giúp khách hàng dễ dàng quản lý chi tiêu cá nhân đồng thời có những nhắc nhở, tư vấn đầu tư hiệu quả;
- Mở tài khoản ebank 100% online ứng dụng eKYC, không cần đến ngân hàng;
- Tùy biến giao diện theo sở thích khách hàng với rất nhiều bộ giao diện theo giới tính, sở thích và các ngày lễ đặc biệt trong năm;
- Đồng nhất trải nghiệm trên tất cả các nền tảng ứng dụng di động, trình duyệt internet...

Bên cạnh việc có thể dễ dàng thực hiện các giao dịch ngân hàng, gửi tiết kiệm trực tuyến được cộng thêm lãi suất và thanh toán hóa đơn/vé máy bay, khách sạn, nạp tiền điện thoại,... SeABank sẽ tiếp tục nghiên cứu, bổ sung các sản phẩm ngân hàng khác để khách hàng tự trải nghiệm và thực hiện online trong thời gian tới như cấp hạn mức thẻ tín dụng, thấu chi, vay vốn...

Trên nền tảng công nghệ hiện đại, thời gian tới SeABank sẽ tiếp tục triển khai các giải pháp số hóa vận hành như Tự động hóa giao dịch tại quầy; xác thực khách hàng bằng video call; ứng dụng callbot trong chăm sóc khách hàng,...

Với những tính năng nổi trội như vậy, SeAMobile đã được tổ chức quốc tế Finance Derivative trao tặng giải thưởng “Sản phẩm ngân hàng số sáng tạo nhất 2020” và “Top 100 sản phẩm được Tin và Dừng năm 2020” do độc giả của Tạp chí Kinh tế Việt Nam bình chọn. Đồng thời SeABank cũng được Hội Truyền thông số Việt Nam (VDCA) trao tặng giải thưởng “Chuyển đổi số Việt Nam - Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc” và Tạp chí The Silicon Review bình chọn là Top 30 công ty ứng dụng Công nghệ tốt nhất Châu Á 2020.

✓ **Sản phẩm tiền gửi và tiết kiệm**

Các sản phẩm tiết kiệm dành cho cá nhân của SeABank được thiết kế đa dạng, hướng tới mục tiêu đáp ứng linh hoạt mọi nhu cầu gửi tiền của khách hàng. Tùy theo nhu cầu, Khách hàng có thể lựa chọn tham gia các sản phẩm đa dạng như Tiết kiệm linh lãi cuối kỳ, Tiết kiệm trả lãi hàng tháng, Tiết kiệm bậc thang, Tiết kiệm thông minh, Tiết kiệm Trả lãi trước, Tiết kiệm gửi góp, Tiết kiệm Phát lộc,... với tính năng vượt trội và mức sinh lời tối ưu. Khi gửi tiết kiệm tại SeABank, Khách hàng không chỉ được trải nghiệm dịch vụ gửi/rút tiền thuận tiện, nhanh chóng tại quầy giao dịch mà còn có thể chủ động thực hiện gửi tiết kiệm online trên các ứng dụng ngân hàng điện tử SeANet/SeAMobile với lãi suất cao hơn, thuận tiện.

Với nỗ lực không ngừng hướng tới Khách hàng, SeABank đã nhận giải thưởng “Ngân hàng có dịch vụ Tiết kiệm tốt nhất Việt Nam” năm 2018 do Finance Digest trao tặng.

✓ **Sản phẩm đầu tư**

Ngoài các sản phẩm Tiết kiệm, SeABank còn cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm Đầu tư linh hoạt với lợi tức vượt trội như S-Bond, SeA-Invest, SeABond,... giúp khách hàng có gia tăng tài sản nhanh chóng. Với đội ngũ chuyên gia thẩm định chuyên nghiệp, danh mục Trái phiếu được SeABank giới thiệu, chào bán tới khách hàng luôn đảm bảo về tính thanh khoản cũng như mức độ an toàn cao, tạo niềm tin đối với khách hàng khi tham gia các sản phẩm đầu tư của SeABank.

✓ **Dịch vụ thanh toán**

Dịch vụ thanh toán trong nước: chuyển tiền theo UNC, chuyển tiền 24/7, thu ngân sách nhà nước, thanh toán lương, thu chi hộ, thanh toán điện, nước thẻ ghi nợ, thẻ trả trước,... dịch vụ thanh toán hợp tác với đối tác như ví điện tử, thanh toán trung gian;

Dịch vụ thanh toán quốc tế: cá nhân là người cư trú và không cư trú chuyển tiền cho các mục đích được phép theo quy định quản lý ngoại hối, kiều hối, tài trợ thương mại cho Doanh nghiệp,...

Đón bắt xu hướng kích thích tiêu dùng “không dùng tiền mặt”, nhằm gia tăng lợi ích tối đa cho khách hàng, SeABank là ngân hàng tiên phong trong việc cung cấp giải pháp tài chính tiêu dùng thông minh thông qua dịch vụ thẻ như: BRG Elite, SeA-Easy, SeALady Cashback, SeAGolf Platinum, SeABank VISA,...

SeABank đã triển khai đồng loạt tính năng hoàn tiền trên hầu hết các sản phẩm thẻ, bao gồm cả thẻ ghi nợ và thẻ tín dụng. Khách hàng sẽ được hưởng quyền lợi giảm giá, chiết khấu khi chi tiêu tại hơn 450 đối tác của SeABank với hơn 3.300 điểm ưu đãi trên toàn quốc được cập nhật và bổ sung thường xuyên.

Dịch vụ Thẻ tín dụng quốc tế SeABank Visa với nhiều ưu điểm vượt trội cho phép chủ thẻ quản lý được mức chi tiêu một cách rõ ràng nhất với khoản tiền hoàn trả cố định hàng tháng. Ngoài ra, với 12 mức lãi suất khác nhau, thẻ tín dụng của SeABank là sản phẩm duy nhất trên thị trường cung cấp cho chủ thẻ phương thức: Chi tiêu càng nhiều, lãi suất càng giảm.

Với ứng dụng công nghệ thông minh Contactless & SamsungPay và công nghệ bảo mật với chip đạt chuẩn EMV, Thẻ SeABank là công cụ giúp cho chủ thẻ thực hiện giao dịch thanh toán nhanh chóng, tiện lợi, an toàn và bảo mật, đặc biệt là các giao dịch thanh toán trực tuyến.

✓ **Cho vay**

Đối với hoạt động tín dụng cá nhân, SeABank chú trọng cải tiến sản phẩm, quy trình cho vay theo hướng đơn giản hóa nhằm gia tăng trải nghiệm, mang lại lợi ích tối ưu cho khách hàng. Một số danh mục tín dụng Ngân hàng bán lẻ nổi bật như: Cho vay mua ô tô (SeACar), Cho vay mua/nhận chuyển nhượng Bất động sản (SeAHome), Cho vay Hội liên hiệp phụ nữ (SeAWomen), Cho vay hưu trí, Cho vay kinh doanh,...

Năm 2020, SeABank đẩy mạnh các sản phẩm cho vay mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh bên cạnh các sản phẩm tiêu dùng. Tính đến tháng 10 năm 2020 doanh số giải ngân cho vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chiếm gần 50% tổng doanh số giải ngân phân khúc Khách hàng cá nhân.

Ngoài kênh bán hàng truyền thống là các Đơn vị kinh doanh, SeABank gia tăng mạng lưới kết nối, phối hợp với các đối tác chiến lược để triển khai hợp tác cho vay như VietNam Post, VNPT, BRG,... để tiếp cận và phục vụ ngày một nhiều phân khúc Khách hàng hơn.

Trong thời gian tiếp theo, SeABank tích cực đẩy mạnh số hóa các sản phẩm, quy trình cho vay như quy trình trả nợ trước hạn một phần/toàn phần online, cho vay online đối với các nhóm khách hàng có giao dịch ví điện tử của VNPTPay, khách hàng có số dư tiền gửi tại SeABank, khách hàng sở hữu Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, Khách hàng có dư nợ tại SeABank,... để tăng doanh số cho vay, mở rộng tệp khách hàng mới.

✓ **Bancassurance (Phân phối bảo hiểm qua ngân hàng)**

Với mục tiêu đưa Bancassurance trở thành một trong những sản phẩm mũi nhọn giúp Ngân hàng đẩy mạnh doanh thu phí, SeABank đã chính thức triển khai sản phẩm Bảo hiểm nhân thọ từ năm 2018. Doanh số Bảo hiểm năm 2019 đạt được là 213 tỷ đồng, phát hành thành công 17.486 hợp đồng.

Tháng 12 năm 2019, SeABank đã ký kết Hợp đồng phân phối bảo hiểm độc quyền với Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam (Prudential Việt Nam) với thời gian hợp tác 20 năm. Chỉ trong 9 tháng triển khai hợp tác, Ngân hàng đã phát hành thành công hơn 10.000 hợp đồng với tổng giá trị 208 tỷ đồng, hoàn thành 108% kế hoạch 2020 đã đề ra.

Luôn hướng tới việc tối ưu hóa hành trình trải nghiệm của khách hàng, trong năm 2021, SeABank sẽ tiếp tục có thêm những hợp tác với Prudential để cung cấp cho khách hàng sự tiện lợi khi sử dụng sản phẩm như Bảo hiểm kỹ thuật số Pru - Bảo vệ 24/7 thông qua nền tảng ngân hàng số của SeABank.

Với phương châm hoạt động lấy khách hàng làm trọng tâm, SeABank tập trung cung cấp cho khách hàng các giải pháp tài chính tối ưu và bancassurance là một trong những công cụ để bảo vệ khách hàng cùng gia đình của họ, cũng như để đầu tư cho tương lai. Mạng lưới độc quyền và nền tảng khách hàng rộng khắp sẽ giúp SeABank và Prudential Việt Nam gặt hái thành công và phát huy tốt mối quan hệ đối tác, đặc biệt đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

❖ **Dịch vụ tài chính ngân hàng dành cho khách hàng doanh nghiệp**

✓ **Tín dụng**

Bên cạnh các sản phẩm truyền thống dành cho doanh nghiệp như: Cho vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động, Cho vay trung dài hạn đầu tư tài sản cố định, Tài trợ dự án,... SeABank đã tạo ra sự khác biệt bằng việc không chỉ ban hành những sản phẩm tiêu chuẩn trên thị trường mà còn ban hành những sản phẩm “may đo” chuyên biệt theo từng lĩnh vực như cấp tín dụng cho Doanh nghiệp lĩnh vực Thi công xây lắp, Sản xuất kinh doanh Nhựa, hoặc lĩnh vực Vật tư - thiết bị y tế, Dược, Vật liệu xây dựng, Tài trợ theo Hợp đồng cung ứng, Tài trợ các dự án điện mặt trời,...

Hàng loạt chương trình ưu đãi dành cho Khách hàng doanh nghiệp được triển khai như Chương trình vay mua xe ô tô với lãi suất từ 6,49%/năm, Chương trình ưu đãi cho vay ngắn hạn Lãi suất giảm sốc - Giải ngân siêu tốc với lãi suất từ 6,5%/năm,... mang lại nhiều lựa chọn cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm với nhiều chính sách phù hợp và ưu đãi vượt trội.

✓ **Dịch vụ thanh toán quốc tế và tài trợ Thương mại**

SeABank cung cấp đầy đủ các dịch vụ Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại bao gồm: Chuyển tiền và nhận tiền về từ nước ngoài bằng điện (TTR), phát hành Thư tín dụng (L/C) nhập khẩu, thông báo, xử lý bộ chứng từ và thanh toán L/C xuất khẩu, nhờ thu chứng từ nhập khẩu trả ngay (D/P), nhờ thu chứng từ nhập khẩu trả chậm (D/A), xử lý và thanh toán bộ chứng từ nhờ thu xuất khẩu,...

Bên cạnh các dịch vụ truyền thống, SeABank luôn không ngừng phát triển các sản phẩm thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại mới, hợp tác với các ngân hàng quốc tế đem lại các sản phẩm tối ưu cho khách hàng, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu như các sản phẩm: Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu, Tài trợ xuất khẩu trước giao hàng, L/C trả chậm được phép thanh toán ngay (L/C UPAS),...

Về chính sách, Khách hàng xuất nhập khẩu giao dịch tại SeABank luôn được tiếp cận nguồn vốn với lãi suất ưu đãi, cơ chế tỷ giá linh hoạt và mức phí cạnh tranh so với thị trường. Đặc biệt, năm 2020 là năm đầy khó khăn, biến động của toàn nền kinh tế nói chung và hoạt động ngoại thương nói riêng. Vì vậy, để hỗ trợ kịp thời cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu, SeABank đã triển khai thành công một số chương trình ưu đãi hấp dẫn như Chương trình đồng hành cùng Doanh nghiệp theo sản phẩm Cho vay VND lãi suất ngoại tệ,... Bên cạnh đó, SeABank còn chú trọng nghiên cứu và phát triển các sản phẩm đặc thù cho từng khách hàng/nhóm khách hàng thuộc một số ngành nghề xuất nhập khẩu chủ lực như ngành Thủy sản, Gạo,...

Về mặt chất lượng dịch vụ, SeABank đã và đang áp dụng đồng thời nhiều giải pháp như: đa dạng các hình thức thanh toán, đơn giản hóa thủ tục và hồ sơ, nâng cấp hệ thống công nghệ giúp rút ngắn thời gian tác nghiệp, đưa ra các quy chuẩn phục vụ khách hàng chuyên nghiệp, tăng cường quản trị để giảm thiểu rủi ro trong thương mại quốc tế.

✓ **Bảo lãnh**

SeABank cung cấp các loại hình bảo lãnh đa dạng, bảo đảm uy tín cho Khách hàng trong hoạt động sản xuất kinh doanh như Bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh đối ứng,... Với thời gian phát hành thư bảo lãnh nhanh chóng, thủ tục đơn giản cùng đội ngũ chuyên viên giàu kinh nghiệm, SeABank có thể đáp ứng được mọi yêu cầu về bảo lãnh của khách hàng phù hợp với quy định Pháp luật và thông lệ quốc tế. Năm 2020, để nâng cao tính năng cho sản phẩm bảo lãnh, ngoài các kênh xác thực bảo lãnh truyền thống, SeABank còn cung cấp đa dạng các kênh xác thực bảo lãnh online cho khách hàng như xác thực qua tin nhắn điện thoại, xác thực qua website SeABank hay xác thực thông qua tổng đài.

✓ **Quản lý tiền tệ và quản lý thu chi**

SeABank cung cấp đa dạng các kênh giao dịch, đáp ứng tối ưu mọi nhu cầu thanh toán và quản lý dòng tiền của doanh nghiệp như các dịch vụ chuyển tiền, nhận tiền gửi ký quỹ, các sản phẩm nộp thuế điện tử, thanh toán hóa đơn, thu hộ theo bảng kê,...

✓ **Tiền gửi**

Các sản phẩm tiền gửi của SeABank phong phú đa dạng cho phép doanh nghiệp quản lý dòng tiền một cách chính xác, hiệu quả, tối ưu khả năng sinh lời của nguồn vốn nhàn rỗi cũng như đáp ứng nhu cầu thanh toán, chi tiêu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của

doanh nghiệp: như các sản phẩm tiền gửi thông minh, tiền gửi linh lãi cuối kỳ, tiền gửi linh lãi định kỳ, tiền gửi online,...

✓ **Dịch vụ Ngân hàng điện tử**

Các sản phẩm dịch vụ ngân hàng số dành cho doanh nghiệp của SeABank được phát triển đa dạng trên nền tảng hệ thống công nghệ thông tin và hạ tầng công nghệ hiện đại bậc nhất thế giới qua đó giúp rút ngắn thời gian giao dịch, gia tăng tiện ích và trải nghiệm của khách hàng. Dịch vụ ngân hàng trực tuyến dành cho doanh nghiệp SeANet, dịch vụ SMS và Email Banking của SeABank hiện tại với các tính năng đa dạng, tốc độ xử lý giao dịch trong vòng 03s/click giúp cho doanh nghiệp thực hiện giao dịch qua Ngân hàng nhanh chóng và tiện lợi.

Để nâng cao chất lượng dịch vụ ebank phù hợp với tốc độ phát triển công nghệ thế giới - xu hướng Digital banking, SeABank đang xây dựng dịch vụ SeAMobile dành cho Khách hàng doanh nghiệp. Theo đó, Khách hàng doanh nghiệp hoàn toàn thực hiện các giao dịch gửi tiền, chuyển khoản, thanh toán hóa đơn, thanh toán dư nợ thẻ,... trên chiếc điện thoại Smartphone.

Trong năm 2020, đồng thời với việc nâng cấp các sản phẩm dịch vụ ngân hàng số dành cho cá nhân gồm ứng dụng SeAMobile, dịch vụ ngân hàng trực tuyến SeANet lên phiên bản hoàn toàn mới mang lại trải nghiệm đồng nhất, với nhiều tính năng dẫn đầu, SeABank cũng đang tiến hành nâng cấp và đồng nhất trải nghiệm với các dịch vụ ngân hàng số dành cho khách hàng doanh nghiệp.

✓ **Thẻ doanh nghiệp**

Thẻ tín dụng Visa Corporate của SeABank với các tính năng, tiện ích và ưu đãi nổi bật trên thị trường hiện nay đang được xem là một trong những công cụ giúp doanh nghiệp quản lý nguồn vốn hiệu quả nhất. Hạn mức cấp tối đa 5 tỷ đồng góp phần vào nguồn vốn lưu động để doanh nghiệp có thể chi tiêu trước thanh toán sau với thời gian miễn lãi lên đến 55 ngày. Tính năng Thẻ giúp Doanh nghiệp tách bạch giữa chi tiêu cá nhân và chi tiêu công, không phải lo ngại việc quy đổi ngoại tệ và tạm ứng công tác phí cho những chuyến công tác nước ngoài,... Bên cạnh đó, SeABank cũng triển khai công nghệ bảo mật theo chuẩn EMV hiện đại trong phát hành và thanh toán thẻ quốc tế Visa nhằm tăng cường an ninh, an toàn cho các giao dịch thanh toán trực tuyến (Ecommerce/online payment) tại các website thương mại điện tử có áp dụng chương trình Verified by Visa (VbV).

SeABank đã vinh dự nhận giải thưởng Ngân hàng có Dịch vụ khách hàng tốt nhất Việt Nam 2020 Tạp chí International Business Magazine trao tặng.

6.1.2. Huy Động Vốn

Hoạt động huy động vốn của SeABank trong các năm gần đây tăng trưởng bền vững, đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn và đảm bảo an toàn thanh khoản của hệ thống. Tỷ trọng tiền gửi khách hàng chiếm hơn 67% danh mục. Tính đến 31/12/2019, tổng nguồn vốn huy động đạt 143.115 tỷ đồng, tăng 11% so với 31/12/2018. Phát hành giấy tờ có giá đạt 15.679 tỷ đồng, tăng 93,45% so với 31/12/2018. Tỷ trọng tiền gửi và vay từ các TCTD khác giảm dần, tỷ trọng phát hành GTCC tăng lên cho thấy nguồn vốn của SeABank ngày càng chủ động hơn.

Tại 30/09/2020, tổng nguồn vốn huy động của SeABank đạt 151.966 tỷ đồng chủ yếu do tăng tiền gửi khách hàng. Tiền gửi của khách hàng đạt 102.547 tỷ đồng, tăng 7,12% so với thời điểm 31/12/2019.

Bảng 4. Nguồn vốn huy động của SeABank

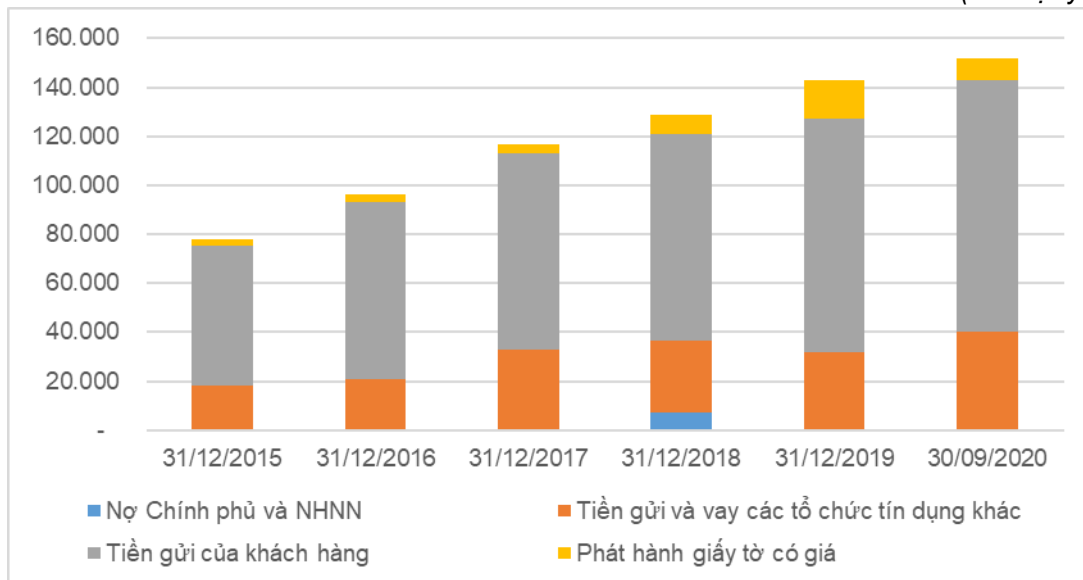
(Đơn vị: tỷ đồng)

TT	Chỉ tiêu	2018		2019		30/09/2020	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	7.282	5,65%	239	0,17%	215	0,14%
2	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	29.249	22,68%	31.470	21,99%	40.288	26,51%
-	Tiền gửi của tổ chức tín dụng khác	20.336	15,77%	21.275	14,87%	31.388	20,65%
-	Vay tổ chức tín dụng khác	8.913	6,91%	10.195	7,12%	8.900	5,86%
3	Tiền gửi của khách hàng	84.345	65,39%	95.727	66,89%	102.547	67,48%
4	Phát hành giấy tờ có giá	8.105	6,28%	15.679	10,96%	8.916	5,87%
	Tổng cộng	128.981	100%	143.115	100%	151.966	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất quý III.2020 của SeABank)

Hình 7. Cơ cấu huy động vốn của SeABank qua các năm

(Đơn vị: tỷ đồng)



(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015-2019 và BCTC hợp nhất quý III.2020 của SeABank)

Tiền gửi của khách hàng tăng trưởng bền vững qua các năm và đạt 102.547 tỷ đồng tại 30/09/2020. Xét theo kỳ hạn, tiền gửi khách hàng có kỳ hạn chiếm tỷ trọng 92,67%, còn lại tiền gửi khách hàng không kỳ hạn, tiền gửi vốn chuyên dùng, tiền ký quỹ chỉ chiếm tỷ trọng 7,33% giúp cơ cấu nguồn vốn duy trì an toàn.

Bảng 5. Cơ cấu tiền gửi của SeABank

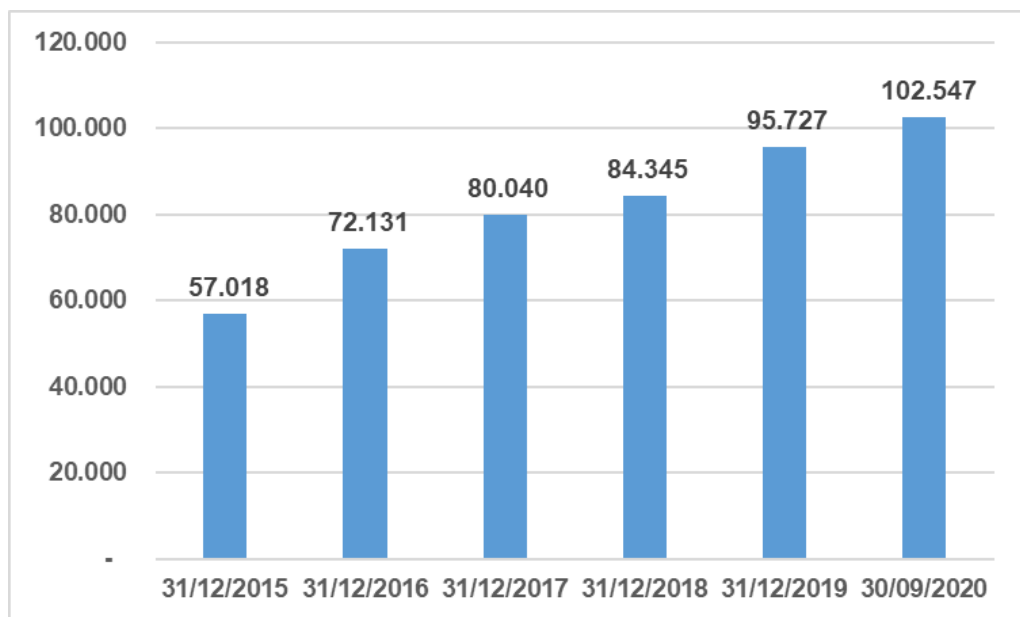
(Đơn vị: tỷ đồng)

TT	Chỉ tiêu	2018		2019		30/09/2020	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Tiền gửi không kỳ hạn	5.698	6,75%	9.774	10,21%	6.457	6,30%
	- Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	4.474	5,30%	8.594	8,98%	5.360	5,23%
	- Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	1.224	1,45%	1.180	1,23%	1.097	1,07%
2	Tiền gửi có kỳ hạn	78.467	93,03%	83.813	87,55%	95.026	92,67%
	- Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	75.837	89,91%	81.413	85,05%	93.322	91,00%
	- Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	2.630	3,12%	2.400	2,51%	1.704	1,66%
3	Tiền gửi vốn chuyên dùng	66	0,08%	1.918	2,00%	789	0,77%
4	Tiền gửi ký quỹ	114	0,14%	222	0,23%	275	0,27%
	Tổng cộng	84.345	100%	95.727	100%	102.547	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất quý III.2020 của SeABank)

Hình 8. Tình hình tiền gửi của khách hàng qua các năm

(Đơn vị: tỷ đồng)



(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015-2019 và BCTC hợp nhất quý III.2020 của SeABank)

Trong năm 2019, SeABank đã có chủ trương phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế để bổ sung vốn kinh doanh cho hoạt động. Tuy nhiên, căn cứ tình hình thị trường trong bối cảnh đại

dịch Covid-19 bùng phát bất ngờ và nhu cầu hoạt động thực tế, SeABank đã không triển khai việc phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế.

6.1.3. Hoạt Động Tín Dụng

Hoạt động tín dụng tăng trưởng theo đúng định hướng của NHNNVN và luôn đảm bảo các chỉ tiêu an toàn. Tính đến cuối năm 2019, tổng dư nợ cho vay khách hàng đạt 98.614 tỷ đồng, tăng 17,52% so với cuối năm 2018.

Đến 30/09/2020, tổng dư nợ cho vay khách hàng đạt 97.871 tỷ đồng. Mặc dù tăng trưởng tín dụng cao liên tục trong nhiều năm nhưng Ngân hàng vẫn đảm bảo theo đúng định hướng của NHNNVN và tiếp tục duy trì được khả năng thanh khoản cao.

Bảng 6. Hoạt động tín dụng của SeABank

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	9 tháng/2020
Tổng dư nợ cho vay	83.910	98.614	97.871
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(902)	(1.130)	(1.135)
Dư nợ cho vay thuần	83.008	97.484	96.736

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất quý III.2020 của SeABank)

➤ Cơ cấu dư nợ của Ngân hàng

Đặt mục tiêu trọng tâm là khách hàng, SeABank thường xuyên cập nhật, phát triển các sản phẩm tín dụng phù hợp theo từng đối tượng Khách hàng. Tăng trưởng dư nợ khách hàng tăng đều qua các năm phù hợp với quy mô tăng trưởng về huy động vốn và tổng tài sản của SeABank và phù hợp với định hướng hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá nhân trong các lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ. Tại 30/09/2020, dư nợ cho vay của SeABank đạt 97.871 tỷ đồng.

Xét theo kỳ hạn, cơ cấu dư nợ khách hàng của SeABank tương đối ổn định, dư nợ phân bổ đồng đều ở các kỳ hạn và phù hợp với nguồn vốn huy động.

Bảng 7. Cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn

(Đơn vị: tỷ đồng)

TT	Chỉ tiêu	2018		2019		9T.2020	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Nợ ngắn hạn	22.017	26,24%	41.017	41,59%	47.680	48,72%
2	Nợ trung hạn	35.960	42,86%	30.195	30,62%	25.059	25,60%
3	Nợ dài hạn	25.231	30,07%	27.402	27,79%	25.132	25,68%
4	Nợ tồn đọng chờ xử lý	701	0,84%	-	-	-	-
TỔNG CỘNG		83.910	100%	98.614	100%	97.871	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất quý III.2020 của SeABank)

➤ **Phân loại các nhóm nợ của Ngân hàng**

Mặc dù dư nợ tín dụng tăng mạnh trong năm vừa qua nhưng chất lượng tín dụng của SeABank vẫn được kiểm soát tốt. Tỷ lệ nợ xấu luôn được SeABank kiểm soát dưới 3%. Năm 2019, dư nợ nhóm 3,4,5 tăng chủ yếu do việc mua lại nợ VAMC.

Bảng 8. Phân loại nợ của Ngân hàng

Phân loại nợ	31/12/2018		31/12/2019		30/09/2020	
	Tỷ VND	%	Tỷ VND	%	Tỷ VND	%
Nợ đủ tiêu chuẩn (Nợ nhóm 1)	81.796	97,48%	96.195	97,55%	95.544	97,62%
Nợ cần chú ý (Nợ nhóm 2)	147	0,18%	139	0,14%	143	0,15%
Nợ dưới tiêu chuẩn (Nợ nhóm 3)	355	0,42%	417	0,42%	403	0,41%
Nợ nghi ngờ (Nợ nhóm 4)	538	0,64%	757	0,77%	444	0,45%
Nợ có khả năng mất vốn (Nợ nhóm 5)	373	0,44%	1.105	1,12%	1.337	1,37%
Nợ tồn đọng chờ xử lý	701	0,84%	-	-	-	-
Tổng cộng	83.910	100%	98.614	100%	97.871	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất quý III.2020 của SeABank)

Dư nợ tồn đọng chờ xử lý tại thời điểm 31/12/2018 là 701 tỷ đồng là số dư trái phiếu Vinashin còn lại đến 31/12/2018. Tính đến 31/12/2019, SeABank đã trích lập dự phòng 100% dư nợ tồn đọng của Vinashin và thực hiện sử dụng dự phòng theo đúng quy định. Số dư “Nợ tồn đọng chờ xử lý” tại thời điểm 31/12/2019 là 0 đồng.

Các khoản nợ quá hạn còn lại của SeABank hầu hết đều có tài sản đảm bảo, các tài sản vẫn được theo dõi và đánh giá định kỳ, khả năng phát mại tốt nên đảm bảo thu hồi nợ tối đa cho Ngân hàng.

Cơ cấu dư nợ theo loại hình cho thấy định hướng đa dạng hóa, chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng trưởng cho vay doanh nghiệp sản xuất kinh doanh là các công ty cổ phần và công ty TNHH cũng như đẩy mạnh cho vay các hộ kinh doanh cá nhân.

Danh mục cho vay chiếm tỷ trọng lớn là cho vay các công ty cổ phần và công ty TNHH với dư nợ lần lượt là 43.335 tỷ đồng và 32.075 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 44,28% và 32,77% tại ngày 30/09/2020.

Với định hướng trở thành ngân hàng bán lẻ, dư nợ cho vay khách hàng cá nhân, hộ kinh doanh của SeABank tăng từ 17.900 tỷ đồng trong năm 2018 lên 22.887 tỷ đồng trong năm 2019 khiến cho tỷ trọng của khoản mục này gia tăng từ 21,33% lên 23,21%. Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, tỷ trọng cho vay với đối tượng này giảm xuống 19,95% và đạt giá trị 19.528 tỷ đồng tại 30/9/2020.

Thông tin dư nợ cho vay khách hàng cá nhân và doanh nghiệp qua các thời điểm cụ thể như sau:

Bảng 9. Phân loại dư nợ cho vay theo loại hình kinh doanh

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2019		30/09/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Công ty Nhà nước	1.372	1,64%	537	0,54%	1.410	1,44%
Công ty TNHH MTV Vốn Nhà nước 100%	613	0,73%	457	0,46%	449	0,46%
Công ty TNHH khác	21.214	25,28%	30.261	30,67%	32.075	32,77%
Công ty cổ phần có Vốn Nhà nước trên 50%	1.808	2,15%	1.649	1,67%	442	0,45%
Công ty Cổ phần khác	39.504	47,08%	42.072	42,66%	43.335	44,28%
Công ty Hợp danh	33	0,04%	40	0,04%	18	0,02%
Doanh nghiệp tư nhân	944	1,13%	244	0,23%	104	0,11%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	474	0,56%	477	0,48%	449	0,46%
Hợp tác xã và Liên hiệp hợp tác xã	7	0,01%	8	0,01%	54	0,06%
Hộ kinh doanh, cá nhân	17.900	21,33%	22.887	23,21%	19.528	19,95%
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	41	0,05%	2	0,00%	7	0,01%
Tổng cộng	83.910	100%	98.614	100%	97.871	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất quý III.2020 của SeABank)

➤ **Hoạt động trích lập dự phòng**

Bên cạnh hoạt động tăng trưởng tín dụng, việc trích lập dự phòng luôn được SeABank chú trọng và tuân thủ chặt chẽ theo quy định của pháp luật. Đặc biệt, SeABank đã hoàn thành xong việc mua lại trước thời hạn toàn bộ dư nợ đã bán cho VAMC, qua đó giúp Ngân hàng chủ động theo dõi và xử lý nợ xấu, đồng thời tăng tính minh bạch của báo cáo tài chính.

Bảng 10. Trích lập dự phòng rủi ro cho vay khách hàng của SeABank

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Dự phòng chung			Dự phòng cụ thể			Tổng cộng		
	2018	2019	9T/2020	2018	2019	9T/2020	2018	2019	9T/2020
Số đầu kỳ	506	590	710	98	311	419	604	901	1.129

Chỉ tiêu	Dự phòng chung			Dự phòng cụ thể			Tổng cộng		
	2018	2019	9T/2020	2018	2019	9T/2020	2018	2019	9T/2020
Số biến động trong kỳ	84	120	16	416	1.335	450	500	1.455	466
Quỹ dự phòng VAMC	-	-	-	1.151	1.620	-	1.151	1.620	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	-	-	(1.354)	(2.847)	(460)	(1.354)	(2.847)	(460)
Số cuối kỳ	590	710	726	311	419	409	901	1.129	1.135

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất quý III.2020 của SeABank)

Quỹ dự phòng rủi ro cụ thể trong năm 2019 tăng thêm 1.620 tỷ đồng là do khi SeABank thực hiện mua lại toàn bộ dư nợ VAMC, SeABank đã thực hiện chuyển nguồn quỹ theo dõi từ “Dự phòng cụ thể chứng khoán giữ tới ngày đáo hạn” về “Dự phòng rủi ro cụ thể” của các khoản tín dụng và trích lập bổ sung thêm dự phòng.

Biến động tăng trong năm 2019 số tiền 1.334,9 tỷ đồng bao gồm việc trích lập dự phòng bổ sung cho khoản nợ tồn đọng của Vinashin (là 665,5 tỷ đồng) và trích lập dự phòng bổ sung theo quy định đối với dư nợ nội bảng còn lại (là 669,4 tỷ đồng).

➤ **Phân loại trích lập dự phòng các nhóm nợ theo ngành nghề kinh doanh**

Tính đến 30/09/2020, trích lập dự phòng cho vay khách hàng được phân loại với từng nhóm nợ theo ngành nghề kinh doanh là 409,51 tỷ đồng. Tỷ trọng trích lập dự phòng đối với nhóm ngành thương mại chiếm 34,74% tương ứng với 142,25 tỷ đồng. Nhóm ngành khai khoáng, sản xuất và gia công chế biến. Nhóm ngành xây dựng cũng chiếm tỷ trọng đáng kể lần lượt là 10,85% và 11,86% tương ứng với giá trị lần lượt là 44,41 tỷ đồng và 48,56 tỷ đồng. Các nhóm ngành nông, lâm nghiệp, giáo dục và đào tạo, nhà hàng và khách sạn, dịch vụ tài chính, hoạt động vui chơi giải trí không phát sinh khoản trích lập dự phòng do chất lượng cho vay đối với nhóm ngành này luôn đảm bảo theo quy định.

Bảng 11. Phân loại trích lập dự phòng các nhóm nợ theo ngành nghề kinh doanh tại 30/09/2020

(Đơn vị: triệu đồng)

Phân loại trích lập dự phòng theo ngành nghề kinh doanh	Nợ nhóm 2	Nợ nhóm 3	Nợ nhóm 4	Nợ nhóm 5	Tổng
Thương mại	36.904	1.465	81.040	22.842	142.250
Nông, lâm nghiệp	-	-	14	1.008	1.022
Khai khoáng, sản xuất và gia công chế biến	-	12.191	13.678	18.545	44.414
Xây dựng	-	-	48.523	40	48.563
Dịch vụ cá nhân và cộng đồng	570	1.141	2.272	9.197	13.180

Phân loại trích lập dự phòng theo ngành nghề kinh doanh	Nợ nhóm 2	Nợ nhóm 3	Nợ nhóm 4	Nợ nhóm 5	Tổng
Kho bãi, giao thông, vận tải và thông tin liên lạc	22	130	257	2.427	2.836
Giáo dục và đào tạo	-	-	-	-	-
Tư vấn và kinh doanh bất động sản	11	23	-	20	55
Nhà hàng và khách sạn	-	-	-	-	-
Dịch vụ tài chính	-	-	-	-	-
Hoạt động vui chơi, giải trí	-	-	-	-	-
Ngành nghề khác	16	150	120.694	36.334	157.193
Tổng cộng	37.522	15.099	266.478	90.412	409.512

(Nguồn: SeABank)

➤ **Tỷ lệ an toàn vốn theo Hiệp ước Basel II**

SeABank là một trong 18 ngân hàng đã được Thống đốc NHNN phê duyệt áp dụng trước thời hạn Thông tư 41/2016/TT-NHNN. Đồng thời, SeABank đã hoàn thành các chương trình, dự án theo lộ trình triển khai Basel II của NHNNVN, cụ thể:

- **Trụ cột 1 Basel (Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về tỷ lệ an toàn vốn):** SeABank được NHNNVN phê duyệt áp dụng Thông tư số 41/2016/TT-NHNN vào tháng 10/2019 (áp dụng trước thời hạn quy định 01/01/2020).
- **Trụ cột 2 Basel (Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ):** SeABank đã tổ chức hoàn thành các cấu phần theo quy định của Thông tư này và triển khai các chuẩn mực, nguyên tắc tương ứng được hướng dẫn bởi Ủy ban Basel. Tháng 7/2020, SeABank đã hoàn thành trụ cột 2 của Basel II - Quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP).
- **Trụ cột 3 Basel:** SeABank tuân thủ kỷ luật thị trường theo Trụ cột 3 Basel thông qua việc định kỳ công bố thông tin và báo cáo tỷ lệ an toàn vốn, quản lý rủi ro theo quy định của Thông tư số 41/2016/TT-NHNN, Thông tư số 13/2018/TT-NHNN và Thông tư số 11/2019/TT-NHNN. Với kết quả như vậy, SeABank là ngân hàng thứ 5 tại Việt Nam hoàn thành cả 3 trụ cột Basel II.

Đối với việc tuân thủ Trụ cột 1 Basel, SeABank đã tích cực chủ động cải thiện tỷ lệ an toàn vốn (CAR) thông qua nhiều biện pháp với mục tiêu cải thiện hệ số rủi ro của danh mục tài sản. Theo đó, tỷ lệ an toàn vốn liên tục được cải thiện và đáp ứng yêu cầu vốn tối thiểu là 8% theo Basel II. Tính đến 31/12/2019, tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất của Ngân hàng đạt 12,12% cao hơn nhiều so với mức quy định tối thiểu 8%.

Bảng 12. Tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II (Báo cáo hợp nhất)

(Đơn vị: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020	
Vốn cấp 1	Chưa áp dụng	10.925.843	11.798.585	
Các khoản phải trừ khi tính vốn cấp 1		623.048	569.644	
Vốn cấp 2		5.432.333	3.181.486	
Các khoản phải trừ khi tính vốn cấp 2		950.000	450.000	
Các khoản phải trừ khi tính Vốn tự có		-	-	
Vốn tự có		14.785.128	13.960.427	
Tổng tài sản "có" rủi ro		122.005.355	125.298.967	
Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1		8,44%	8,96%	
Tỷ lệ an toàn vốn			12,12%	11,14%

(Nguồn: SeABank)

Bảng 13. Tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II (Ngân hàng mẹ)

(Đơn vị: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020	
Vốn cấp 1	Chưa áp dụng	10.953.037	11.902.537	
Các khoản phải trừ khi tính vốn cấp 1		-	-	
Vốn cấp 2		5.432.298	3.181.016	
Các khoản phải trừ khi tính vốn cấp 2		950.000.00	450.000	
Các khoản phải trừ khi tính Vốn tự có		1.277.000	1.278.300	
Vốn tự có		14.158.334	13.355.253	
Tổng tài sản "có" rủi ro		121.736.994	124.969.797	
Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1		9,00%	9,52%	
Tỷ lệ an toàn vốn			11,63%	10,69%

(Nguồn: SeABank)

6.1.4. Hoạt động Kinh doanh ngoại tệ

Hoạt động kinh doanh ngoại tệ hiện đang là một trong những kênh kinh doanh hiệu quả của SeABank với mục tiêu đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng đồng thời tối đa hóa nguồn lực Ngân hàng. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ của SeABank tăng trưởng về cả số lượng giao dịch và doanh số. Số lượng giao dịch kinh doanh ngoại tệ tăng từ 19.275 giao dịch trong năm 2018 lên 20.490 giao dịch trong năm 2019, doanh số lần lượt đạt 2.009.077 tỷ đồng và 2.883.859 tỷ đồng. Năm 2020, mặc dù các hoạt động giao dịch bị chịu ảnh hưởng tiêu cực từ dịch Covid-19 nhưng kết thúc 09 tháng đầu năm hoạt động kinh doanh ngoại tệ của SeABank ghi nhận 14.933 giao dịch và đạt 2.202.185 tỷ đồng tổng giá trị giao dịch.

Tất cả các hoạt động kinh ngoại tệ đều được Ngân hàng quản lý rủi ro chặt chẽ với các hạn mức và trạng thái được thiết lập theo khẩu vị rủi ro Ngân hàng và đáp ứng các tiêu chuẩn yêu cầu của NHNN.

Bảng 14. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ của SeABank

Chỉ tiêu	Năm	2018	2019	9 tháng/2020
Số lượng giao dịch		19.275	20.490	14.933
Doanh số (tỷ đồng)		2.009.077	2.883.859	2.202.185

(Nguồn: SeABank)

6.1.5. Hoạt động dịch vụ khác

(i) Dịch vụ thanh toán và tài trợ thương mại:

Bảng 15. Hoạt động thanh toán trong nước của SeABank

Chỉ tiêu	2018		2019		9 tháng/2020	
	SL giao dịch	Doanh số (Tỷ đồng)	SL giao dịch	Doanh số (Tỷ đồng)	SL giao dịch	Doanh số (Tỷ đồng)
Kênh truyền thống	1.142.054	5.324.695	1.316.788	6.071.643	877.984	4.395.314
Kênh thanh toán trực tuyến	3.539.519	26.932	10.300.000	54.736	10.374.384	83.303

(Nguồn: SeABank)

Với chiến lược hội tụ số, SeABank liên tục nghiên cứu phát triển hệ thống, chuyển đổi công nghệ - nâng tầm dịch vụ với mong muốn trở thành Ngân hàng dẫn đầu về chất lượng dịch vụ và Top 3 Ngân hàng về hoạt động E-payment. 10 tháng đầu năm 2020, số lượng giao dịch qua kênh thanh toán trực tuyến đạt 11,85 triệu giao dịch, tăng 142% so với cùng kỳ năm 2019. Ngoài ra, SeABank đã tập trung hợp tác với các đối tác cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến, thanh toán cước, phí định kỳ,... Hiện nay, SeABank đã kết nối với các công ty trung gian cung cấp dịch vụ Thanh toán hóa đơn là VNPAY, VNPTPay,... Việc kết nối này có thể cho phép khách hàng thanh toán tất cả các hóa đơn trên toàn quốc.

Bảng 16. Hoạt động tài trợ thương mại và chuyển tiền quốc tế

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm	2018	2019	9 tháng/2020	10 tháng/2020
Doanh số		32.350	33.100	18.618	22.075

(Nguồn: SeABank)

Với dịch vụ thanh toán quốc tế, SeABank cung cấp đầy đủ các phương thức thanh toán cho khách hàng doanh nghiệp và cá nhân có nhu cầu như chuyển tiền bằng điện (T/T), Thư tín dụng dự phòng (Standby L/C), thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay (UPAS L/C), chuyển tiền CAD.

Việc phát triển dịch vụ thanh toán quốc tế đã mang lại nguồn doanh số trên 32 nghìn tỷ đồng cho các năm 2018 và 2019, trong 10 tháng đầu năm 2020, doanh số của hoạt động này đạt 22.075 tỷ đồng.

Hoạt động Thanh toán quốc tế của SeABank ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ trong những năm gần đây, đồng thời vẫn đảm bảo yêu cầu an toàn, ổn định và bền vững.

(ii) Dịch vụ bảo lãnh:

SeABank cung cấp dịch vụ bảo lãnh nhanh chóng, an toàn và đảm bảo uy tín với các doanh nghiệp, đối tác trong và ngoài nước. Các hình thức bảo lãnh bao gồm: bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh đối ứng, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh vay vốn,...

Bảng 17. Hoạt động dịch vụ bảo lãnh

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu \ Năm	2018	2019	9 tháng/2020
Tổng doanh thu bảo lãnh	29,10	37,57	29,70
Tổng số dư bảo lãnh cuối kỳ	3.991	4.755	4.238

(Nguồn: SeABank)

(iii) Dịch vụ thẻ:

Hiện tại SeABank đang là thành viên chính thức của các tổ chức thẻ và tổ chức thanh toán lớn trong và ngoài nước như: NAPAS, VISA, MasterCard. Thẻ ghi nợ nội địa (Debit card) vẫn là sản phẩm thẻ chiếm tỷ trọng chủ yếu trong số lượng thẻ phát hành của SeABank. Các sản phẩm thẻ của SeABank được chấp nhận thanh toán hàng hóa dịch vụ tại tất cả các máy POS trong liên minh NAPAS và tại ATM trên khắp Việt Nam. Ngoài ra, tất cả các thẻ Quốc tế của SeABank đã đáp ứng tiêu chuẩn an toàn bảo mật EMV, thẻ nội địa của SeABank đã đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật VCCS theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. SeABank cũng triển khai thành công phương thức bảo mật trực tuyến cho thẻ quốc tế Visa và hệ thống thẻ của SeABank đạt chuẩn bảo mật PCI-DSS quốc tế. Đây là các tiêu chuẩn an toàn được xác lập bởi hội đồng tiêu chuẩn bảo mật gồm các thành viên là tổ chức thẻ uy tín trên thế giới.

Với mạng lưới bao gồm 337 ATM & 731 POS tính đến cuối năm 2019. Tính đến 31/10/2020, số lượng ATM là 341 máy, tăng 04 máy tương ứng tăng trưởng 1,2% so với cuối năm 2019. Số lượng POS toàn Ngân hàng tính đến thời điểm 31/10/2020 là 871 máy, tăng thêm 140 máy POS tương ứng tăng trưởng 19,1% so với cuối năm 2019. Trong năm 2020, toàn bộ hệ thống ATM/POS của SeABank đều đạt chuẩn bảo mật EMV.

Tính đến thời điểm hiện tại, hệ thống thanh toán thẻ của SeABank đã kết nối thành công với tổ chức chuyển mạch duy nhất tại Việt Nam là NAPAS và 02 tổ chức thẻ quốc tế thông dụng nhất trên thế giới là Visa, MasterCard và 03 loại thẻ quốc tế khác là: Amex, Diners Club, JCB.

(iv) Sản phẩm, dịch vụ gia tăng khác:

Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng, SeABank đã tích cực liên kết với các đối tác nhằm triển khai các chương trình, sản phẩm hữu hiệu phục vụ khách hàng.

SeABank đã tập trung hợp tác với các đối tác cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến, thanh toán cước, phí định kỳ,... Hiện nay, SeABank đã kết nối với các công ty trung gian cung cấp dịch vụ

Thanh toán hóa đơn là VNPAY, VNPT Pay, Moca, Gotadi, VED,... qua đó nâng tổng số website chấp nhận thanh toán thẻ do SeaBank phát hành lên đến hơn 2.000 đơn vị. Việc kết nối này có thể cho phép khách hàng thanh toán tất cả các hóa đơn trên toàn quốc. Trong thời gian tới, SeABank sẽ không ngừng gia tăng dịch vụ, mở rộng hợp tác với các đối tác thanh toán điện tử như: Payoo, MOMO, ZALOPAY,... nhằm phát triển, mở rộng hệ sinh thái thanh toán và cũng để tạo tiền đề thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trên thị trường Việt Nam.

6.1.6. Hoạt động đầu tư

(i) Hoạt động kinh doanh vốn và giấy tờ có giá:

Giá trị đầu tư của SeABank vào các loại giấy tờ có giá ổn định qua các năm. SeABank tập trung đầu tư vào các giấy tờ có giá có mức rủi ro rất thấp, tính thanh khoản cao, chủ yếu là trái phiếu Chính phủ hoặc trái phiếu do Chính phủ bảo lãnh. Về hoạt động kinh doanh vốn, giá trị các khoản tiền gửi và cho vay tại NHNN và trên thị trường liên ngân hàng không ngừng gia tăng cùng với sự phát triển về quy mô của SeABank.

(ii) Chứng khoán đầu tư

Bảng 18. Chứng khoán đầu tư của SeABank

(Đơn vị: tỷ đồng)

STT	Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/09/2020	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Chứng khoán sẵn sàng để bán	17.839	86,88%	20.368	98,62%	26.379	98,95%
a	Chứng khoán Nợ	17.751	86,45%	20.283	98,20%	26.296	98,63%
-	Chứng khoán Chính phủ (Trái phiếu Chính phủ)	8.084	39,37%	11.943	57,82%	17.527	65,74%
-	Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	4.436	21,60%	2.211	10,70%	1.848	6,93%
-	Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	3.681	17,93%	4.329	20,96%	4.871	18,27%
-	Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD trong nước phát hành	1.550	7,55%	1.800	8,72%	2.050	7,69%
b	Chứng khoán vốn	88	0,43%	85	0,41%	83	0,31%
-	Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	88	0,43%	85	0,41%	83	0,31%
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	3.859	18,79%	319	1,54%	319	1,20%
-	Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	3.859	18,79%	319	1,54%	319	1,20%
3	Dự phòng chứng khoán đầu tư	(1.164)	-5,67%	(33)	-0,16%	(38)	-0,14%
-	Dự phòng chung chứng khoán sẵn sàng để bán (*)	(10)	-0,05%	(32)	-0,15%	(37)	-0,14%

STT	Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/09/2020	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
-	Dự phòng cụ thể chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	(3)	-0,01%	(1)	-0,00%	(1)	0,00%
-	Dự phòng cụ thể chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	(1.151)	-5,61%	-	-	-	-
Tổng cộng		20.534	100,00%	20.654	100,00%	26.660	100,00%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất quý III.2020 của SeABank)

Trong bối cảnh thu nhập lãi thuần bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, để đề phòng rủi ro SeABank lựa chọn gia tăng hoạt động đầu tư Chứng khoán nợ, đặc biệt là trái phiếu Chính phủ. Theo đó, khoản mục Chứng khoán sẵn sàng để bán gia tăng từ 17.839 tỷ đồng trong năm 2018 lên 20.368 tỷ đồng trong năm 2019 và đạt 26.379 tỷ đồng tại 30/09/2020.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm 31/12/2018 là 3.859 tỷ đồng, gồm có:

- Dự nợ trái phiếu đặc biệt VAMC: 3.539.254 triệu đồng, trong năm 2019, SeABank đã tắt toán toàn bộ trái phiếu đặc biệt VAMC bằng hình thức mua lại các khoản nợ đã bán cho VAMC, đến thời điểm 31/12/2019, dự nợ trái phiếu đặc biệt VAMC là 0 đồng. Số nợ mua về SeABank đã xử lý bằng các hình thức: (i) Thu nợ của khách hàng 739.618 triệu đồng, (ii) sử dụng dự phòng để xử lý 1.620.046 triệu đồng. Số còn lại được theo dõi, phân loại nợ áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp với các quy định quản trị nợ của SeABank và quy định của NHNN tại Thông tư 02/2013/TT-NHNN và Thông tư 09/2014/TT-NHNN về việc phân loại tài sản có và trích lập dự phòng để xử lý rủi ro của tổ chức tín dụng.
- Dự nợ trái phiếu của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (“DATC”): 319.364 triệu đồng do DATC phát hành để hoán đổi các khoản nợ của Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy (trước đây là Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - “Vinashin”). Toàn bộ trái phiếu này có kỳ hạn 10 năm và được bảo lãnh bởi Chính phủ. Trái phiếu này sẽ đến hạn và được tắt toán vào năm 2021.

(iii) Hoạt động đầu tư dài hạn

Bảng 19. Góp vốn, đầu tư dài hạn của SeABank

(Đơn vị: tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/9/2020
1	Đầu tư và công ty liên kết (*)	72	-	-
2	Đầu tư dài hạn khác (**)	191	148	132
3	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(58)	(27)	(27)
Tổng cộng		205	121	105

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất quý III.2020 của SeABank)

(*) Năm 2019, SeABank thực hiện chuyển nhượng vốn góp tại công ty liên kết là Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Vietcombank - Cardif. Giá trị ghi sổ của phần vốn góp của SeABank tại Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Vietcombank - Cardif là 72 tỷ đồng. Căn cứ theo Nghị quyết số

181/2018/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 02 năm 2018, SeABank đã chuyển nhượng phần vốn góp này cho BNP Paribas Cardif với giá trị 77 tỷ đồng. Hợp đồng mua bán/chuyển nhượng phần vốn góp được hai bên ký kết vào ngày 05/06/2018. BNP Paribas Cardif hoàn thành việc thanh toán số tiền mua phần vốn góp cho SeABank và việc chuyển nhượng được hoàn tất.

(**) Trong các khoản đầu tư dài hạn khác, có khoản đầu tư vào CTCP Phát triển Nhân trí Việt Nam với giá trị ghi sổ là 500 triệu đồng, tương đương tỷ lệ sở hữu 11,43%. Đây là khoản đầu tư của Công ty Tài Chính TNHH MTV Bưu Điện (“PTF”) từ khi còn trực thuộc Tập đoàn VNPT. Ban đầu vốn điều lệ của Công ty CP Phát triển Nhân trí Việt Nam là 5 tỷ đồng và PTF góp vốn 500 triệu đồng (tương đương với 10%). Tuy nhiên, trên thực tế vốn góp của các cổ đông là 4.374.391.000 đồng. Vì vậy tỷ lệ đầu tư của PTF so với vốn thực góp là 11,43%.

6.2. Quản lý rủi ro và an toàn vốn

6.2.1. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong hoạt động của SeABank. Do đó, SeABank rất chú trọng đến việc thường xuyên đánh giá và cải thiện các chính sách và quy trình quản lý rủi ro cũng như tiến hành những thay đổi cần thiết trong toàn bộ cơ cấu tổ chức để tăng cường hiệu quả của công tác quản lý rủi ro, đảm bảo tuân thủ quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư 40/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018. SeABank tổ chức 3 tuyến phòng thủ để quản trị rủi ro bao gồm i) Tuyến 1 với chức năng nhận diện, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro, được thực hiện bởi các Đơn vị kinh doanh và các Đơn vị có chức năng hỗ trợ kinh doanh (ii) Tuyến 2 với vai trò xây dựng chính sách, công cụ quản trị rủi ro và kiểm soát việc tuân thủ, được thực hiện bởi Khối Quản trị rủi ro và Khối Pháp chế Tuân thủ và (iii) Tuyến 3 với chức năng kiểm toán nội bộ, nhằm mục đích giám sát và đánh giá độc lập về quản trị rủi ro tổng thể của ngân hàng. Việc quản lý rủi ro của SeABank được thực hiện thông qua hệ thống thông tin tập trung với các quy trình quản lý rủi ro ở tất cả các mảng kinh doanh, là một quá trình liên tục cần được thực hiện ở mọi cấp độ và là yêu cầu bắt buộc để SeABank có thể đạt được các mục tiêu đề ra, duy trì một môi trường kiểm soát có kỷ luật, bảo đảm khả năng tăng trưởng bền vững và sự minh bạch về tài chính cho SeABank.

Khối Quản trị rủi ro chịu trách nhiệm quản lý các rủi ro chung trên tất cả các phân khúc kinh doanh và triển khai các hoạt động quản trị rủi ro hàng ngày. Các hoạt động của Khối Quản trị rủi ro được giám sát bởi Ủy ban Quản lý rủi ro, được thành lập bởi Hội đồng quản trị và Hội đồng rủi ro, được thành lập bởi Tổng giám đốc và có chức năng hỗ trợ giám sát cho Tổng giám đốc.

Khối Quản Trị Rủi Ro thực hiện chức năng tư vấn và hỗ trợ Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc trong công tác quản lý các rủi ro trọng yếu của Ngân hàng bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản, rủi ro tập trung và rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, xây dựng và ban hành các quy định, chính sách quản lý rủi ro, đánh giá mức độ rủi ro có thể chấp nhận và phát triển các công cụ đánh giá, giám sát rủi ro cho toàn hệ thống.

Quản lý rủi ro tín dụng

SeABank nhìn nhận rủi ro tín dụng là rủi ro trọng yếu nhất bởi tín dụng vẫn là hoạt động cốt lõi của Ngân hàng. Rủi ro tín dụng của SeABank được quản lý thông qua việc xây dựng và duy trì một chính sách tín dụng hợp lý và hiệu quả. Trên cơ sở mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể, chính sách tín dụng của SeABank bao gồm các nội dung chính sau:

Chiến lược, định hướng hoạt động tín dụng

Chiến lược phát triển tín dụng và chính sách tín dụng phù hợp được nghiên cứu xây dựng dựa trên chiến lược kinh doanh trong từng thời kỳ, trong đó xác định vị trí của SeABank, đối tượng khách hàng mục tiêu và thị trường cần hướng tới. Căn cứ vào chiến lược tín dụng, tình hình hoạt động kinh doanh cũng như nhu cầu vốn dự kiến, các chỉ tiêu như: kế hoạch về cơ cấu tín dụng; giới hạn tín dụng theo từng sản phẩm, loại tiền, lĩnh vực, thành phần kinh tế và khách hàng sẽ được phân giao cho các đơn vị thành viên với mục tiêu kiểm soát rủi ro, đảm bảo an toàn và hiệu quả tối ưu.

SeABank đã xây dựng các chỉ tiêu định hướng hoạt động tín dụng cho các giai đoạn ngắn, trung và dài hạn với các mục tiêu cụ thể: Tăng trưởng tín dụng gắn với huy động vốn, đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, gắn công tác tín dụng với nhiệm vụ huy động vốn và phát triển dịch vụ; Xây dựng nền tảng khách hàng vững chắc, ưu tiên hướng vào thị trường mới là khối khách hàng cá nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ có chất lượng cao, sử dụng đa dạng các tiện ích của SeABank; Thực hiện đa dạng hoá hơn nữa danh mục tín dụng theo ngành nghề, chú trọng hơn vào các ngành có tiềm năng phát triển dài hạn, hạn chế cho vay những ngành có rủi ro cao.

Thiết lập các tiêu chuẩn rủi ro tín dụng

SeABank đã thiết lập các tiêu chuẩn rủi ro tín dụng trên cơ sở quản lý các hoạt động tín dụng một cách thận trọng và tuân thủ các hạn mức được xác định trước, bao gồm các hạn mức rủi ro tập trung và hạn mức rủi ro tín dụng. SeABank xác định và quản trị rủi ro tín dụng trong tất cả các hoạt động và sản phẩm có rủi ro tín dụng tiềm ẩn, không thực hiện cung cấp các sản phẩm tín dụng mới cho đến khi có hiểu biết đầy đủ về sản phẩm đó cũng như các rủi ro và các biện pháp kiểm soát thích hợp đã được xây dựng và triển khai. SeABank đo lường rủi ro tín dụng, thực hiện trích lập dự phòng và tuân thủ các tỷ lệ dự phòng tín dụng theo các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước.

Tổ chức hệ thống quản lý rủi ro tín dụng khép kín

Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng của SeABank được triển khai ở tất cả các cấp độ hoạt động, từ các Đơn vị thuộc trụ sở chính đến bộ phận phát triển kinh doanh các đơn vị của từng phân khúc kinh doanh. Để hạn chế và giảm thiểu rủi ro tín dụng, SeABank tổ chức hệ thống quản lý rủi ro tín dụng bao gồm:

- Hệ thống thẩm định, phê duyệt tín dụng;
- Hệ thống xếp hạng tín dụng khách hàng;
- Tối ưu hóa hệ thống cảnh báo rủi ro tín dụng sớm để phát hiện sớm và phòng ngừa rủi ro chủ động;
- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng dữ liệu để xây dựng các công cụ quản lý rủi ro hữu hiệu và phân loại rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế;
- Hệ thống giám sát và báo cáo về chất lượng tín dụng;
- Hệ thống thu hồi nợ, cơ cấu nợ và xử lý nợ.

Xử lý rủi ro tín dụng

SeABank đã xây dựng và thực hiện các giải pháp xử lý nợ xấu như sau:

- Đánh giá khách hàng và phân loại nợ một cách chính xác theo thông lệ quốc tế;
- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng tới từng khoản vay, từng khách hàng;
- Xây dựng các biện pháp ứng xử phù hợp đối với từng khách hàng có nợ xấu;

- Cơ cấu lại nợ đối với những khoản nợ mà khách hàng có thiện chí và có khả năng trả nợ;
- Tiến hành thu hồi nợ xấu;
- Xử lý rủi ro đối với những khoản nợ không còn khả năng thu hồi.

Quản lý rủi ro hoạt động

Đối với rủi ro hoạt động, SeABank đã xây dựng các quy định, quy trình, hệ thống ứng dụng nhằm nhận biết, đánh giá, đo lường các rủi ro hoạt động đáp ứng yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN theo đó rủi ro hoạt động được nhận diện, đánh giá và xếp loại rủi ro theo thang điểm 5 dựa trên mức độ tổn thất tài chính và phi tài chính:

- Tài chính: căn cứ vào giá trị tổn thất theo nhóm hoạt động kinh doanh và khả năng gây ra tổn thất;
- Phi tài chính: dựa trên tác động uy tín, danh tiếng, phát sinh nghĩa vụ pháp lý và gián đoạn hoạt động kinh doanh.

Với mỗi mức độ trong thang điểm sẽ có một mức độ báo cáo lên cấp thẩm quyền nhất định phê duyệt phương án xử lý, khắc phục rủi ro hoạt động nhằm giảm thiểu tổn thất và ngăn ngừa rủi ro hoạt động phát sinh trên toàn hệ thống.

Công tác quản lý rủi ro hoạt động được SeABank thực hiện thường xuyên, liên tục đối với mọi hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, phòng ngừa, giám sát rủi ro đồng thời các báo cáo quản lý rủi ro hoạt động được thực hiện định kỳ hoặc khi có phát sinh.

SeABank cũng đã xây dựng và quản lý hạn mức rủi ro hoạt động để đáp ứng yêu cầu quản trị nội bộ cũng như tuân thủ Thông tư 13/2018/TT-NHNN. Tổn thất từ rủi ro hoạt động của SeABank các năm vừa qua vẫn nằm trong giới hạn hạn mức rủi ro được thiết lập.

Quản lý rủi ro thị trường

SeABank đánh giá rủi ro thị trường trên cơ sở giao dịch hàng ngày và định kỳ để đưa ra quyết định kịp thời về giảm thiểu rủi ro thị trường và phòng ngừa hiệu quả. SeABank điều chỉnh khẩu vị rủi ro thị trường định kỳ hàng năm bằng cách đặt hạn mức và thước đo định lượng về mức rủi ro tối đa cho từng phân khúc kinh doanh cũng như toàn bộ Ngân hàng.

SeABank đã xây dựng chính sách quản lý trạng thái ngoại tệ tập trung tại hội sở, ban hành khẩu vị rủi ro ngoại hối cụ thể hóa bằng những hạn mức nắm giữ trạng thái ngoại tệ với từng đồng tiền đồng thời xác lập cơ chế kiểm soát và quy trình vận hành các giao dịch kinh doanh ngoại tệ theo tiêu chuẩn quốc tế trong đó chuẩn hóa và phân tách chức năng giữa các bộ phận kinh doanh, bộ phận quản trị rủi ro và bộ phận vận hành nhằm đảm bảo tính độc lập, kiểm soát chéo nhằm giảm thiểu rủi ro. Về công cụ kiểm soát rủi ro ngoại hối, SeABank đã áp dụng mô hình tính giá trị rủi ro (VaR) và triển khai hệ thống phần mềm giao dịch ngoại tệ nội bộ giữa hội sở và chi nhánh hướng đến quản lý trạng thái ngoại hối theo thời gian thực, đây cũng là cơ sở cho phép đội ngũ kinh doanh, quản trị rủi ro của SeABank có thể quản lý trực tiếp danh mục theo giá trị thị trường và có thể ra quyết định an toàn và hiệu quả. Ngoài ra, SeABank triển khai xây dựng kho lưu trữ dữ liệu lịch sử của thị trường ngoại hối nhằm đưa ra định hướng, phân tích xu thế và mô hình hóa biến động của thị trường trong tương lai. Đây là một cơ sở dữ liệu hỗ trợ SeABank trong xây dựng tình huống căng thẳng của thị trường ngoại hối và giúp SeABank có định hướng về nguồn vốn an toàn cần thiết cho hoạt động của toàn hệ thống.

Đối với rủi ro lãi suất, SeABank đã triển khai đầy đủ các công cụ quản trị rủi ro lãi suất theo quy định của NHNN và tiến tới nghiên cứu, đưa vào triển khai một số phương pháp nâng cao theo tiêu chuẩn quốc tế Basel II.

SeABank đã triển khai dự án xây dựng hệ thống điều chuyển vốn nội bộ FTP cho phép tối ưu hóa việc sử dụng và phân bổ nguồn vốn trong toàn hệ thống. Những công nghệ và chính sách áp dụng trong quản lý rủi ro lãi suất đi theo định hướng minh bạch hóa và tạo hiệu quả sử dụng vốn góp phần tăng hiệu quả kinh doanh của ngân hàng. Bên cạnh đó, SeABank đã xây dựng hệ thống dữ liệu thị trường để chủ động trong công tác phân tích ảnh hưởng của chính sách, quy định của Ngân hàng Nhà nước cũng như chỉ số kinh tế Việt Nam đến lãi suất hiện hành và dự báo cho tương lai. SeABank cũng đã đưa mô hình đo lường độ nhạy của rủi ro lãi suất theo từng thị trường lãi suất riêng biệt và xây dựng kịch bản thay đổi lãi suất trong ngắn hạn, trong tình huống căng thẳng để kiểm tra sức chịu đựng của Ngân hàng nhằm mục tiêu đảm bảo ngân hàng luôn có đầy đủ khả năng phòng thủ trước những tình huống không thuận lợi của thị trường.

Quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

SeABank đã thiết lập chính sách quản lý và hệ thống cơ sở dữ liệu theo hai danh mục sổ kinh doanh và sổ ngân hàng nhằm tối ưu hóa việc cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác về khe hở tài sản nhạy cảm với lãi suất nhằm phục vụ hiệu quả quản trị rủi ro lãi suất. SeABank đã triển khai hệ thống phần mềm ALM. Đồng thời SeABank thiết lập quy trình, quy định quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng theo định hướng của Basel và hướng đến cơ chế chủ động điều chỉnh kỳ hạn thay đổi lãi suất của các khoản vay phù hợp với kỳ hạn thay đổi lãi suất của nguồn vốn cung cấp nhằm quản lý rủi ro lãi suất theo khung hạn mức chênh lệch kỳ hạn lãi suất theo chính sách từng thời kỳ.

Quản lý rủi ro thanh khoản

SeABank triển khai quy định và quy trình về quản lý thanh khoản trong đó thiết lập quy định về quản lý khe hở thanh khoản theo các thang của kỳ hạn, các chỉ số hạn mức rủi ro thanh khoản, các kịch bản căng thẳng thanh khoản, xây dựng kế hoạch dự phòng thanh khoản để chủ động các biện pháp xử lý trong tình huống thị trường có biến động. Ngân hàng xây dựng báo cáo MCO (Maximum cumulative Outflow) về dòng tiền ra để kiểm soát rủi ro thanh khoản và đang đáp ứng những chỉ số theo các Thông tư hướng dẫn của NHNN. Báo cáo được xây dựng hàng ngày dựa trên các số liệu trên hệ thống và áp dụng một số các giả định như chỉ số Core Deposit, Prepayment Rate.

Ngân hàng cũng đã hoàn thành dự án ALM để vận hành báo cáo quản trị rủi ro thanh khoản hàng ngày theo hướng tự động hóa và xây dựng các kịch bản stress test căng thẳng thanh khoản kèm theo để phân tích và đưa ra phương án dự phòng. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, SeABank chủ trương đa dạng hóa nguồn vốn huy động cũng như xây dựng hệ thống báo cáo cân đối vốn và báo cáo dòng tiền để tính toán trạng thái thanh khoản hàng ngày của ngân hàng. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng triển khai nghiên cứu mô hình hành vi của khách hàng để tính toán các tỷ lệ trả trước, tỷ lệ quay vòng tiết kiệm và tỷ lệ dòng tiền ổn định nhằm đưa ra các phân tích, dự báo về tình trạng thanh khoản trong tương lai và từ đó đưa ra các biện pháp phòng vệ và sử dụng dòng tiền một cách hiệu quả. Hoạt động quản lý thanh khoản của Ngân hàng được quản lý chặt chẽ theo hướng tuân thủ các quy định của NHNN và các tiêu chí quản lý thanh khoản nội bộ của ngân hàng cho hai đồng tiền chính (VND, USD) trên danh mục huy động và cho vay. Chính sách của SeABank là duy trì khối lượng tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng chi trả trong các điều kiện thông thường và căng thẳng, đồng thời SeABank

cũng thiết lập và duy trì quan hệ hạn mức giao dịch với các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác để hỗ trợ lẫn nhau khi cần thiết.

Quản lý rủi ro tập trung

SeABank thực hiện quản lý rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng và hoạt động giao dịch tự doanh theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Đối với hoạt động cấp tín dụng, SeABank thiết lập các giới hạn tín dụng theo sản phẩm, ngành, khách hàng và người có liên quan của khách hàng để đảm bảo duy trì một danh mục cấp tín dụng đa dạng, không tập trung cao vào một nhóm sản phẩm, ngành hoặc khách hàng.

Đối với hoạt động tự doanh, SeABank xác định hạn mức giao dịch theo đối tác giao dịch, sản phẩm và loại tiền tệ để đảm bảo mức độ đa dạng và mức độ tương tác phù hợp.

Quản trị rủi ro ngoại bảng

Các hoạt động ngoại bảng của SeABank chủ yếu phát sinh từ các hoạt động cấp L/C, cam kết cho vay, cam kết bảo lãnh,... Để giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động ngoại bảng, SeABank đã không ngừng nâng cao năng lực của bộ phận thẩm định cũng như của các bộ phận liên quan nhằm kiểm tra thẩm định chặt chẽ đối với các khách hàng được cấp các cam kết ngoại bảng. Đồng thời nâng cao hiệu quả trong công tác phối hợp quản trị rủi ro giữa các bộ phận.

Công tác Phòng chống rửa tiền

SeABank luôn nỗ lực đi đầu trong việc triển khai Luật Phòng, chống rửa tiền và Luật Phòng, chống khủng bố, các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước về Phòng, chống rửa tiền như Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 04/10/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, Chống rửa tiền, Nghị định số 87/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật phòng, chống rửa tiền; Nghị định số 122/2013/NĐ-CP ngày 11/10/2013 của Chính phủ Quy định về tạm ngừng lưu thông, phong tỏa, niêm phong, tạm giữ và xử lý đối với tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố; xác lập danh sách tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố, Thông tư số 35/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 của Thống đốc NHNN hướng dẫn thực hiện một số quy định về phòng, chống rửa tiền, Thông tư số 31/2014/TT-NHNN ngày 11/11/2014 của Thống đốc NHNN sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2013/TT-NHNN (trước đó là Nghị định số 74/2005/NĐ-CP, Thông tư số 22/2009/TT-NHNN, Thông tư số 41/2011/TT-NHNN), Thông tư số 20/2019/TT-NHNN ngày 14/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 hướng dẫn thực hiện một số quy định về phòng, chống rửa tiền SeABank luôn hợp tác đầy đủ với Cơ quan thanh tra, Cục Phòng chống rửa tiền trong việc báo cáo giao dịch đáng ngờ, cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý. SeABank luôn chú trọng thực hiện công tác đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức về phòng chống rửa tiền cho các cán bộ trong toàn hệ thống, đặc biệt là các cán bộ quản lý khách hàng, cán bộ trực tiếp thực hiện giao dịch với khách hàng. Bên cạnh đó, SeABank đã và đang triển khai có hiệu quả một số công cụ Phòng chống rửa tiền như công cụ lọc điện thanh toán quốc tế, tra cứu thông tin danh sách đen của Liên Hợp quốc, Liên minh Châu Âu, Mỹ,..., công cụ thống kê phân tích dữ liệu phục vụ phòng chống rửa tiền, nhằm bảo đảm an toàn trong hoạt động của SeABank, ngăn chặn các hành vi lợi dụng SeABank để thực hiện rửa tiền, tài trợ khủng bố. Hàng năm, SeABank đều thực hiện kiểm toán nội bộ công tác phòng, chống rửa tiền tại Trụ sở chính và các chi nhánh.

Công tác tuân thủ

Công tác tuân thủ của SeABank được triển khai bài bản, mạnh mẽ trên toàn hệ thống thông qua đội ngũ Tuân thủ thuộc Khối Pháp chế & Tuân thủ - đơn vị nghiệp vụ tái cơ cấu và hoàn thiện trên cơ sở Phòng Kiểm soát Nội bộ trước đây. Tuân thủ thực hiện kiểm soát tuân thủ các Đơn vị trên toàn hệ thống gồm Hội sở, Đơn vị Kinh doanh và các Công ty con; kiểm tra tuân thủ toàn diện hoặc theo chuyên đề trọng yếu trong từng thời kỳ; xây dựng định hướng, chính sách, khung chính sách và tiêu chí đánh giá hiệu quả chốt kiểm soát nội bộ nhằm quản trị tuân thủ đối với các Đơn vị trên toàn hệ thống; giám sát, đánh giá trạng thái tuân thủ của toàn hệ thống; thực hiện điều tra, xác minh và xử lý các vụ việc sai phạm nội bộ; thực hiện giám sát tuân thủ từ xa tập trung các chuyên đề rủi ro trọng yếu: nghiệp vụ tín dụng, vận hành, nghiệp vụ kế toán giao dịch,...

SeABank đã ban hành Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của SeABank (Quyết định số 1338/2020/QĐ-HĐQT) trên cơ sở cập nhật các quy định của NHNN tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung. Quy định này quy định các vấn đề cốt lõi và nền tảng trong hoạt động kiểm soát nội bộ của SeABank. Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ được ban hành đã giúp SeABank thiết lập và triển khai đồng bộ trên toàn hệ thống một hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ, giúp toàn bộ hoạt động của SeABank an toàn, tuân thủ đúng pháp luật, đồng thời đáp ứng yêu cầu của NHNN về hệ thống kiểm soát nội bộ.

Giao dịch với các bên có liên quan

SeABank tuân thủ và thực hiện đầy đủ các thủ tục theo các quy định hiện hành về quản trị Ngân hàng đối với giao dịch với các bên có liên quan.

6.2.2. Các Quy Định Về Bảo Đảm An Toàn và Giám Sát

SeABank cũng như tất cả các tổ chức nhận tiền gửi tại Việt Nam được NHNN cấp phép đều phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn và chịu sự giám sát của NHNN.

Các tỷ lệ về đảm bảo an toàn và giám sát trong hoạt động bao gồm (a) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; (b) Giới hạn tín dụng đối với khách hàng; (c) Tỷ lệ khả năng chi trả; (d) Giới hạn góp vốn và mua cổ phần; (e) Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung dài hạn được quy định tại Thông tư 36/2014/TT-NHNN ban hành ngày 20/11/2014 của Thống đốc NHNN Quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 06/2016/TT-NHNN ngày 27/5/2016 và Thông tư số 19/2017/TT-NHNN ngày 28/12/2017 của Thống đốc NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-NHNN và Thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 có hiệu lực từ 01/01/2020 và Thông tư 41/2016/TT-NHNN ban hành ngày 30/12/2016 của Thống đốc NHNN Quy định tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Ngoài ra, SeABank phải tuân thủ các quy định về dự phòng rủi ro, trạng thái ngoại tệ.

6.2.3. Các quy định về bảo đảm an toàn

Thông tư 22/2019/TT-NHNN ban hành ngày 15/11/2019 của Thống đốc NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư 41/2016/TT-NHNN ban hành ngày 30/12/2016 của Thống đốc NHNN Quy định tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có quy định như sau:

Sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung dài hạn

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung hạn và dài hạn theo tỷ lệ tối đa sau đây:

- a) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2020: 40%
- b) Từ ngày 01 tháng 10 năm 2020 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2021: 37%
- c) Từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2022: 34%
- d) Từ ngày 01 tháng 10 năm 2022: 30%

Tỷ lệ dự trữ thanh khoản

Ngân hàng thương mại phải đảm bảo duy trì tỷ lệ dự trữ thanh khoản ở mức tối thiểu 10%. SeABank đảm bảo tuân thủ tỷ lệ này tại mọi thời điểm trong năm.

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu

Ngân hàng có công ty con phải duy trì:

- Tỷ lệ an toàn vốn xác định trên cơ sở báo cáo tài chính của ngân hàng tối thiểu 8%;
- Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất xác định trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất của ngân hàng tối thiểu 8%. Trường hợp ngân hàng có công ty con là công ty kinh doanh bảo hiểm thì tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất của ngân hàng nhưng không hợp nhất công ty con là công ty kinh doanh bảo hiểm theo nguyên tắc hợp nhất của pháp luật về kế toán và báo cáo tài chính đối với tổ chức tín dụng.

Giới hạn cấp tín dụng

Trừ trường hợp ngoại lệ, tổ chức tín dụng phải tuân thủ các giới hạn cấp tín dụng áp dụng đối với một khách hàng và nhóm khách hàng liên quan, cụ thể như sau:

Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không được vượt quá 15% vốn tự có của ngân hàng; Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan không được vượt quá 25% vốn tự có của ngân hàng; Tổng mức dư nợ cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp không được vượt quá 5% vốn điều lệ, vốn được cấp của ngân hàng; Tổng mức dư nợ cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu không được vượt quá 5% vốn điều lệ, vốn được cấp của ngân hàng; Tổng mức cho vay và bảo lãnh của tổ chức tín dụng đối với một công ty con, công ty liên kết hoặc doanh nghiệp thuộc quyền kiểm soát của tổ chức tín dụng đó không được vượt quá 10% vốn tự có của tổ chức tín dụng; Tổng mức cho vay và bảo lãnh của tổ chức tín dụng đối với tất cả các công ty con, công ty liên kết, doanh nghiệp thuộc quyền kiểm soát của tổ chức tín dụng không được vượt quá 20% vốn tự có của tổ chức tín dụng đó.

Giới hạn góp vốn, mua cổ phần

Mức góp vốn, mua cổ phần của ngân hàng thương mại và các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng vào một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Ngân hàng được phép góp vốn, mua cổ phần (trừ trường hợp công ty con, công ty liên kết là công ty quản lý quỹ góp vốn, mua cổ phần từ nguồn vốn của các quỹ do công ty quản lý) không được vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận góp vốn.

Tổng mức góp vốn mua cổ phần của ngân hàng thương mại vào các doanh nghiệp, kể các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng không được vượt quá 40% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của ngân hàng thương mại.

Dự phòng rủi ro

Theo Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc NHNN Quy định về hoạt động cho vay của TCTD, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18/3/2014 của Thống đốc NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN.

Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 01 năm 2013, rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ đi giá trị của tài sản đảm bảo đã được khấu trừ theo các tỷ lệ được quy định, cụ thể:

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Nhóm dư nợ	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể trong các trường hợp khó khăn về tài chính của tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ bị suy giảm. Theo đó, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Các khoản nợ sẽ được thực hiện phân loại vào thời điểm cuối quý cho ba quý đầu năm và vào ngày 30 tháng 11 cho quý bốn trong năm tài chính.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu.

Trạng thái ngoại tệ

Được quy định theo Thông tư số 07/2012/TT-NHNN ngày 20/03/2012 của Thống đốc NHNN về trạng thái ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối, theo đó tổng trạng thái ngoại tệ dương và tổng trạng thái ngoại tệ âm cuối ngày không được vượt quá 20% vốn tự

có của Tổ chức tín dụng tại thời điểm đó. Các trường hợp đặc biệt duy trì trạng thái ngoại tệ vượt giới hạn cho phép phải được sự chấp thuận của NHNN từng thời kỳ.

Trạng thái ngoại tệ hàng ngày phải báo cáo NHNN trước 14h mỗi ngày giao dịch hôm sau.

Trạng thái vàng

Được quy định theo Thông tư số 38/2012/TT-NHNN ngày 28/12/2012 của Thống đốc NHNN về trạng thái vàng của các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh mua bán vàng miếng, theo đó tổng trạng thái vàng cuối ngày không được vượt quá 2% vốn tự có của Tổ chức tín dụng tại thời điểm đó. Các trường hợp đặc biệt duy trì trạng thái vàng vượt giới hạn cho phép phải được sự chấp thuận của NHNN từng thời kỳ.

Trạng thái vàng hàng ngày phải báo cáo NHNN trước 14h mỗi ngày giao dịch hôm sau.

Bảo hiểm tiền gửi

SeABank phải mua bảo hiểm tiền gửi tại Bảo Hiểm Tiền Gửi Việt Nam với mức phí bảo hiểm bằng 0,15% đối với tất cả tiền gửi bằng tiền Đồng của người gửi tiền là cá nhân.

Giám sát

NHNN giám sát hoạt động của SeABank thông qua giám sát từ xa, thanh tra tại chỗ và xử phạt vi phạm hành chính do Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng Nhà nước thực hiện.

Giám sát từ xa

Căn cứ vào các báo cáo cân đối kế toán, các chỉ tiêu thống kê ngoài cân đối và các loại báo cáo khác do các tổ chức tín dụng gửi theo quy định tại Thông tư số 35/2015/TT-NHNN của Thống đốc NHNN Quy định các báo cáo thống kê đối với các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng và các bộ phận nghiệp vụ liên quan xử lý số liệu, tổng hợp và phân tích các báo cáo để đánh giá các nội dung sau:

- Diễn biến về cơ cấu tài sản Nợ và tài sản Có;
- Chất lượng tài sản Có;
- Vốn tự có;
- Tình hình thu nhập, chi phí và kết quả kinh doanh;
- Việc thực hiện quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật;

Thanh tra

Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng/Thanh tra NHNN tỉnh, thành phố có thể tiến hành thanh tra tại chỗ định kỳ hoặc thanh tra đột xuất đơn vị trực thuộc của Ngân hàng.

Xử phạt vi phạm hành chính

Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các tổ chức tín dụng vi phạm theo quy định tại Nghị định 96/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

6.2.4. Hệ thống thông tin quản lý

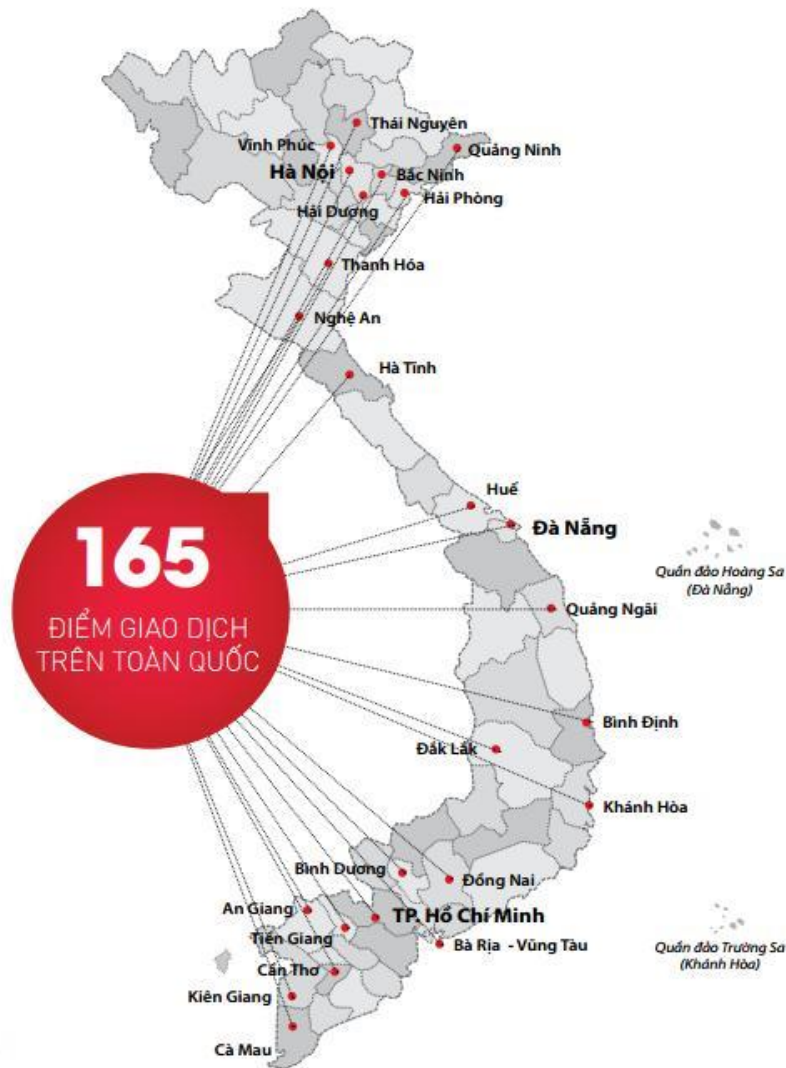
Để quản lý rủi ro hiệu quả, SeABank đã xây dựng hệ thống thông tin quản lý bao gồm các yếu tố sau:

- Thu thập, xử lý, lưu trữ và cung cấp thông tin, xây dựng, gửi, tiếp nhận và xử lý các báo cáo về quản lý rủi ro. Các thông tin rủi ro trọng yếu và các yêu cầu của NHNN Việt Nam, và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ được ưu tiên xử lý. Các thông tin về sản phẩm mới, thị trường mới, các tổn thất và nguy cơ tổn thất sẽ được chuyển kịp thời tới Khối Quản trị Rủi ro theo các quy trình báo cáo tổn thất và thu thập tổn thất.
- Đảm bảo việc trao đổi thông tin tới mọi cá nhân ở tất cả các cấp (từ HĐQT đến cấp thực thi), các bộ phận có liên quan trong hoạt động quản lý rủi ro nhằm hiểu rõ, nhận thức thống nhất và đầy đủ các chính sách, quy định, mục tiêu quản lý rủi ro của Ngân hàng. Cụ thể, các chính sách, quy định, mục tiêu quản lý rủi ro của Ngân hàng khi được ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung sẽ luôn được Chiến lược Quản trị Rủi ro thực hiện truyền thông dưới nhiều hình thức khác nhau tới tất cả các cán bộ nhân viên trong hệ thống qua hệ thống email, hệ thống ban hành văn bản của Ngân hàng hoặc các kênh truyền thông nội bộ như SeANews v.v,... hoặc Khối Quản trị Rủi ro phối hợp với Học viện SeABank tổ chức các chương trình đào tạo, các workshop, tọa đàm chia sẻ,... để giới thiệu và hướng dẫn CBNV trên toàn hệ thống triển khai, áp dụng các chính sách, quy định, mục tiêu quản lý rủi ro của Ngân hàng.
- Thông tin, dữ liệu được cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý của Ngân hàng, đảm bảo tuân thủ các quy định của NHNN về quản lý rủi ro; các nguồn thông tin được kiểm tra mức độ tin cậy. Ngân hàng tổ chức hệ thống thông tin tập trung tại Hội sở (Văn phòng Hội sở, Văn phòng HĐQT) nhằm đảm bảo sự đồng nhất thông tin trong báo cáo và quản lý rủi ro tại các cấp.
- Hệ thống thông tin được bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu và có hệ thống dự phòng để đảm bảo việc lưu trữ, sử dụng thông tin được an toàn, hiệu quả và không bị gián đoạn theo quy định của NHNN; Hệ thống thông tin được đánh giá định kỳ và được nâng cấp, cập nhật theo yêu cầu quản lý và mức độ phức tạp của hồ sơ rủi ro của Ngân hàng; Hệ thống thông tin báo cáo đảm bảo nguyên tắc cung cấp thông tin với tần suất càng cao đối với rủi ro cao.

6.3. Thị trường hoạt động:

6.3.1. Mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch

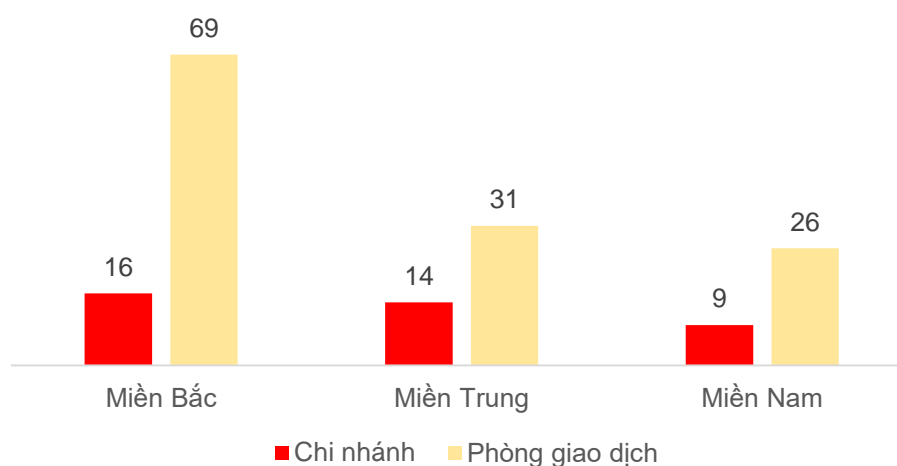
Tính đến tháng 12/2020, SeABank đã thành lập 01 Hội sở, 01 Văn phòng Đại diện và 165 điểm giao dịch tại 25 tỉnh, thành phố trên khắp cả nước, trong đó bao gồm 39 Chi nhánh và 126 Phòng Giao dịch.



Bảng 20. Chi nhánh - Phòng giao dịch theo vị trí địa lý

STT	Vị trí địa lý	Số lượng CN/PGD	STT	Vị trí địa lý	Số lượng CN/PGD
1	Hà Nội	53	14	Tỉnh Khánh Hòa	6
2	TP. Hồ Chí Minh	29	15	Tỉnh Quảng Ninh	3
3	TP Hải Phòng	13	16	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	4
4	Tp Đà Nẵng	7	17	Tỉnh Bình Dương	4
5	Tỉnh Hải Dương	7	18	Tỉnh Đắk Lắk	4
6	Tỉnh Hà Tĩnh	2	19	Tỉnh Quảng Ngãi	4
7	Tỉnh Nghệ An	5	20	Tỉnh Đồng Nai	2
8	Tỉnh Thanh Hóa	4	21	Tỉnh Tiền Giang	1
9	Tỉnh Bắc Ninh	4	22	Tp Cần Thơ	2
10	Tỉnh Thái Nguyên	3	23	Tỉnh Kiên Giang	1
11	Tỉnh Vĩnh Phúc	2	24	Tỉnh Bình Định	2
12	Tỉnh Cà Mau	1	25	Tỉnh An Giang	1
13	Tỉnh Thừa Thiên Huế	1			

Mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch



SeABank đã được NHNN chấp thuận cho SeABank thành lập 5 Chi nhánh và 4 Phòng giao dịch. Một số chi nhánh sẽ được mở tại các địa phương mới như Thái Bình, Hà Nam, Long An, Quảng Nam. Việc mở mới các Chi nhánh, PGD đã được triển khai trong năm 2020, dự kiến 5 Chi nhánh và 4 Phòng giao dịch mới sẽ đi vào hoạt động đầu tháng 01/2021, nâng tổng số điểm giao dịch của SeABank lên 174 điểm, hiện diện tại 29 tỉnh, thành phố trên cả nước.

Cơ cấu danh mục theo khu vực như sau:

Bảng 21. Cơ cấu danh mục theo khu vực

Khu vực	31/12/2018			31/12/2019			30/09/2020		
	Số lượng CN&PGD	Tỷ trọng huy động	Tỷ trọng cho vay	Số lượng CN&PGD	Tỷ trọng huy động	Tỷ trọng cho vay	Số lượng CN&PGD	Tỷ trọng huy động	Tỷ trọng cho vay
Hà Nội	53	44,16%	43,88%	53	47,92%	56,04%	53	57,98%	61,40%
Miền Bắc (không bao gồm Hà Nội)	31	24,35%	9,17%	32	22,88%	10,59%	32	13,62%	8,46%
Miền Trung	33	12,07%	13,17%	35	11,32%	10,74%	35	10,86%	10,62%
Tp. Hồ Chí Minh	29	7,87%	29,73%	29	8,08%	9,14%	29	11,96%	15,80%
Miền Nam (không bao gồm Tp.HCM)	16	11,55%	4,05%	16	9,81%	13,50%	16	5,58%	3,72%
Tổng cộng	162	100%	100%	165	100%	100%	165	100%	100%

Nguồn: SeABank

6.3.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

Trong những năm qua với nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ, SeABank đã có mạng lưới hơn 1,6 triệu khách hàng trên khắp cả nước. Nhằm đẩy mạnh phát triển khách hàng, SeABank cũng đã thành lập các Trung tâm Kinh doanh tại khắp ba miền nhằm chuyên biệt công tác phát triển khách hàng cho các vùng/khu vực. Ngoài ra, SeABank còn triển khai bán hàng thông qua các kênh phân phối sau:

- **Đội ngũ Bán hàng trực tiếp (Direct Sales):** Đội ngũ nhân viên bán hàng trực tiếp là kênh bán hàng chính tại các thành phố lớn và chi nhánh lớn của SeABank. Đội ngũ này phụ trách bán các sản phẩm như cho vay vốn lưu động, cho vay thực hiện chuỗi cung ứng và quản lý tiền mặt. Tất cả các nhân viên được đào tạo chuyên về từng ngành và phân khúc khách hàng cụ thể. Điều này cho phép đội ngũ thực hiện bán sản phẩm hiệu quả và cung cấp các giải pháp tài chính toàn diện. Bên cạnh đó, đội ngũ này cũng phụ trách bán các sản phẩm đặc biệt khác tùy theo các chiến lược và chiến dịch đang diễn ra tại thời điểm hiện tại.
- **Đại lý:** Các đại lý là kênh bán hàng chính của SeABank ở các tỉnh. Đại lý phụ trách bán các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ cho khách hàng mới. Tại các thành phố lớn, các đại lý chính là đại lý xe hơi và đại lý bất động sản hỗ trợ SeABank trong việc giới thiệu cho khách hàng các khoản vay ô tô và vay thế chấp. Các đại lý không được phân loại như nhân viên của SeABank vì các đại lý nhận thưởng bằng hoa hồng.
- **Tổng đài Contact Center:** SeABank với sự hỗ trợ của các chuyên gia của cổ đông chiến lược nước ngoài Societe Generale đã xây dựng và đưa hoạt động Contact Center 24/7 từ năm 2008 để nhận, hướng dẫn và giải quyết các yêu cầu về sản phẩm và các chương trình khuyến mãi đang triển khai. Nếu khách hàng quan tâm đến một sản phẩm nhất định, Tổng đài sẽ chuyển cuộc gọi tới đội bán hàng phù hợp theo yêu cầu hay kết nối người gọi tới nhóm bán hàng tương ứng thông qua hệ thống web nội bộ. Khách hàng có thể liên hệ đường dây nóng 24 giờ một ngày và 7 ngày một tuần. Đồng thời, đội ngũ Contact Center 24/7 còn được đào tạo chủ động gọi điện bán hàng cho khách hàng trong những chiến dịch bán hàng cụ thể.
- **Ngân hàng trực tuyến - Internet Banking (SeANet)** là dịch vụ ngân hàng trực tuyến cho phép khách hàng tiến hành các giao dịch tài chính bất cứ nơi đâu và bất cứ lúc nào. Các dịch vụ hiện có trên SeANet của SeABank rất đa dạng bao gồm tra cứu số dư, chuyển tiền, dịch vụ tiền gửi, yêu cầu thanh toán và truy vấn thẻ, yêu cầu vay tiền, hóa đơn và các dịch vụ thanh toán khác, và đang tiếp tục được SeABank cải tiến và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp.
- **Ngân hàng qua điện thoại - Mobile Banking:** Ứng dụng SeAMobile New - Trợ lý tài chính tin cậy đã được SeABank ra mắt vào tháng 10/2020 cung cấp cho khách hàng là những người sử dụng điện thoại thông minh khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính suốt 24 giờ mỗi ngày, thoải mái trải nghiệm các tiện ích với chi phí 0 đồng và các tiện ích vượt trội lần đầu tiên tại Việt Nam trong việc chăm sóc sức khỏe tài chính của khách hàng. Theo đó, lần đầu tiên tại Việt Nam, ứng dụng SeAMobile New của SeABank không chỉ đơn thuần là một công cụ mà còn là một trợ lý tài chính tin cậy chăm sóc sức khỏe tài chính của Khách hàng với các tính năng như phân tích sức khỏe tài chính của khách hàng theo mô hình 06 lọ của T.Harv Eker, đưa ra tư vấn cảnh báo chỉ tiêu cho khách hàng, đưa ra gợi ý sử dụng sản phẩm dịch vụ phù hợp nhu cầu,...
- **Mạng lưới ATM và POS:** Tính đến 31/10/2020, số lượng ATM là 341 máy và 871 máy POS trên toàn quốc. Toàn bộ hệ thống ATM/POS của SeABank đều đạt chuẩn bảo mật EMV.

SeABank đã luôn nỗ lực xây dựng hệ thống dịch vụ toàn diện và hệ sinh thái các sản phẩm, dịch vụ nhằm đáp ứng các nhu cầu đa dạng của khách hàng gồm dịch vụ ngân hàng bán buôn, ngân hàng bán lẻ, dịch vụ ngân hàng dành cho doanh nghiệp và các tổ chức khác, dịch vụ tài chính cá nhân. Đồng thời, SeABank cũng phát triển các kênh giao dịch điện tử internet banking, mobile banking, hỗ trợ thanh toán hóa đơn và thanh toán qua các website bán hàng trên mạng tại thị trường Việt Nam. Các sản phẩm, dịch vụ cũng thường xuyên được đánh giá và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ tới Khách hàng, phù hợp với định hướng chiến lược lấy Khách hàng là trọng tâm.

Ứng dụng hệ sinh thái tiên phong, SeABank tiếp tục thúc đẩy hợp tác chiến lược và toàn diện với các Tập đoàn, Tổng công ty bao gồm Tập đoàn BRG, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (Vietnam Post),... với hệ sinh thái hơn 30 triệu khách hàng tiềm năng. Bên cạnh đó, SeABank cũng có hợp tác chiến lược về kinh doanh với các doanh nghiệp lớn như Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas), Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines), Central Retail, Coca - Cola, Prudential Việt Nam, Tổng Công ty Viễn thông MobiFone,...

Chiến lược khai thác hệ sinh thái được củng cố bởi cách tiếp cận công nghệ số để thay đổi trải nghiệm của khách hàng, từ đó mang đến các sản phẩm và dịch vụ sáng tạo, hấp dẫn, giúp gia tăng lượng khách hàng và đóng góp cho sứ mệnh trở thành ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất tại Việt Nam của SeABank.

6.3.3. Thị phần và khả năng cạnh tranh

Hiện nay trên thị trường Việt Nam, ngoài 4 ngân hàng lớn có vốn Nhà nước là Vietcombank, BIDV, Vietinbank, Agribank, có khoảng hơn 30 ngân hàng thương mại cổ phần và trên 60 các ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh, chi nhánh các ngân hàng nước ngoài đang hoạt động. Mỗi loại hình Ngân hàng đều có thế mạnh riêng, do đó cạnh tranh trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng ngày càng khốc liệt, đặc biệt trong lĩnh vực ngân hàng bán lẻ. Nhận thức rõ điều này, trong 26 năm hoạt động, SeABank không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ, đặc biệt là đầu tư vào công nghệ để tạo ra lợi thế cạnh tranh thu hút và giữ chân khách hàng. Theo đó, mức tăng trưởng và thị phần của SeABank luôn được duy trì và mở rộng. Riêng trong năm 2018 và 2019, kết quả hoạt động của SeABank như sau:

- Tăng trưởng tín dụng của SeABank luôn đạt trên 17%, cao hơn mức bình quân của Ngành (hơn 13%);
- Moody's - một trong ba tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín nhất thế giới đã công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm dài hạn mức B1 cho SeABank;
- SeABank đồng thời hoàn thành trước thời hạn việc triển khai Basel II nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành, chất lượng dư nợ tín dụng, cải thiện các chỉ số an toàn của Ngân hàng, triển khai đầy đủ các công cụ để kiểm soát và đáp ứng được các quy định về tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN;
- SeABank hoàn thành việc mua lại trước thời hạn toàn bộ dư nợ đã bán cho VAMC.

6.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đã và đang thực hiện

Bảng 22. Các dự án SeABank đã và đang thực hiện

Tên dự án	Mục đích triển khai	Tình hình triển khai
<p>Thiết lập định hướng chiến lược tổng thể cùng mô hình kinh doanh tối ưu</p>	<p>Với sứ mệnh: “Phục vụ với sự tận tâm nhiệt huyết để mang đến cuộc sống hạnh phúc hơn và một tương lai thịnh vượng cho cộng đồng” SeABank đã hoàn thiện xây dựng định hướng chiến lược tổng thể cùng mô hình kinh doanh tối ưu:</p> <ol style="list-style-type: none"> Chiến lược “Hội tụ số”, bao gồm áp dụng các công nghệ mới, tối ưu hóa và tự động hóa quy trình trên nền tảng lấy khách hàng làm trọng tâm, trong năm 2020 và những năm tới SeABank sẽ tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào nhiều dự án công nghệ: SeaMobile New - Trợ lý tài chính cá nhân tin cậy, Chatbot, eKYC, Smart-form nhằm hỗ trợ khách hàng mọi lúc mọi nơi trong quá trình sử dụng dịch vụ ngân hàng. Chiến lược kinh doanh theo chuỗi và hệ sinh thái nhằm gia tăng mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng khách hàng. Chiến lược đẩy mạnh doanh thu phí thông qua các sản phẩm thu phí. Hoàn thiện chiến lược kinh doanh theo phân khúc khách hàng cá nhân, tập trung vào hành trình trải nghiệm của khách hàng, quản trị tốt hiệu quả vòng đời sản phẩm và đơn giản, tối ưu hóa chu trình vận hành sản phẩm. 	<p>Dự án bắt đầu được triển khai từ tháng 09/2019 và tầm nhìn chiến lược của dự án tới năm 2025</p> <p>Tổng mức đầu tư 50 triệu USD, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phần tư vấn: 5 triệu USD. + Phần triển khai: 45 triệu USD.
<p>Dự án Basel II</p>	<p>Năm 2019, NHNN đã phê duyệt chấp thuận cho SeABank triển khai áp dụng Thông tư 41 trước thời hạn từ 01/11/2019, theo đó tỷ lệ an toàn vốn của SeABank đã được tính toán tự động và kết quả luôn đạt trên 10%.</p> <p>Với việc hoàn thành triển khai toàn bộ 3 trụ cột của Basel II, SeABank sẽ tạo lập mối quan hệ gắn kết giữa rủi ro và lợi nhuận, nâng cao khả năng dự báo và lập kế hoạch cũng như hiệu quả giám sát cấp cao trong nội bộ, đồng thời tạo nền tảng để tiếp tục nâng cấp khi thực hiện các phương pháp đo lường theo các chuẩn tiên tiến, khẳng định được sự lãnh mạnh về tài chính</p>	<p>Dự án được bắt đầu triển khai vào năm 2017. Hiện tại, Dự án đã hoàn thiện và đang đi vào giai đoạn tổng kết để có thể áp dụng các tiêu chuẩn nâng cao của Basel II.</p> <p>Trong thời gian tới, SeABank sẽ tiếp tục nâng cấp hệ thống Basel II để tối đa hóa tỷ lệ CAR, đồng thời triển khai quy trình đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn – ICAAP.</p> <p>SeABank xây dựng hệ thống tính CAR theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước tại Thông tư 41 và báo cáo ICAAP (đánh giá</p>

Tên dự án	Mục đích triển khai	Tình hình triển khai
<p>Ra mắt ứng dụng tài chính thông minh SeAMobile</p>	<p>SeABank không ngừng hoàn thiện và bổ sung mất ứng dụng SeAMobile phiên bản mới - ứng dụng Ngân hàng Điện tử trên thiết bị di động dành cho khách hàng cá nhân với nhiều tính năng ưu việt, thân thiện đáp ứng nhu cầu của thị trường và yêu cầu của người sử dụng như: Chuyển tiền không cần nhớ số tài khoản (khách hàng có thể thực hiện chuyển tiền cho người hưởng thông qua số điện thoại hoặc mã QR), thanh toán bằng mã QR, mua vé máy bay, vé xem phim, đặt phòng khách sạn, thanh toán các loại hóa đơn, nạp tiền nhiều loại dịch vụ, cá thẻ hóa giao dịch nhanh,... Đặc biệt, SeAMobile phiên bản mới là ứng dụng ngân hàng số đầu tiên tại Việt Nam mang đến một công cụ vô cùng hữu ích cho người dùng - tính năng Chăm sóc khỏe tài chính.</p>	<p>nội bộ mức đủ vốn) tại Thông tư 13 bằng nguồn lực nội bộ và trên các nền tảng hệ thống công nghệ thông tin sẵn có, do vậy SeABank không mất chi phí cho việc mua/thuê các giải pháp từ bên ngoài. Chi phí phát sinh cho dự án Basel II chủ yếu là chi phí nhân sự.</p> <p>Ứng dụng SeAMobile được quyết định nghiên cứu và triển khai vào năm 2019, đã ra mắt vào tháng 10/2020.</p> <p>Tổng mức đầu tư: 8,3 tỷ đồng.</p>  
<p>Dự án ALM & FTP</p>	<p>* Dự án Quản lý tài sản nợ - tài sản có được phân chia thành hai cấu phần (i) cấu phần vận hành hai chức năng của dự án ALM là Quản trị rủi ro thanh khoản và Quản trị rủi ro lãi suất trên Sổ ngân hàng (IRRBB); và (ii) cấu phần vận hành các giải pháp của dự án ALM trên hệ thống (phần mềm Oracle OFSAA ALM), đồng thời quản trị và tối ưu hóa cơ cấu của bảng cân đối tài sản, tài sản Nợ - Có, nguồn và sử dụng nguồn, quản lý hiệu quả rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất.</p> <p>* Dự án này mang lại nhiều lợi ích cho SeABank, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp công cụ thể thực hiện tuân thủ theo quy định của NHNN tại Thông tư 13/2018/TT/NHNN; Thông tư 22/2019/TT/NHNN. - Cung cấp thông tin phục vụ phân tích và dự báo để 	<p>Dự án đã đưa vào triển khai trong thực tế và đang trong giai đoạn tổng kết, rút kinh nghiệm và tiếp tục được cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tế của Ngân hàng.</p> <p>Thời gian bắt đầu thực hiện dự án: 2019.</p> <p>Thời gian hoàn thành: Cuối tháng 06/2020.</p> <p>Tổng mức đầu tư: 21,9 tỷ đồng.</p>

Tên dự án	Mục đích triển khai	Tình hình triển khai
	<p>hỗ trợ ra quyết định Chiến lược Bảng cân đối được vận hành trong chức năng của ALCO.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp công cụ phân tích để thực hiện tối ưu bảng cân đối thông qua kinh doanh chênh lệch gap. - Cung cấp thông tin cơ sở để xác định chi phí thanh khoản cho các khoảng kỳ hạn cần bù đắp để đưa vào giá thành FTP. - Cung cấp công cụ đo lường biến động giá trị kinh tế của Vốn chủ sở hữu và biến động lợi nhuận của Bảng cân đối khi lãi suất trên thị trường thay đổi tác động vào kế hoạch lợi nhuận của ngân hàng, để từ đó SeABank có những điều tiết/ điều chỉnh phù hợp. - Cung cấp công cụ trong quản trị rủi ro theo khẩu vị rủi ro, bao gồm các mô hình hành vi và cả phân tích dự báo, thử nghiệm căng thẳng và lên kế hoạch phòng ngừa phù hợp. 	
<p>Dự án chuyển đổi Báo cáo tài chính theo chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế (IFRS)</p>	<p>Với bối cảnh xu thế toàn cầu hóa về hợp tác và phát triển kinh tế, các doanh nghiệp trên thế giới hiện nay ngoài việc áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc gia thì đều áp dụng cả Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) khi lập và trình bày báo cáo tài chính.</p> <p>Nhận thức rõ IFRS là xu hướng và là lợi ích, SeABank chủ động thực hiện chiến lược chuyển đổi áp dụng sớm IFRS nhằm đưa ngân hàng hướng tới những tiêu chuẩn quốc tế cao nhất, tiên phong trên thị trường trong việc xây dựng một giải pháp tự động hóa đồng bộ trên nền tảng Công nghệ thông tin hiện đại nhất hiện nay, song song với việc chuyển đổi toàn diện về hệ thống, quy trình, chính sách, và nâng cao năng lực nội bộ theo các yêu cầu của IFRS.</p> <p>Lợi ích của việc triển khai áp dụng IFRS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng khả năng so sánh quy mô và kết quả kinh doanh với các đối thủ quốc tế. - Tăng khả năng thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. - Hỗ trợ quản lý rủi ro nhờ công cụ tính toán giá trị hợp lý của tài sản và công nợ của Ngân hàng. - Nâng cao khả năng đo lường và quản lý kết quả kinh doanh dựa trên các chỉ số đo lường hiệu quả chính. <p>Sử dụng chung ngôn ngữ báo cáo tài chính toàn cầu kết hợp tính minh bạch được nâng cao sẽ mở rộng cánh cửa đưa SeABank nhanh chóng hội nhập quốc tế với những lợi ích kinh tế to lớn, nâng cao vị thế và tính</p>	<p>Dự án đang trong giai đoạn triển khai làm việc với các đơn vị tư vấn và giải pháp.</p> <p>Thời gian bắt đầu thực hiện dự án: tháng 4/2020.</p> <p>Dự kiến thời gian hoàn thành: tối đa 1,5 năm.</p> <p>Tổng mức đầu tư: 23,5 tỷ đồng.</p>

Tên dự án	Mục đích triển khai	Tình hình triển khai
	<p> cạnh tranh của ngân hàng trên thị trường; thay đổi tích cực hệ thống quản trị và kiểm soát rủi ro, phối hợp chặt chẽ chức năng rủi ro và tài chính; đồng thời tạo dựng cơ sở phân bổ hợp lý nguồn lực để tăng hiệu quả sử dụng vốn, tối đa hóa lợi nhuận cho ngân hàng.</p>	
<p>Dự án phát triển hệ thống Thanh toán điện tử Liên ngân hàng Citad và Hệ thống Corebanking tiền đi; tiền đến theo chuẩn IBPS 2.5</p>	<p>Để theo kịp xu hướng và yêu cầu phát triển trong hoạt động thanh toán của nền kinh tế quốc gia và trên đường hội nhập quốc tế, NHNN đã xây dựng và bắt buộc ngành Ngân hàng phải nâng cấp, phát triển mới hệ thống Thanh toán điện tử Liên ngân hàng quốc gia</p> <p>Trước tình hình đó, SeABank cũng tiếp nhận, lập dự án và triển khai phân tích, nâng cấp và phát triển hệ thống nhằm đáp ứng kịp tiến độ mà NHNN đề ra.</p> <p>Những lợi ích đem lại khi hoàn thành dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - SeABank là 1 trong 4 ngân hàng đầu tiên và là Ngân hàng TMCP duy nhất nâng cấp hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng mới và là ngân hàng duy nhất được chọn thí điểm chuyển tiền thông luồng ngoại tệ. - Bổ sung đầy đủ các tính năng chuyển tiền đi, chuyển tiền đến liên ngân hàng tại SeABank theo yêu cầu hiện đại hóa kênh thanh toán điện tử liên ngân hàng từ NHNN. - Bổ sung đầy đủ hơn các dịch vụ chuyển tiền đi, chuyển tiền đến liên ngân hàng như Chuyển tiền đến ngoại tệ, quyết toán theo lô Napas,... giúp phục vụ đầy đủ, nhanh chóng hơn và đa dạng hơn cho khách hàng. - Hỗ trợ xử lý các giao dịch của Khối Nguồn vốn theo hướng tự động hóa giúp Khối nguồn vốn nhanh chóng kiểm soát luồng tiền tại SeABank phục vụ kinh doanh. - Bổ sung thêm một số thông tin giao dịch, giúp thanh toán trong nước kiểm soát và hạch toán tiền về cho khách hàng được nhanh hơn khoảng 70%, an toàn hơn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành nâng cấp hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng vào tháng 3/2020 - Citad. - Hoàn thành xây dựng và phát triển hệ thống xử lý tiền về đáp ứng theo chuẩn IBPS 2.5 giai đoạn 1 vào tháng 7/2020. - Hoàn thành các hạng mục chính của hệ thống Corebanking tiền đi. Test Giai đoạn 1 bắt đầu trong tháng 12/2020. - Tổng mức đầu tư: 3 tỷ đồng.
<p>Dự án hoàn thiện trung tâm dữ liệu dự phòng, phòng chống thảm họa của SeABank</p>	<p>Triển khai trung tâm dữ liệu dự phòng, phòng chống thảm họa nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục của Ngân hàng;</p> <p>Đáp ứng tuân thủ các quy định, chính sách Nhà nước về hoạt động kinh doanh Ngân hàng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian triển khai: từ tháng 12/2019 - Tổng đầu tư phần cứng: 133 tỷ - Tiến độ thực hiện: <ul style="list-style-type: none"> + Đã hoàn thành thuê vị trí lắp đặt, triển khai hạ tầng Trung tâm dữ liệu dự phòng. + Đã hoàn thành triển khai hạ tầng, đường truyền mạng cho Trung tâm dữ liệu dự phòng.

Tên dự án	Mục đích triển khai	Tình hình triển khai
		+ Đang thực hiện triển khai các hệ thống, ứng dụng tương tự trung tâm dữ liệu chính (Data Center- 25 Trần Hưng Đạo). - Thời gian hoàn thành dự kiến Quý III - IV năm 2021.

(Nguồn: SeABank)

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của SeABank trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến Quý gần nhất

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của SeABank trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến Quý gần nhất

Hoạt động kinh doanh của SeABank đã tăng trưởng cao trong những năm gần đây là kết quả của chiến lược tăng trưởng thành công, xác định rõ phân khúc khách hàng, cùng với đó là nghiên cứu và đưa ra nhiều sản phẩm đa dạng, cải thiện chất lượng tài sản, cơ cấu tài chính theo hướng sử dụng nguồn huy động hiệu quả hơn, được thể hiện chi tiết qua các chỉ tiêu như sau:

Bảng 23. Kết quả hoạt động kinh doanh (Hợp nhất)

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	%+-2019/2018	9T/Năm 2020
Tổng tài sản	140.487	157.398	12,04%	167.426
Vốn chủ sở hữu	8.302	10.926	31,61%	11.799
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	8.659	10.208	17,89%	7.907
Tổng thu nhập hoạt động	2.811	5.211	85,38%	3.184
Chi phí hoạt động	1.633	1.988	21,74%	1.587
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	556	1.832	229,50%	466
Lợi nhuận trước thuế	622	1.391	123,63%	1.131
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	129	292	126,36%	244
Lợi nhuận sau thuế	493	1.098	122,72%	887
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	6,82%	11,43%	67,60%	7,81%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất quý III.2020 của SeABank)

Bảng 24. Kết quả hoạt động kinh doanh (Ngân hàng mẹ)

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	%+-2019/2018	9T/Năm 2020
Tổng tài sản	140.868	157.893	12,09%	167.982
Vốn chủ sở hữu	8.270	10.953	32,44%	11.911
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	8.664	10.208	17,82%	7.903
Tổng thu nhập hoạt động	2.781	5.152	85,26%	3.167
Chi phí hoạt động	1.607	1.881	17,05%	1.487
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	556	1.832	229,50%	465
Lợi nhuận trước thuế	618	1.439	132,85%	1.215
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	125	288	130,40%	243
Lợi nhuận sau thuế	493	1.151	133,47%	972
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	6,85%	11,98%	96,38%	8,50%

(Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC riêng lẻ quý III.2020 của SeABank)

Năm 2019, SeABank có sự tăng trưởng lợi nhuận ấn tượng so với năm 2018. Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 1.098 tỷ đồng, tăng 122,72% so với năm 2018. Các kết quả đạt được cho thấy sự tăng trưởng liên tục, tạo một nền tảng vững chắc cho các năm tiếp theo, tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân đạt 11,43% trong năm 2019.

Tính đến 9 tháng đầu năm 2020, Lợi nhuận trước thuế của SeABank đạt 1.131 tỷ đồng, tăng 65,59% so với cùng kỳ năm 2019. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân 09 tháng đầu năm 2020 đạt 8,50%.

Trong 9 tháng đầu năm 2020, lợi nhuận sau thuế riêng lẻ của SeABank là 972 tỷ, còn lợi nhuận sau thuế hợp nhất là 887 tỷ. Chênh lệch giữa lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng và BCTC hợp nhất 9 tháng đầu năm 2020 là do:

- Trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất 9 tháng đầu năm 2020 có khoản phân bổ lợi thế thương mại 9 tháng với số tiền: -53,4 tỷ đồng
- Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện (“PTF”): - 47,2 tỷ
- Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản SeABank: lãi 16,2 tỷ

Liên quan đến kết quả kinh doanh của PTF:

Trong giai đoạn 9 tháng đầu năm 2020, PTF tập trung kiện toàn bộ máy nhân sự, xây dựng quy trình, quy chế, chính sách sản phẩm, cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin,... trong điều kiện đại dịch COVID-19 ảnh hưởng sâu rộng đến nền kinh tế cũng như hoạt động của các tổ chức tín dụng. Vì vậy trong giai đoạn này doanh thu của PTF chưa đủ bù đắp được chi phí hoạt động. Kết quả kinh doanh lỗ của PTF năm 2020 đều nằm trong kế hoạch ngân sách của SeABank do đây

là năm đầu tiên PTF đi vào hoạt động. Đến tháng 5/2020, sau khi đáp ứng đầy đủ các yếu tố để mở rộng phát triển hoạt động kinh doanh, doanh số dư nợ của PTF đã bắt đầu tăng trưởng ổn định, kết quả kinh doanh có những thay đổi tích cực như từ - 61 tỷ đồng trong 6 tháng 2020, đến 9 tháng năm 2020 PTF chỉ còn - 47 tỷ đồng do kết quả kinh doanh quý III/2020 có lãi 14 tỷ đồng.

❖ **Tổng tài sản:**

Cuối năm 2019 tổng tài sản của SeABank tăng trưởng 12,04% so với cuối năm 2018. Đóng góp cho mức tăng trưởng này là tăng trưởng tín dụng (cho vay khách hàng) 17,43% từ hơn 83 nghìn tỷ đồng lên hơn 97 nghìn tỷ đồng.

Tại thời điểm 30/09/2020, tổng tài sản của SeABank đạt 167.426 tỷ đồng, tăng 6,37% so với thời điểm ngày 31/12/2019.

❖ **Vốn chủ sở hữu:**

Để đáp ứng Thông tư 41/2016/TT-NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, việc tăng vốn điều lệ là yêu cầu cấp thiết đặt ra đối với các Ngân hàng TMCP. Trong năm 2018, SeABank đã thực hiện tăng vốn từ 5.466 tỷ đồng lên 7.688 tỷ đồng thông qua các hình thức chào bán cho cổ đông hiện hữu, chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP). Năm 2019, SeABank đã hoàn thành đợt tăng vốn từ 7.688 tỷ đồng lên 9.369 tỷ đồng bằng hình thức chào bán chứng khoán cho cổ đông hiện hữu. Năm 2020, SeABank thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu nâng mức vốn điều lệ lên 12.087,4 tỷ đồng. Việc tăng vốn điều lệ giúp cho nguồn vốn chủ sở hữu của SeABank gia tăng 31,60% trong giai đoạn 2018-2019, giúp SeABank nâng cao năng lực tài chính, tăng cường khả năng chống đỡ rủi ro và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về hoạt động Ngân hàng.

Bảng 25. Báo cáo vốn chủ sở hữu (Hợp nhất)

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm 2019/2018	9T/2020
Vốn của TCTD	7.688	9.369	21,87%	10.681
Vốn điều lệ	7.688	9.369	21,87%	10.681
Vốn khác	-	-	-	-
Quỹ của TCTD	195	232	18,97%	232
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	8
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	419	1.325	216,23%	878
Tổng cộng	8.302	10.926	31,61%	11.798

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất quý III.2020 của SeABank)

Bảng 26. Báo cáo vốn chủ sở hữu (Ngân hàng mẹ)

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm 2019/2018	9T/2020
Vốn của TCTD	7.688	9.369	21,87%	10.681
Vốn điều lệ	7.688	9.369	21,87%	10.681
Vốn khác	-	-	-	-

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm 2019/2018	9T/2020
Quỹ của TCTD	163	198	21,47%	198
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	8
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	419	1.386	230,79%	1024
Tổng cộng	8.270	10.953	32,44%	11.911

(Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC riêng lẻ quý III.2020 của SeABank)

❖ **Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự**

Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (theo báo cáo hợp nhất) năm 2019 đạt 10.208 tỷ đồng, tăng 17,98% so với năm 2018. Trong đó thu nhập lãi cho vay khách hàng tăng trưởng 23,11% so với năm 2018 và đạt giá trị là 8.439 tỷ đồng. Thu nhập từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ giảm nhẹ.

Trong 09 tháng đầu năm 2020, thu nhập từ lãi của SeABank đạt 7.907 tỷ đồng. Đóng góp chính trong khoản thu nhập này đến từ thu nhập lãi cho vay khách hàng với giá trị là 6.570 tỷ đồng.

Bảng 27. Cơ cấu thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (Hợp nhất)

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm 2019/2018	9T/2020
Thu nhập lãi tiền gửi	98	130	32,65%	153
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	6.855	8.439	23,11%	6.570
Thu nhập từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	1.604	1.524	(4,99%)	1.082
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	29	38	27,59%	29
Thu nhập khác	73	78	6,85%	73
Tổng cộng	8.659	10.208	17,89%	7.907

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất quý III.2020 của SeABank)

Bảng 28. Cơ cấu thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (Ngân hàng mẹ)

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm 2019/2018	9T/2020
Thu nhập lãi tiền gửi	102	130	27,45%	153
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	6.855	8.439	23,11%	6.566
Thu nhập từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	1.604	1.524	(4,99%)	1.082

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm 2019/2018	9T/2020
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	29	38	27,59%	30
Thu nhập khác	73	78	6,85%	73
Tổng cộng	8.663	10.208	17,83%	7.903

(Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC riêng lẻ quý III.2020 của SeABank)

❖ **Tổng thu nhập hoạt động**

Tổng thu nhập hoạt động trong năm 2019 của SeABank đạt 5.211 tỷ đồng, tăng 85,38% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó thu nhập lãi thuần đạt 2.895 tỷ đồng, chiếm 55,5% trong tổng thu nhập, tăng 23,88% so với năm 2019 nhờ vào việc các sản phẩm cho vay ngày càng tốt hơn. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ tăng 80,11% từ 186 tỷ đồng trong năm 2018 lên 335 tỷ đồng trong năm 2019. Kết quả này đạt được là nhờ SeABank đã đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ, phát triển ứng dụng SeAMobile,... nhằm mục đích nâng cao cơ cấu thu nhập dịch vụ trên tổng doanh thu, giảm thiểu rủi ro tập trung vào hoạt động tín dụng và đa dạng hóa nguồn thu nhập.

Lãi thuần từ hoạt động khác tăng mạnh từ 20 tỷ đồng năm 2018 lên 1.534 tỷ đồng năm 2019 là do trong năm 2019 SeABank nhận được tiền hỗ trợ ban đầu từ Hợp đồng phân phối bảo hiểm độc quyền đã ký kết với Prudential Việt Nam cuối năm 2019.

Bảng 29. Cơ cấu tổng thu nhập hoạt động (Hợp nhất)

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm 2019/2018	9T/2020
Thu nhập lãi thuần	2.337	2.895	23,88%	2.085
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	186	335	80,11%	289
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	32	10	(68,75%)	49
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán	234	406	73,50%	208
Lãi thuần từ hoạt động khác	20	1.534	7.570,00%	549
Lãi thuần từ góp vốn, mua cổ phần	2	31	1.450,00%	5
Tổng cộng	2.811	5.211	85,38%	3.184

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất quý III.2020 của SeABank)

Bảng 30. Cơ cấu tổng thu nhập hoạt động (Ngân hàng mẹ)

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm 2019/2018	9T/2020
Thu nhập lãi thuần	2.331	2.878	23,47%	2.071

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm 2019/2018	9T/2020
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	192	321	67,19%	279
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	32	10	(68,75%)	49
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán	205	396	93,17%	218
Lãi thuần từ hoạt động khác	20	1.544	7.620,00%	549
Lãi thuần từ góp vốn, mua cổ phần	2	1	(50,00%)	1
Tổng cộng	2.782	5.150	85,12%	3.167

(Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC riêng lẻ quý III.2020 của SeABank)

❖ **Cơ cấu chi phí hoạt động**

Chi phí hoạt động trong năm 2019 đạt 1.988 tỷ đồng, tăng 21,62% so với năm 2018. Trong đó chi phí cho nhân viên tăng 29,25%, chi về tài sản tăng 1,79% và chi phí cho hoạt động quản lý công vụ tăng 18,04%. Đây cũng là những chi phí lớn nhất trong cơ cấu chi phí hoạt động của SeABank. Điều này phù hợp với chiến lược hiện tại của SeABank là tập trung đẩy mạnh có các dự án dài hạn như nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, tiện ích phần mềm ngân hàng, thu hút nhân sự giỏi để tăng trưởng mạnh hơn trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0.

Trong 09 tháng đầu năm 2020, chi phí hoạt động được kiểm soát tốt, đạt 1.587 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng lớn vẫn là chi về nhân viên, tài sản và hoạt động quản lý công vụ.

Bảng 31. Cơ cấu chi phí hoạt động của SeABank (Hợp nhất)

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm 2019/2018	9T/2020
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	27	28	3,70%	18
Chi phí cho nhân viên	801	1.035	29,25%	889
Chi về tài sản	335	341	1,79%	268
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	255	301	18,04%	206
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	84	92	9,52%	80
Chi phí hoạt động khác	114	119	4,39%	66
Phân bổ lợi thế thương mại	18	71	294,44%	53
Chi phí dự phòng	-	-	-	7
Tổng cộng	1.633	1.988	21,62%	1.587

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất quý III.2020 của SeABank)

Bảng 32. Cơ cấu chi phí hoạt động của SeABank (Ngân hàng mẹ)

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm 2019/2018	9T/2020
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	27	28	7,69%	17
Chi phí cho nhân viên	794	991	24,81%	854
Chi về tài sản	339	336	-0,88%	262
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	254	295	16,14%	201
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	84	93	10,71%	80
Chi phí hoạt động khác	110	138	25,45%	66
Chi phí dự phòng	-	-	-	7
Tổng cộng	1.607	1.881	17,05%	1.487

(Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC riêng lẻ quý III.2020 của SeABank)

❖ **Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng năm 2019 là 1.832 tỷ đồng, tăng so với năm 2018 là do trích lập dự phòng bổ sung cho nợ tồn đọng Vinashin (là 665,5 tỷ đồng), trích lập dự phòng bổ sung theo quy định đối với dư nợ nội bảng còn lại (là 669,4 tỷ đồng) và trích lập bổ sung thêm dự phòng khi thực hiện mua lại toàn bộ dư nợ VAMC.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của SeABank trong năm báo cáo

Hoạt động kinh doanh năm 2018, 2019 và 9 tháng đầu năm 2020 của SeABank chịu ảnh hưởng bởi hai nhóm nhân tố chính, bao gồm nhóm các nhân tố khách quan và nhóm các nhân tố chủ quan, vừa gây khó khăn nhưng cũng mang lại những thuận lợi nhất định cho SeABank:

❖ **Bối cảnh chung của nền kinh tế:**

Ngân hàng Thế giới (WB) công bố Cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 10/2020, trong đó nhận định GDP của Việt Nam có thể đạt tăng 2,5-3,0% trong năm 2020, với sự phục hồi kinh tế mạnh mẽ và sâu rộng hơn trong thời gian tới. Trong chín tháng đầu năm 2020, nền kinh tế tăng trưởng 2,1%, dù thấp hơn nhiều so với mức tăng 7% trong cùng kỳ năm 2019, nhưng vẫn là một kết quả ấn tượng trong bối cảnh dịch Covid-19 trên toàn cầu.

❖ **Bối cảnh chung của ngành Ngân hàng**

Năm 2019, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, thận trọng, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra, ổn định kinh tế vĩ mô, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý, bảo đảm an toàn hoạt động của hệ thống ngân hàng.

Hiện tại, có 18 ngân hàng trong nước đã áp dụng thành công tiêu chuẩn Basel II trước hạn. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) được cải thiện, đạt mức 12%. Tỷ lệ nợ xấu nội bảng của toàn ngành Ngân hàng năm 2019 vào khoảng 1,8%, nếu tính cả nợ xấu tiềm ẩn (nợ tại VAMC) thì tỷ lệ nợ xấu là hơn 3,3%. Nhiều ngân hàng đã và đang duy trì chính sách trích lập dự phòng ở mức cao, đảm bảo phòng ngừa rủi ro trong trường hợp thị trường biến động.

Bên cạnh đó, để đáp ứng quy định về tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, các ngân hàng đã chủ động giảm tỷ trọng cho vay vào các ngành rủi ro (bất động sản, xây dựng,...), tăng cường huy động vốn dài hạn, nâng cao chất lượng tín dụng. Vì vậy, chất lượng tài sản của các ngân hàng đã và đang được cải thiện.

Tuy nhiên, dự báo lãi suất huy động các kỳ hạn dài nhiều khả năng sẽ tăng trở lại trong thời gian tới khi áp lực lạm phát gia tăng, cũng như quy định mới về tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn (SML) bắt đầu được áp dụng vào cuối quý III/2020. Nhu cầu sử dụng vốn ngắn hạn được dự báo sẽ giảm dần trong hoạt động sản xuất khi áp dụng tỷ lệ SML mới. Huy động tiền gửi không kỳ hạn sẽ tiếp tục gia tăng tại nhóm các ngân hàng thương mại cổ phần khi đưa ra nhiều chính sách cạnh tranh hấp dẫn để hút dòng tiền này.

Với việc tăng cường áp dụng các dịch vụ gia tăng trong hệ thống ngân hàng, cũng như sự phát triển của các kênh thanh toán không dùng tiền mặt - fintech (ví điện tử, ngân hàng số), người gửi tiền sẽ sử dụng nhiều hơn các dịch vụ tài chính.

❖ **Thuận lợi**

Việt Nam mở cửa thị trường tài chính làm tăng số lượng các ngân hàng có tiềm lực mạnh về tài chính, công nghệ và trình độ quản lý, tạo động lực giúp phát triển hệ thống các tổ chức tín dụng theo hướng: minh bạch, cạnh tranh, an toàn, hiệu quả bền vững; cấu trúc đa dạng về sở hữu, quy mô, loại hình; dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến, phù hợp với chuẩn mực hoạt động theo thông lệ quốc tế.

Hội nhập quốc tế là cơ hội để thu hút dòng vốn FDI vào Việt Nam từ đó các dịch vụ ngân hàng đi kèm như thanh toán quốc tế, mua bán ngoại tệ, L/C... sẽ được hưởng lợi từ xu thế này. Hội nhập quốc tế cũng tạo điều kiện cho các Ngân hàng tiếp cận các chuẩn mực quốc tế, từ đó các ngân hàng có cơ hội trao đổi thông tin và ngăn ngừa rủi ro, qua đó hạn chế biến động của thị trường quốc tế và đảm bảo an toàn cho hệ thống ngân hàng Việt Nam. Hệ thống ngân hàng thương mại và thị trường tiền tệ hoạt động an toàn và hiệu quả sẽ tạo thuận lợi cho việc nâng cao hiệu lực và hiệu quả của các chính sách tiền tệ; thúc đẩy cải cách thể chế, hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao năng lực hoạt động của các cơ quan quản lý tài chính.

Trong những tháng đầu năm 2020, trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 diễn ra ở Việt Nam và trên thế giới, ngành Ngân hàng cũng đã chung tay chia sẻ những rủi ro và khó khăn đối với các doanh nghiệp bị ảnh hưởng lớn bởi dịch bệnh này như: hạ lãi suất cho vay, giãn nợ, tăng thời hạn thu hồi vốn, mở thêm các gói tín dụng phù hợp. Ngành Ngân hàng đồng hành cùng với các doanh nghiệp và cộng đồng trong phòng chống dịch bệnh, chia sẻ khó khăn, do vậy cũng sẽ có những tổn thất đáng kể. Tuy nhiên, nhờ thành công của Chính phủ trong việc kiểm soát sự lây lan của Covid-19, nền kinh tế bắt đầu phục hồi của từ quý III năm 2020, tăng trưởng kinh tế vẫn vững vàng và dự báo sẽ ở mức 6,3% trong năm 2021. Tăng trưởng kinh tế được hỗ trợ bởi sự ổn định kinh tế vĩ mô của Việt Nam, tăng cường chi tiêu công và những cải cách đang tiến hành nhằm cải thiện môi trường kinh doanh. *(Theo báo cáo công bố vào giữa tháng 9 của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB)).*

Đại dịch bệnh Covid-19 đã làm thay đổi nhận thức và hành vi sử dụng công nghệ, thói quen không sử dụng tiền mặt của khách hàng, đó là động lực để các Ngân hàng thương mại đẩy mạnh các hoạt động ngân hàng số, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt,... giúp các ngân hàng tăng tỷ trọng hoạt động phi tín dụng trong tổng thu nhập hoạt động trong thời gian tới.

❖ **Khó khăn**

Một số tổ chức tài chính Việt Nam còn bộc lộ yếu kém: trình độ chuyên môn và trình độ quản lý còn bất cập, hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh thấp, nợ quá hạn cao, khả năng chống đỡ rủi ro kém,...

Áp lực cạnh tranh tăng dần theo lộ trình nới lỏng các quy định đối với các tổ chức tài chính nước ngoài, đặc biệt là các quy định về mở chi nhánh và các điểm giao dịch, phạm vi hoạt động, hạn chế về đối tượng khách hàng và tiền gửi được phép huy động, khả năng mở rộng dịch vụ ngân hàng. Nguy cơ mất dần lợi thế cạnh tranh về quy mô, khách hàng và hệ thống kênh phân phối là nhân tiền khi mà các hỗ trợ từ phía Chính phủ, NHNN thông qua các rào cản, phân biệt đối xử không còn nữa. Mở cửa thị trường tài chính trong nước cũng làm tăng rủi ro do những tác động từ bên ngoài, cơ hội tận dụng chênh lệch tỉ giá, lãi suất giữa thị trường trong nước và thị trường quốc tế giảm dần. Hệ thống ngân hàng Việt Nam cũng phải đối mặt với các cú sốc kinh tế, tài chính quốc tế và nguy cơ khủng hoảng.

Thế chế của hệ thống ngân hàng tại Việt Nam còn một số bất cập, hệ thống pháp luật về ngân hàng còn thiếu đồng bộ. Quy trình quản trị trong các tổ chức tín dụng nói chung vẫn chưa phù hợp với các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế, tính minh bạch thấp, chưa hình thành môi trường làm việc và kinh doanh lành mạnh.

Tăng trưởng tín dụng dự kiến giảm so với các năm trước do hầu hết các ngành nghề chịu tác động tiêu cực do dịch bệnh Covid-19 kéo dài, nhu cầu vay vốn của toàn thị trường giảm sút. Đồng thời, nguồn thu nhập của các khách hàng đều giảm hoặc không duy trì ổn định gây nguy cơ gia tăng nợ xấu, nợ quá hạn, làm suy giảm chất lượng tài sản của toàn ngành Ngân hàng trong thời gian tới.

Nhận thức được thuận lợi và khó khăn kể trên, SeABank tiếp tục tập trung tăng trưởng tín dụng gắn liền với kiểm soát nợ xấu. SeABank đã thực hiện quản trị rủi ro tốt, tỷ lệ nợ xấu ở mức 2,31% trong năm 2019, tuân thủ quy định tỷ lệ nợ xấu dưới 3% của NHNN. SeABank đã kiểm soát tốt chi phí thông qua việc xác định và cắt giảm các chi phí không cần thiết và tăng năng suất làm việc. Đồng thời, Ngân hàng tập trung vào các biện pháp tăng doanh thu thông qua cải cách cơ cấu thu nhập.

SeABank đã đẩy mạnh việc ứng dụng các giải pháp kỹ thuật và công nghệ tiên tiến phù hợp với trình độ phát triển của hệ thống ngân hàng cũng như tuân thủ các chuẩn mực quốc tế, phát triển hệ thống giao dịch trực tuyến, gia tăng năng lực cạnh tranh theo hướng tự động hoá và nền công nghiệp 4.0.

8. Vị thế của SeABank trong ngành Ngân hàng

8.1. Vị thế cạnh tranh và tiềm năng phát triển

Là một trong những ngân hàng TMCP được thành lập sớm nhất tại Việt Nam, trải qua 26 năm hoạt động SeABank đã tích lũy được những nền tảng quan trọng về mô hình hoạt động, công nghệ, chất lượng sản phẩm và dịch vụ, hệ sinh thái đối tác và mạng lưới khách hàng, nhân sự, quản trị rủi ro, vốn điều lệ, tổng tài sản,... và sẵn sàng bứt phá mạnh mẽ trong thời gian tới.

❖ Hoàn thiện mô hình hoạt động

Trong giai đoạn 2008 - 2018, trên cơ sở tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật toàn diện, chuyển giao công nghệ về quản trị ngân hàng và quản lý rủi ro; chiến lược phát triển các sản phẩm - dịch vụ ngân hàng bán lẻ; phát triển mạng lưới; công tác nhân sự và đào tạo;... từ đối tác chiến lược nước ngoài Societe Generale - Tập đoàn Tài chính Ngân hàng hàng đầu Châu Âu, cũng như quá trình phân tích xu thế phát triển của thị trường và thị hiếu khách hàng, SeABank đã hoàn thiện bộ máy tổ chức theo mô hình Ngân hàng bán lẻ quốc tế, tập trung đặc biệt vào khách hàng cá nhân, đồng thời phát triển mảng doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng như doanh nghiệp lớn với các sản phẩm, dịch vụ được thiết kế đa dạng phù hợp với nhu cầu và năng lực tài chính của từng đối tượng và phân khúc khách hàng.

❖ **Chiến lược Hội tụ số và đầu tư hệ thống CNTT**

Ngay từ những năm đầu của thế kỷ XXI, SeABank đã xác định công nghệ là một trong những yếu tố then chốt để góp phần đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, tăng tốc độ xử lý giao dịch và tạo khả năng cạnh tranh trên thị trường. Năm 2006, SeABank là một trong số ít ngân hàng tại Việt Nam đầu tư ứng dụng phần mềm lõi core banking T24 - Temenos. Năm 2008 ra mắt dịch vụ Internet banking, cho phép khách hàng thực hiện mọi giao dịch với ngân hàng qua internet mà không cần đến quầy giao dịch. Đồng thời Ngân hàng cũng liên tục đầu tư, nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ tiên tiến như hệ thống Datacenter theo tiêu chuẩn quốc tế TIE III, hệ thống chuyển mạch Cisco Nexus 7000, hệ thống Server IBM P595 và hệ thống Storage cao cấp HP XP 2400,... Sự đầu tư đồng bộ này góp phần đảm bảo các hoạt động hỗ trợ công nghệ thông tin cho hoạt động Ngân hàng an toàn và ổn định. SeABank cũng là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam ứng dụng triển khai ảo hóa hệ thống các máy chủ với cơ sở hạ tầng là các máy chủ phiến mỏng (Blade). Bên cạnh đó, SeABank cũng tích cực trong việc nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp, công nghệ mới đột phá nhằm mang lại trải nghiệm cao nhất cho khách hàng theo hướng số hóa, trí tuệ nhân tạo.

Hướng đầu tư đúng đắn và sự chuẩn bị kỹ lưỡng này đã mang lại nền tảng phát triển vững chắc cho chiến lược Hội tụ số của SeABank thời gian tới với việc tập trung mạnh mẽ phát triển các dịch vụ ngân hàng số SeAMobile, tự động hóa giao dịch tại quầy, xác thực khách hàng bằng video call, ứng dụng callbot trong chăm sóc khách hàng,... góp phần không ngừng số hóa sản phẩm dịch vụ và gia tăng trải nghiệm của khách hàng.

SeABank đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật như: xếp hạng trong nhóm 5 ngân hàng dẫn đầu về Công nghệ thông tin tại Việt Nam năm 2011; Giải thưởng chuyển đổi số Việt Nam - Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc do Hội Truyền thông số Việt Nam (VDCA) trao tặng và Top 30 công ty ứng dụng Công nghệ tốt nhất Châu Á năm 2020 (“30 Best Tech Companies in Asia 2020”) do Tạp chí The Silicon Review trao tặng tháng 08/2020.

❖ **Chất lượng sản phẩm và dịch vụ**

Trên nền tảng công nghệ tiên tiến, SeABank đi tiên phong trong việc cung cấp các dịch vụ ngân hàng hiện đại nhằm phục vụ tất cả nhu cầu giao dịch và đảm bảo lợi ích của khách hàng như Internet Banking, Mobile Banking, SMS Banking, Call Centre, Autobank, thẻ ATM,... SeABank cũng là một trong số ít ngân hàng tại Việt Nam trở thành thành viên chính thức của cả hai tổ chức thẻ quốc tế hàng đầu Visa và MasterCard, đồng thời cũng là đại lý của Western Union tại Việt Nam; là ngân hàng triển khai đồng bộ xác thực theo chuẩn EMV hiện đại trong phát hành và thanh toán thẻ quốc tế Visa, MasterCard; ngân hàng triển khai hiệu quả đồng bộ dịch vụ ngân hàng tự động - Autobank đa dịch vụ,...

Các giải thưởng quốc tế đa dạng như Ngân hàng Bán lẻ được yêu thích nhất 2019, Nhãn hiệu Asean 2019 hay Top 500 ngân hàng lớn nhất châu Á - Thái Bình Dương ghi nhận sự phát triển lớn mạnh về quy mô, kết quả kinh doanh, đồng thời khẳng định uy tín thương hiệu của SeABank. Đặc biệt, SeABank là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Liên Đoàn Doanh nghiệp thế giới (Worldcob) và nhận chứng nhận Doanh nghiệp xuất sắc năm 2019 của tổ chức này.

Năm 2020, SeABank vinh dự đạt giải thưởng “Ngân hàng có Dịch vụ khách hàng tốt nhất Việt Nam 2020” do International Business Magazine và “Ngân hàng mang tới sự hài lòng và hạnh phúc của khách hàng” do tổ chức Global Banking and Finance Review trao tặng tháng 03/2020; Thương hiệu tiêu biểu châu Á- Thái Bình Dương do Tạp Chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương bình chọn tháng 06/2020. Đặc biệt, SeABank nhận được Bằng khen Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội dành cho SeABank theo QĐ số 3336/QĐ - UBND ngày 29/7/2020 và Top 30 công ty ứng dụng Công nghệ tốt nhất Châu Á năm 2020 (“30 Best Tech Companies in Asia 2020”) do Tạp chí The Silicon Review trao tặng tháng 08/2020.

❖ **Hệ sinh thái đối tác và mạng lưới khách hàng đa dạng**

Mạng lưới khách hàng phong phú và đa dạng, phủ khắp toàn quốc giúp cho SeABank đẩy mạnh phát triển dịch vụ bán lẻ cho khách hàng cá nhân và phát triển khách hàng Doanh nghiệp. SeABank đang phục vụ gần 1,6 triệu khách hàng cá nhân và doanh nghiệp tại gần 170 điểm giao dịch trên toàn quốc.

Ứng dụng hệ sinh thái tiên phong, SeABank tiếp tục thúc đẩy hợp tác chiến lược và toàn diện với các Tập đoàn, Tổng công ty bao gồm Tập đoàn BRG, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (Vietnam Post),... với hệ sinh thái hơn 30 triệu khách hàng tiềm năng. Bên cạnh đó, SeABank cũng có hợp tác chiến lược về kinh doanh với các doanh nghiệp lớn như Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas), Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines), Central Retail, Coca - Cola, Prudential Việt Nam, Tổng Công ty Viễn thông MobiFone,...

Chiến lược khai thác hệ sinh thái được củng cố bởi cách tiếp cận công nghệ số để thay đổi trải nghiệm của khách hàng, từ đó mang đến các sản phẩm và dịch vụ sáng tạo, hấp dẫn, giúp gia tăng lượng khách hàng và đóng góp cho sứ mệnh trở thành ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất tại Việt Nam của SeABank.

❖ **Nguồn nhân lực và văn hóa tổ chức**

Đội ngũ lãnh đạo trong HĐQT và Ban Điều hành của SeABank là những người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực quản trị Tài chính - Ngân hàng. Đội ngũ nhân sự kết hợp những cán bộ có kinh nghiệm và đội ngũ cán bộ trẻ, năng động, nhiều hoài bão, nhiệt huyết, có trình độ chuyên môn, năng lực tốt và trung thành, gắn bó với SeABank.

Công tác đánh giá, quy hoạch và phát triển nhân sự theo lộ trình nghề nghiệp luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chính sách nhân sự tổng thể của SeABank nhằm hướng tới mục tiêu xây dựng môi trường làm việc nơi mỗi CBNV được tạo cơ hội tối đa để phát huy năng lực, được ghi nhận và phát triển lộ trình công danh của cá nhân cùng với sự phát triển của Ngân hàng, từ đó, tăng mức độ gắn kết của CBNV với Ngân hàng. Trong năm 2019, các hoạt động quy hoạch nhân sự theo lộ trình nghề nghiệp (Career roadmap) và khung quy hoạch nhân tài (Talent pool) dựa trên đánh giá năng lực (Competency) tiếp tục được triển khai đa dạng qua hệ thống các chương trình/công cụ đánh giá, sàng lọc và lựa chọn nhân sự.

SeABank luôn đẩy mạnh xây dựng văn hóa doanh nghiệp đề cao tinh thần đồng chí hướng và phát huy sức mạnh trí tuệ tập thể; tôn trọng lẫn nhau, đoàn kết, hợp tác trên mọi phương diện, đồng thời xây dựng văn hóa làm việc cởi mở và cầu tiến. Ở SeABank, các cuộc thảo luận, họp bàn được tổ chức thường xuyên trên nhiều quy mô, từ đó các công việc được thảo luận, trao đổi và cùng tìm ra các giải pháp phù hợp trên tinh thần hợp tác, cùng đạt mục tiêu, tạo tâm lý làm việc tích cực, sáng tạo, chủ động và năng động.

❖ **Quản trị rủi ro**

SeABank luôn tiên phong trong việc đáp ứng theo các tiêu chuẩn quốc tế qua đó giúp khẳng định vị thế, tiềm lực phát triển và uy tín thương hiệu của Ngân hàng, tạo sự an tâm, tin tưởng cho khách hàng. SeABank là một trong 5 ngân hàng Việt Nam đầu tiên hoàn thành cả 3 trụ cột của Basel II trước thời hạn quy định 01/01/2021; được Moody's xếp hạng tín nhiệm mức B1 - tương đương với đánh giá triển vọng phát triển ổn định liên tục trong các năm 2019, 2020. Bên cạnh đó, về mặt công nghệ, SeABank đáp ứng chuẩn bảo mật PCI-DSS từ 2016 và ISO/IEC 27001:2013 từ 2014. SeABank là một trong những Ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam sử dụng công nghệ chip bảo mật EMV hàng đầu thế giới cho thẻ ATM từ năm 2012.

Không chỉ có vậy, SeABank là một trong ít nhà băng đầu tư ứng dụng phần mềm quản trị lõi ngân hàng T24 Temenos Thụy Sĩ, hệ thống Core Banking phổ biến và hiện đại nhất, với chi phí

nhiều triệu đô la từ năm 2006, đồng thời liên tục nâng cấp core banking và là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam nâng cấp lên phiên bản R18 mới nhất trên thế giới vào cuối năm 2019.

Bên cạnh đó, SeABank cũng đang từng bước tiếp cận với những thông lệ quốc tế toàn diện hơn, bao gồm Basel II IRB, Basel III, chuẩn mực báo cáo tài chính IFRS 9,... và bước đầu đạt được kết quả nhất định tạo tiền đề cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

❖ **Phát triển bền vững và an sinh xã hội**

Trong suốt 26 năm hình thành và xây dựng, phát triển bền vững và bảo vệ môi trường được coi là mục tiêu và chiến lược của SeABank. Nhiều hoạt động thiết thực được SeABank triển khai như tiết kiệm điện, nước, trồng cây xanh phủ xanh rừng cháy,... cùng nhiều chương trình ý nghĩa tại các điểm giao dịch trên toàn quốc như: Thu gom phân loại rác, trang bị thêm cây xanh trong văn phòng, tặng khách hàng các quà tặng thân thiện với môi trường,...

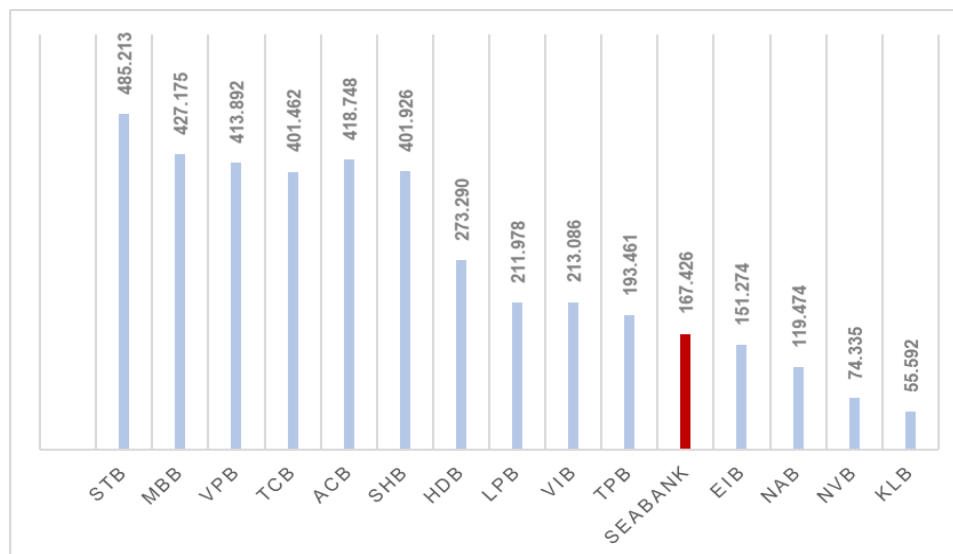
Bên cạnh đó, Ngân hàng luôn chú trọng phát triển các hoạt động an sinh xã hội song song với phát triển kinh tế với ngân sách hàng chục tỷ đồng mỗi năm. Hàng năm, các hoạt động thiện nguyện của SeABank thường xuyên được tổ chức tại các địa bàn có điểm giao dịch của Ngân hàng, trong đó bao gồm nhiều chương trình từ thiện thường niên cũng như các hoạt động an sinh xã hội theo kêu gọi của Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan, tổ chức đã giúp hình ảnh SeABank trở nên gần gũi trong lòng khách hàng. Vì cộng đồng cũng là một trong 5 giá trị cốt lõi luôn được CBNV SeABank thấm nhuần và là tôn chỉ cho mọi hành động luôn gắn kinh doanh với trách nhiệm xã hội.

❖ **Quy mô tổng tài sản**

Trong quá trình hoạt động, SeABank luôn nỗ lực đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng mạng lưới hoạt động, giữ vững uy tín thương hiệu nên luôn được khách hàng an tâm, tin tưởng sử dụng sản phẩm dịch vụ. Đến thời điểm 30/09/2020, tổng tài sản của SeABank đạt 167.426 tỷ đồng và hiện nay đứng trong nhóm các NHTMCP có quy mô tổng tài sản từ trên **100.000 tỷ đồng**, thuộc nhóm ngân hàng có quy mô trung bình trong hệ thống ngân hàng. SeABank cũng đã được NHNN xếp hạng trong **Nhóm các TCTD, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài có tầm quan trọng hệ thống năm 2019 và năm 2020**.

Hình 9. Tổng tài sản của một số ngân hàng thời điểm 30/09/2020

(Đơn vị: tỷ đồng)



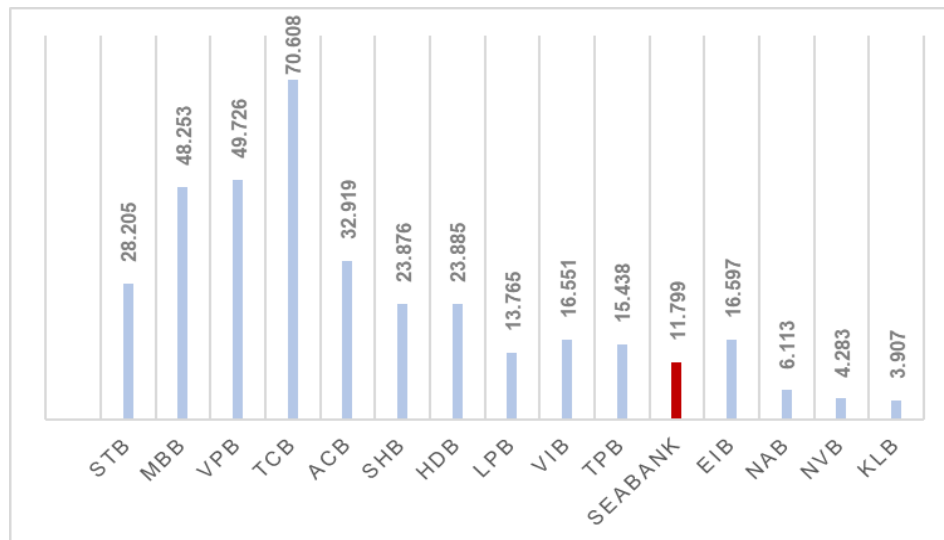
(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2020 của các ngân hàng)

❖ **Quy mô vốn chủ sở hữu**

Bên cạnh tăng trưởng quy mô tổng tài sản, quy mô nguồn vốn chủ sở hữu của SeABank cũng tăng trưởng tương ứng. Đến 30/09/2020, vốn chủ sở hữu của SeABank đạt 11.799 tỷ đồng. Đến tháng 10/2020, SeABank đã hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn lên 12.087,4 tỷ đồng. Mặc dù quy mô vốn chủ sở hữu của SeABank còn thấp so với các ngân hàng khác nhưng việc gia tăng quy mô vốn chủ sở hữu luôn tương ứng với tốc độ gia tăng của tổng tài sản để có thể sử dụng vốn hiệu quả và đảm bảo lợi ích tối đa cho các cổ đông.

Hình 10. Quy mô vốn chủ sở hữu của một số ngân hàng thời điểm 30/09/2020

(Đơn vị: tỷ đồng)



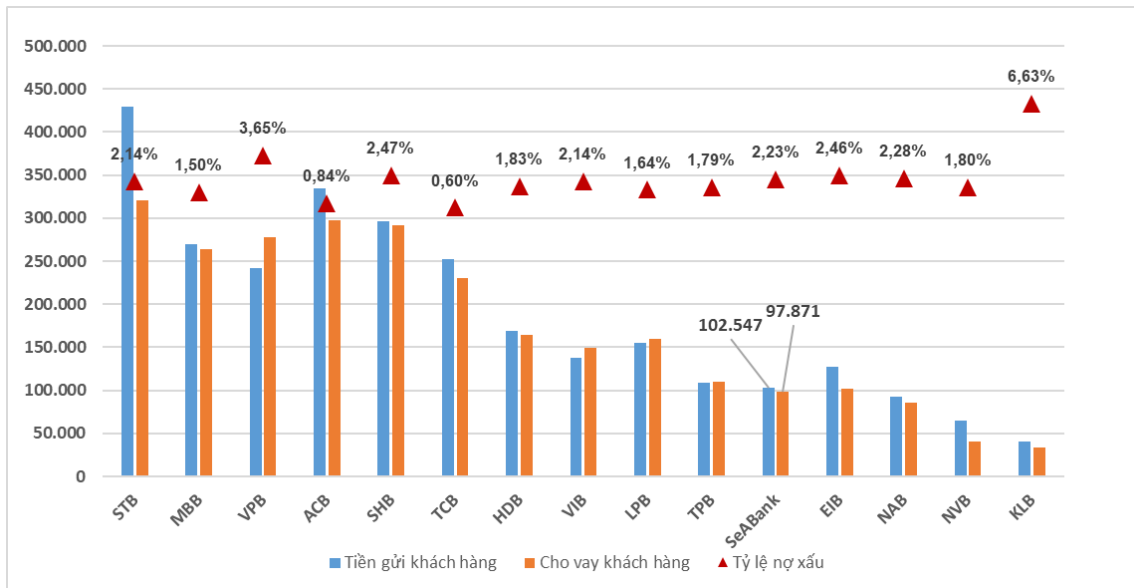
(Nguồn: Báo cáo tài chính các ngân hàng Quý III/2020)

❖ **Hoạt động huy động tiền gửi và cho vay khách hàng**

SeABank luôn tăng trưởng bền vững và đảm bảo các quy định an toàn trong các hoạt động cho vay và nhận tiền gửi. Nhờ việc ký kết hợp tác chiến lược với các đối tác là các tổ chức lớn trong và ngoài nước, SeABank đã sở hữu nền tảng khách hàng lớn và ổn định. Đến 30/09/2020, số dư tiền gửi của khách hàng tại SeABank là 102.547 tỷ đồng. Cùng với đó, mảng tín dụng của SeABank tăng trưởng nhưng luôn được chú trọng khâu quản trị rủi ro và đảm bảo quy định về cho vay của Ngân hàng nhà nước. Dư nợ cho vay khách hàng đạt 97.871 tỷ đồng tại 30/09/2020 và Ngân hàng luôn duy trì tỷ lệ nợ xấu dưới 3% theo quy định.

Hình 11. Tiền gửi của khách hàng và số dư nợ cho vay khách hàng

(Đơn vị: tỷ đồng)



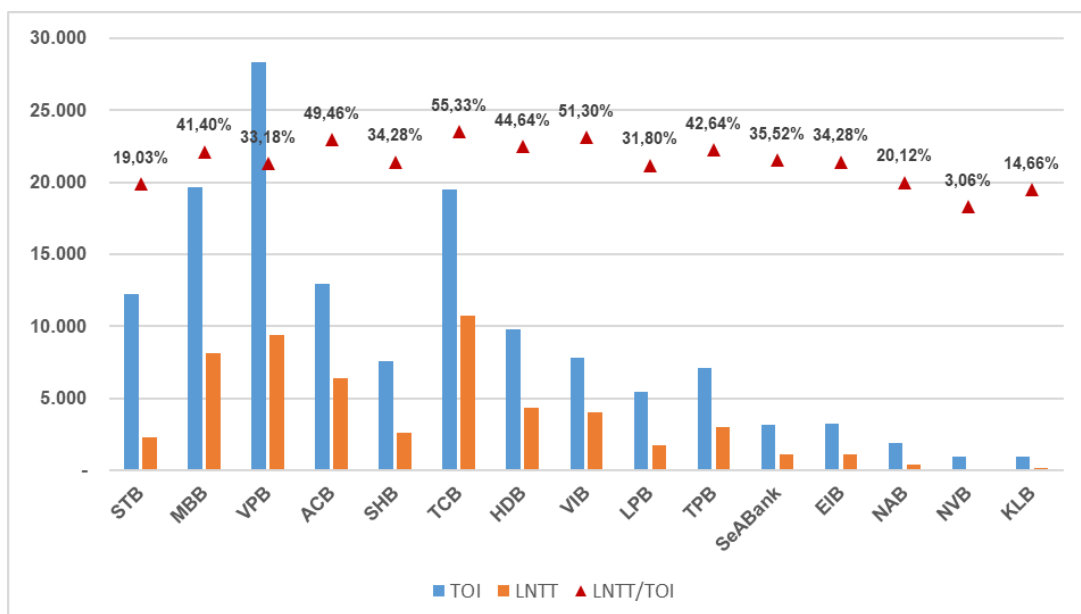
(Nguồn: Báo cáo tài chính các ngân hàng Quý III/2020)

❖ **Hiệu quả hoạt động kinh doanh**

Dịch Covid-19 đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới toàn bộ nền kinh tế trong nửa đầu năm 2020 nhưng hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại nói chung và SeABank nói riêng vẫn tăng trưởng ấn tượng. Cả hai chỉ tiêu tổng thu nhập hoạt động (TOI) và lợi nhuận trước thuế lũy kế 9 tháng đầu năm 2020 đều có sự tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, TOI đạt 3.184 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 1.131 tỷ đồng. Như vậy, SeABank vào top những doanh nghiệp có Lợi nhuận trước thuế 3 quý đầu năm 2020 đạt trên 1.000 tỷ đồng.

Hình 12. Kết quả hoạt động kinh doanh của một số ngân hàng lũy kế 9 tháng đầu năm 2020

(Đơn vị: tỷ đồng)



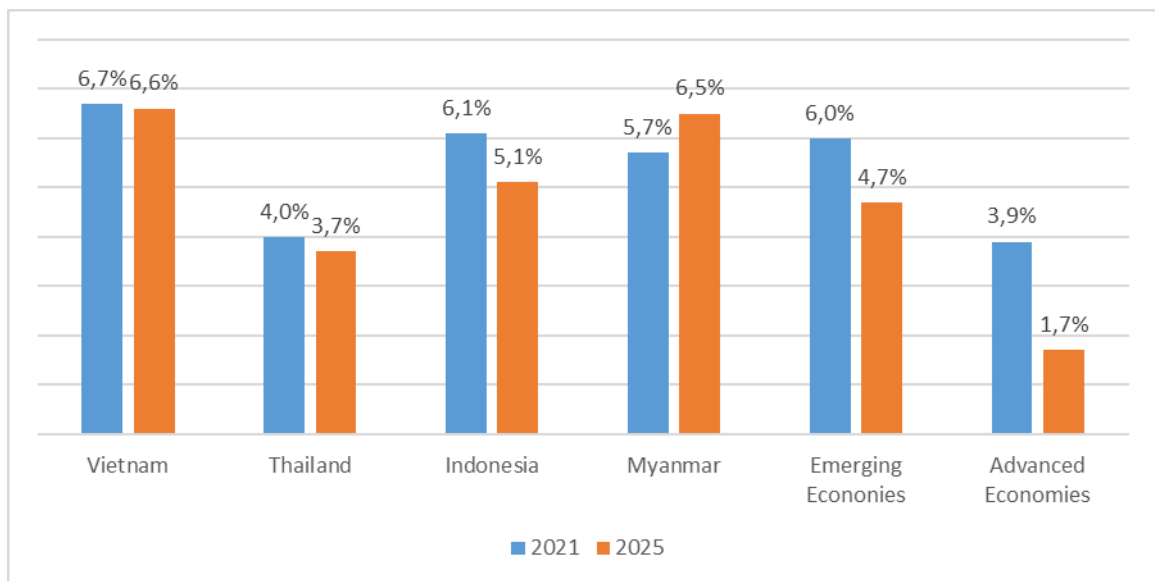
(Nguồn: Báo cáo tài chính các ngân hàng Quý III/2020)

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

❖ Ngành ngân hàng đang ở trong giai đoạn phát triển nhanh

Với đặc thù của một nền kinh tế đang phát triển, dựa nhiều vào vốn, ngành Ngân hàng Việt Nam đang ở giai đoạn phát triển nhanh. Với tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm trong khoảng từ 5% đến 7% trong 10 năm qua (2009 - 2019), ngoại trừ năm 2020 do ảnh hưởng của Đại dịch Covid-19 (GDP 9 tháng đầu năm 2020 tăng 2,12%), dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam theo IMF năm 2021 là khoảng 6,7% và vào năm 2025 là khoảng 6,6% (Thái Lan lần lượt là 4,0% và 3,7%; Indonesia lần lượt là 6,1% và 5,1%), ngành Ngân hàng sẽ tiếp tục phát triển bền vững.

Hình 13. Dự báo tăng trưởng của một số nền kinh tế



(Nguồn: IMF - tháng 10/2020)

Sự tăng trưởng tích cực của nền kinh tế là yếu tố thu hút nhà đầu tư, nguồn vốn FDI, tạo ra sự nhộn nhịp trong hoạt động thương mại quốc tế, từ đó, ngân hàng là nơi hỗ trợ các doanh nghiệp hoạt động trong ngành xuất nhập khẩu, hậu cần,... Trong bối cảnh COVID-19, Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, kim ngạch xuất khẩu 11 tháng đầu năm 2020 tăng 5,3% so với cùng kỳ năm trước, nhập khẩu tăng 1,5% giúp Việt Nam đạt mức xuất siêu kỷ lục là 20,1 tỷ USD tính chung đến tháng 11 năm 2020. Tuy nhiên, tùy vào tình hình kiểm soát COVID-19 ở các nước (đặc biệt là Mỹ và Châu Âu) sẽ quyết định đến mức độ tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam trong cả năm 2020 và những năm tiếp theo.

Sự phát triển của Cách mạng Công nghiệp 4.0 và việc tham gia các FTA thế hệ mới như CPTPP và FTA Việt Nam - Liên minh châu Âu được kỳ vọng sẽ mang lại nhiều cơ hội phát triển kinh tế cho Việt Nam, thông qua việc mở rộng xuất khẩu, đầu tư và ứng dụng khoa học công nghệ. Việt Nam đang tiếp tục tận dụng các FTA đã có hiệu lực và tiếp tục đàm phán, ký kết để mở rộng thị trường Quốc tế.

Bên cạnh đó, sự chuyển đổi nhanh hơn của mô hình tăng trưởng theo hướng năng suất, chất lượng và hiệu quả, với động lực chính là khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo sẽ giúp duy trì mức tăng trưởng cao và ổn định cho nền kinh tế Việt Nam trong thời gian tới.

Tốc độ tăng trưởng tín dụng hàng năm luôn ở mức cao, tuy có giảm dần từ năm 2018. Dữ liệu thống kê cho thấy mức tăng trưởng tín dụng năm 2019 đạt 12,1%, thấp hơn mức 13,3% của cùng kỳ năm 2018 và là mức tăng trưởng thấp nhất trong vòng 6 năm trở lại đây. Tính đến

21/12/2020, tín dụng tăng 10,14% so với cuối năm 2019, tăng 11,62% so cùng kỳ 2019. Dự kiến cả năm 2020, tín dụng có thể tăng 10,5% - 11%. Việc giảm tăng trưởng tín dụng kể từ năm 2018 nhằm kiểm soát việc tăng trưởng quá nóng của hoạt động tín dụng, chú trọng hơn đến nâng cao chất lượng khoản vay, hướng dòng vốn tín dụng đến những ngành nghề ưu tiên và lĩnh vực sản xuất.

❖ **Chính sách, chiến lược phát triển nhằm nâng cao tính an toàn, lành mạnh của hệ thống Ngân hàng, tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật theo chuẩn mực quốc tế**

Ngày 08 tháng 08 năm 2018, Chính phủ ban hành Quyết định số 986/QĐ-TTg Phê duyệt “Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” với những nội dung chủ yếu sau:

❖ **Mục tiêu tổng quát**

Hiện đại hóa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; thực hiện mục tiêu ưu tiên là kiểm soát lạm phát, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng bền vững; bảo đảm an toàn, lành mạnh hệ thống các tổ chức tín dụng, giữ vai trò chủ chốt bảo đảm ổn định tài chính; thực thi vai trò giám sát các hệ thống thanh toán, là trung tâm thanh toán và quyết toán cho các hệ thống thanh toán và hệ thống giao dịch tài chính, tiền tệ trong nền kinh tế.

Phát triển hệ thống các tổ chức tín dụng theo hướng: các tổ chức tín dụng trong nước đóng vai trò chủ lực; hoạt động minh bạch, cạnh tranh, an toàn, hiệu quả bền vững; cấu trúc đa dạng về sở hữu, quy mô, loại hình; dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến, phù hợp với chuẩn mực hoạt động theo thông lệ quốc tế, hướng tới đạt trình độ phát triển của nhóm 4 nước dẫn đầu khu vực ASEAN vào năm 2025; năng động, sáng tạo để thích ứng với quá trình tự do hóa và toàn cầu hóa; đáp ứng nhu cầu về dịch vụ tài chính, ngân hàng ngày càng gia tăng của nền kinh tế, tiến tới tài chính toàn diện vào năm 2030, bảo đảm mọi người dân và doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận đầy đủ, thuận tiện các dịch vụ tài chính, ngân hàng có chất lượng, đóng góp tích cực cho phát triển bền vững.

❖ **Mục tiêu cụ thể**

✓ **Phần đầu đến cuối năm 2020:**

Các ngân hàng thương mại cơ bản có mức vốn tự có theo chuẩn mực của Basel II; có ít nhất từ 1 đến 2 ngân hàng thương mại nằm trong nhóm 100 ngân hàng lớn nhất về tổng tài sản trong khu vực châu Á;

Tăng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng trong tổng thu nhập của các ngân hàng thương mại lên khoảng 12 - 13%; Đưa tỷ lệ nợ xấu nội bảng của các tổ chức tín dụng, nợ xấu đã bán cho VAMC và nợ đã thực hiện các biện pháp phân loại nợ xuống dưới 3% (không bao gồm các ngân hàng thương mại yếu kém đã được Chính phủ phê duyệt phương án xử lý).

✓ **Giai đoạn 2021 - 2025:**

Nâng cao hơn nữa năng lực cạnh tranh, tăng sự minh bạch và tuân thủ các chuẩn mực, thông lệ quốc tế tốt trong quản trị và trong hoạt động của các tổ chức tín dụng. Phần đầu đến cuối năm 2025: Có ít nhất từ 2 - 3 ngân hàng thương mại nằm trong nhóm 100 ngân hàng lớn nhất (về tổng tài sản) trong khu vực châu Á;

Tất cả các ngân hàng thương mại áp dụng Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn, triển khai thí điểm áp dụng Basel II theo phương pháp nâng cao;

Tăng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng trong tổng thu nhập của các ngân hàng thương mại lên khoảng 16 - 17%; Nợ xấu của toàn hệ thống các tổ chức tín dụng dưới 3%.

Tăng hiệu quả phân bổ nguồn vốn tín dụng phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; thúc đẩy phát triển “tín dụng xanh”, “ngân hàng xanh” để góp phần chuyển đổi nền kinh tế sang hướng tăng trưởng xanh, tăng tỷ trọng vốn tín dụng ngân hàng đầu tư vào năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, các ngành sản xuất và tiêu dùng ít các bon. Lồng ghép các nội dung về phát triển bền vững, biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh trong các chương trình, dự án vay vốn tín dụng.

Từng bước nâng cao vị thế của Việt Nam tại các diễn đàn, tổ chức quốc tế về tiền tệ ngân hàng, phục vụ cho phát triển ngành Ngân hàng, phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế.

Trong năm 2020, do nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi Covid 19, thêm vào đó, các Ngân hàng áp dụng Basel II và sự ra đời của Thông tư 22/2019/TT-NHNN nhằm siết chặt hơn chất lượng tài sản của hệ thống, tăng trưởng tín dụng toàn Ngành sẽ ở mức thấp hơn các năm trước. Việc tăng trưởng tín dụng liên tục giảm kể từ năm 2018 tạo ra sự phân hóa khá mạnh trong Ngành khi chỉ những ngân hàng hoạt động hiệu quả, chất lượng tài sản tốt, nợ xấu giảm mới được nói tỷ lệ tăng trưởng tín dụng, trong khi ở các ngân hàng yếu, kém, việc tăng trưởng sẽ khó khăn hơn. Tăng trưởng tín dụng sẽ tập trung phần lớn vào các ngân hàng đã đáp ứng Basel II hoặc đáp ứng được hệ số an toàn theo Thông tư 22/2019/TT-NHNN. Nhóm ngân hàng thương mại cổ phần, có nhiều cơ hội gia tăng tín dụng nhờ trần hệ số huy động/cho vay (LDR) được tăng từ 80% lên 85%. Nhóm này sẽ tối ưu hóa hiệu quả bằng việc phân bổ lại tài sản theo quy định của Basel II nhằm gia tăng lợi nhuận trong điều kiện khó nâng vốn, tập trung tăng trưởng tín dụng tiêu dùng. Ngân hàng Nhà nước dự kiến sẽ cấp hạn mức tăng trưởng tín dụng cao hơn so với bình quân ngành cho nhóm này khi tỷ lệ an toàn vốn được đảm bảo.

Dù đang trong quá trình tái cơ cấu, nhưng kết quả kinh doanh của các ngân hàng được dự báo duy trì ở mức ổn định, với hệ số thu nhập lãi cận biên (NIM) bình quân khoảng 3,2 - 3,4%. Thu nhập ròng từ lãi (NII) đang được cải thiện nhờ việc cơ cấu các khoản vay, hướng đến nhóm bán lẻ, khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ.

❖ **Ngân hàng số - xu thế phát triển**

Các ngân hàng Việt Nam đã và đang tăng tốc đầu tư ngân hàng số, xu hướng phát triển tất yếu của thời đại 4.0. Cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ về số người sử dụng internet và điện thoại thông minh, chính sách khuyến khích giao dịch không dùng tiền mặt của Chính phủ, số lượng khách hàng có tài khoản và thẻ ngân hàng tăng trưởng mạnh. Thống kê của Ngân hàng Nhà nước cho thấy, tăng trưởng số lượng và giá trị giao dịch thanh toán điện tử đến tháng 10/2020 qua kênh mobile banking lần lượt là 123,9% và 125,4%; các kênh internet banking và ví điện tử cũng đều tăng trưởng khoảng 37 - 86% so với cùng kỳ; hiện tại số lượng người sử dụng Smartphone vào khoảng 45% dân số - đứng thứ 15 trên thế giới; 99% doanh nghiệp đăng ký nộp thuế điện tử. Giá trị giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt tăng tốc là động lực cho sự tăng trưởng của các ngân hàng.

Cơ cấu thu nhập trong lĩnh vực Ngân hàng trong những năm gần đây bắt đầu có sự chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần tỷ trọng thu nhập từ hoạt động tín dụng truyền thống và nâng cao dần tỷ trọng thu nhập từ các hoạt động, dịch vụ ngân hàng hiện đại; giảm đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực rủi ro cao, tăng thu từ hoạt động phi tín dụng, là hoạt động có tính bền vững cao và ít rủi ro hơn. Tăng trưởng thu nhập từ thu nhập ngoài lãi của ngân hàng đến từ dư địa của kênh Bancassurance, thu phí dịch vụ ngân hàng và chiến lược đẩy mạnh ngân hàng bán lẻ, ngân hàng số.

8.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các Ngân hàng tại Việt Nam

Tại thời điểm 30/09/2020, Tổng tài sản của SeABank đạt 167.426 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu đạt 11.799 tỷ đồng và nằm trong Top 15 những Ngân hàng TMCP tư nhân có tổng tài sản lớn nhất.

Bảng 33. Bảng so sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của một số Ngân hàng

(Đơn vị: Tỷ đồng)

STT	Ngân hàng	TTS 30/09/2020	VCSH 30/09/2020	Tiền gửi của khách hàng 30/09/2020	Cho vay khách hàng 30/09/2020	Tổng thu nhập hoạt động 9T/2020	LNTT 9T/2020
1	SeABank	167.426	11.799	102.547	97.871	3.184	1.131
2	STB	485.213	28.205	428.954	320.215	12.308	2.326
3	MBB	427.175	48.253	269.189	263.845	19.648	8.134
4	VPB	413.892	49.726	241.658	278.025	28.326	9.398
5	TCB	401.462	70.608	252.572	230.716	19.468	10.711
6	ACB	418.748	32.919	334.729	297.386	12.961	6.411
7	SHB	401.926	23.876	296.517	292.207	7.604	2.607
8	HDB	273.290	23.885	168.443	164.463	9.815	3.500
9	LPB	211.978	13.765	154.611	159.149	5.474	1.741
10	VIB	213.086	16.551	138.030	148.995	7.846	4.025
11	TPB	193.461	15.438	108.694	110.340	7.092	3.024
12	EIB	151.274	16.597	127.844	101.302	3.221	1.104
13	NAB	119.474	6.113	92.453	86.017	2.851	388
14	NVB	74.335	4.283	64.604	40.054	949	29
15	KLB	55.592	3.907	39.990	33.414	989	145

(Nguồn: Công bố thông tin Báo cáo tài chính Quý III.2020 các ngân hàng tại Việt Nam)

8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của SeABank với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới

Trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới ngày càng có nhiều biến động ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, quy định quản lý của NHNN ngày càng được thắt chặt để đảm bảo sự an toàn và hiệu quả của toàn hệ thống, nhu cầu của khách hàng ngày càng cao, áp lực cạnh tranh từ các đối thủ ngày càng lớn, định hướng chiến lược của SeABank hướng tới tăng trưởng bền vững trên cơ sở phát triển các nguồn lực nhằm đáp ứng tình hình thực tiễn của thị trường. Qua đó, SeABank hướng đến mục tiêu làm gia tăng giá trị của doanh nghiệp dựa trên các nền tảng cơ bản, bao gồm: nguồn nhân lực, hệ thống Công nghệ, vận hành và quản trị rủi ro, phù hợp với các chính sách của Nhà nước, định hướng của ngành Ngân hàng và xu thế phát triển chung trên thế giới.

Bên cạnh yếu tố tăng trưởng, SeABank cũng rất chú trọng đến vấn đề ổn định, an toàn và hiệu quả trong hoạt động. Dựa trên nền tảng hiện có, SeABank tiếp tục đầu tư vào xây dựng hệ thống

công nghệ, kỹ thuật tiên tiến nhằm hiện đại hóa và phù hợp với yêu cầu hội nhập, kết hợp với việc xây dựng khung quản trị rủi ro toàn diện cho Ngân hàng để hạn chế các rủi ro có thể xảy ra và đảm bảo ứng phó kịp thời trước các nguy cơ tác động từ nền kinh tế. SeABank tin tưởng rằng, sự phát triển của Ngân hàng sẽ góp phần vào sự phát triển của Ngành nói riêng và xu thế phát triển của nền kinh tế nói chung.

❖ **Mục tiêu của SeABank**

Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 986/QĐ-TTg, SeABank cũng đã ban hành Chiến lược phát triển đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 với các mục tiêu và chiến lược như sau:

Về mục tiêu trong giai đoạn 2021-2025, SeABank định hướng trở thành ngân hàng dẫn đầu về chất lượng dịch vụ, trong đó tập trung vào lĩnh vực giao dịch điện tử và bảo hiểm; đạt được hiệu quả và khả năng sinh lời ở mức dẫn đầu thị trường thông qua việc kết hợp giữa tăng trưởng và quản lý hiệu quả chi phí; tăng cường hiệu quả tổ chức thông qua phát triển văn hóa công bằng và cơ cấu quản trị phù hợp, trở thành ngân hàng dẫn đầu về văn hóa tổ chức, và trở thành ngân hàng dẫn đầu về đóng góp cho cộng đồng.

Để hiện thực hóa các mục tiêu trên, SeABank đã xây dựng chiến lược cho giai đoạn 2021-2025 là cung cấp cho khách hàng trải nghiệm tuyệt vời thông qua đội ngũ nhân viên chuyên môn hóa cao và tăng lợi ích lâu dài của các cổ đông, với 05 trụ cột chính là: trụ cột 1 - Văn hóa chia sẻ tạo ra sự khác biệt của SeABank; trụ cột 2 - Sản phẩm dịch vụ riêng phục vụ những mảng khách hàng riêng biệt; trụ cột 3 - Dịch vụ ngân hàng số đáp ứng nhu cầu của khách hàng; trụ cột 4 - Đơn giản hóa hoạt động của ngân hàng với khả năng triển khai hoạt động mạnh; trụ cột 5 - Tăng cường khả năng tài chính và quản trị rủi ro, tăng khả năng sinh lời.

❖ **Các dự án trọng điểm quốc gia mà SeABank tham gia tài trợ**

Hoạt động trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng, SeABank luôn phát triển và vận hành cùng nền kinh tế Việt nam, đồng hành cùng các Tập đoàn, Tổng công ty để tham gia tài trợ các dự án trọng điểm quốc gia, góp phần phát triển kinh tế xã hội cho đất nước và mang lại hiệu quả kinh doanh cho Ngân hàng.

- Đối với Dự án Nhà máy Xử lý khí Cà Mau (viết tắt là GPP) của Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (PV GAS): là dự án với Tổng mức đầu tư trên 10.000 tỷ VND, trong đó SeABank tham gia tài trợ cùng một số tổ chức tín dụng khác, Số tiền SeABank đã cấp tín dụng cho Dự án là 2.000 tỷ đồng.

Dự án GPP Cà Mau có công suất xử lý 6,2 triệu m³ khí/ngày từ nguồn khí PM3-CAA, cùng hệ thống kho có sức chứa 8.000 tấn LPG, 3.000 m³ condensate và hệ thống cảng xuất sản phẩm. Sau khi hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành, GPP Cà Mau cung cấp ra thị trường khoảng 600 tấn LPG/ngày, tương đương 200.000 tấn LPG/năm, cung cấp 35 tấn Condensate/ngày, tương đương 12.000 tấn Condensate/năm, đáp ứng được khoảng 10% nhu cầu thị trường trong nước. Với yêu cầu cao về mặt kỹ thuật và công nghệ, công trình khi hoàn thành có công nghệ tiên tiến hàng đầu, đem lại hiệu suất thu hồi LPG cao so với các dự án tương tự từ trước tới nay; phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế; đảm bảo vận hành an toàn và bảo vệ môi trường.

GPP Cà Mau được đưa vào hoạt động đã giúp PV GAS thực hiện đúng mục tiêu chiến lược: đóng vai trò chủ đạo trong ngành công nghiệp Khí Việt Nam và phát triển ra thị trường quốc tế. Đây là khâu hoàn thiện cuối cùng để Cụm công nghiệp Khí - Điện - Đạm Cà Mau đồng bộ phục vụ sự nghiệp phát triển ở miền Tây.

- Đối với Dự án lô 433a & 416b - Algeria của Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP): Đây là Dự án khai thác dầu khí ngoài khơi Việt Nam. SeABank tham gia đồng tài trợ cùng một số tổ chức tín dụng khác, số tiền SeABank tham gia tài trợ là 50 triệu USD.

Dự án lô 433a & 416b là một trong những dự án mở đường trong chiến lược phát triển không chỉ trong nước và thị trường quốc tế của PVEP và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, dự án đón dòng dầu đầu tiên (first oil) vào năm 2015. Dự án được đánh giá là bước đột phá, mở rộng hoạt động mở rộng tìm kiếm thăm dò, gia tăng trữ lượng, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và đóng góp nhiều hơn nữa cho sự phát triển của đất nước.

- Đối với Dự án Di dân tái định cư Thủy điện Sơn La - Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN): Đây là Dự án phục vụ cho Dự án Thủy điện Sơn La - tại thời điểm triển khai, đây là Dự án Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất Đông Nam Á.

SeABank tham gia tài trợ cho Dự án di dân tái định cư Thủy điện Sơn La 700 tỷ đồng.

Để nhường đất cho nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất Đông Nam Á, số dân phải di chuyển, bố trí tái định cư lớn nhất đất nước từ trước tới nay, với 20.340 hộ và 93.201 người của 248 bản, tổ dân phố, 31 xã, phường, 8 huyện, thị xã của 3 tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu. Thủy điện Sơn La là công trình hợp lòng dân, nhân dân đồng tình ủng hộ, do vậy việc triển khai dự án di dân, tái định cư được triển khai thành công.

Việc tham gia tài trợ thành công và hiệu quả cho những Dự án Trọng điểm Quốc gia cho thấy SeABank hiểu rõ vai trò của các ngân hàng trong việc đồng hành cùng Chính phủ trong phát triển kinh tế, đồng thời thể hiện các Tập đoàn, Tổng công ty đánh giá cao sự tham gia của SeABank.

9. Chính sách đối với người lao động

Với quan điểm con người là trọng tâm của tổ chức, SeABank đã và đang đặt vấn đề nguồn nhân lực là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá sự phát triển của Ngân hàng.

Để duy trì và giữ chân nhân sự, SeABank xây dựng hệ thống chế độ phúc lợi, đãi ngộ cạnh tranh song song với hệ thống đánh giá hiệu quả công việc và đánh giá năng lực, xây dựng lộ trình công danh kết hợp chính sách đào tạo phát triển cho toàn bộ các chức danh nhằm tạo cơ chế đánh giá, ghi nhận công bằng và cơ hội phát triển cho tất cả các CBNV trong Ngân hàng, cụ thể như sau:

9.1. Số lượng và cơ cấu (theo trình độ) người lao động trong Ngân hàng

Bảng 34. Số lượng và cơ cấu người lao động tại 30/09/2020

Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Trên đại học	164	4,3%
Đại học	3.325	86,2%
Cao đẳng	235	6,0%
Trung cấp	51	1,3%
PTTH	83	2,2%
Tổng cộng	3.858	100%

(*) Số liệu này chỉ bao gồm số lượng lao động của SeABank, chưa tính đến số lượng lao động của các công ty con.

(Nguồn: SeABank)

Bảng 35. Số lượng và thu nhập người lao động

(Đơn vị: triệu đồng/người/tháng)

Chỉ tiêu	2018		2019		9T/2020		Dự kiến năm 2020	
	SL nhân viên tại 31/12/2018 (người)	Thu nhập bình quân	SL nhân viên tại 31/12/2019 (người)	Thu nhập bình quân	SL nhân viên tại 30/09/2020 (người)	Thu nhập bình quân	SL nhân viên tại 31/12/2020 (người)	Thu nhập bình quân
Hợp nhất	3.534	17,54	4.067	19,96	4.019	22,32	4.197	22,04
Ngân hàng mẹ	3.479	17,65	3.872	20,08	3.858	22,3	3.944	22,4

(Nguồn: SeABank)

9.2. Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Bên cạnh việc đảm bảo các phúc lợi, đãi ngộ theo đúng quy định của Luật Lao động và Luật bảo hiểm xã hội, SeABank xây dựng chính sách đãi ngộ tổng thể (Total Rewards) gắn liền với chiến lược kinh doanh và chiến lược nhân sự nhằm đạt được chiến lược phát triển cốt lõi là trở thành ngân hàng bán lẻ dẫn đầu và được yêu thích nhất; với mục tiêu mang đến cho các CBNV các chính sách đãi ngộ cạnh tranh, tương xứng với đóng góp, cống hiến của từng Cá nhân đối với sự phát triển của SeABank:

❖ **Điều chỉnh lương định kỳ:**

Cấu trúc lương 3P của SeABank được xây dựng với sự tham gia tư vấn của Talentnet - Mercer dựa trên các nguyên tắc cạnh tranh với thị trường và công bằng trong nội bộ, phù hợp với chiến lược kinh doanh và chiến lược con người của Ngân hàng. Hàng năm, SeABank đều tiến hành các đợt điều chỉnh lương định kỳ và điều chỉnh lương theo các đợt nâng bậc/bổ nhiệm tập trung với các nguyên tắc xem xét trọng tâm vào vị trí đảm nhiệm, hiệu quả làm việc và thâm niên công tác của từng cá nhân để có chính sách lương cạnh tranh với thị trường và công bằng nội bộ;

❖ **Chính sách thưởng:**

Hệ thống chính sách thưởng của SeABank được cấu trúc bao gồm nhiều chính sách thưởng khác nhau dựa trên năng lực làm việc, kết quả làm việc, thành tích và đóng góp, cống hiến của từng cá nhân cho sự phát triển của Ngân hàng. SeABank đảm bảo cán bộ nhân viên có thành tích tốt sẽ được khen thưởng xứng đáng và kịp thời với hệ thống các chính sách thưởng đa dạng và gắn kết trực tiếp với kết quả, hiệu quả làm việc:

- Thưởng thi đua kinh doanh đối với các CBNV có thành tích xuất sắc theo các chương trình thi đua, thúc đẩy kinh doanh của Ngân hàng;
- Chính sách Lương kinh doanh bổ sung đối với lực lượng bán với sự tư vấn của đối tác Mercer Singapore và Talentnet nhằm thúc đẩy kết quả kinh doanh của lực lượng bán theo chiến lược phát triển của Ngân hàng, đảm bảo thu nhập cạnh tranh với thị trường;
- Chính sách thưởng hiệu quả công việc dựa trên hiệu quả làm việc của từng Đơn vị, Cá nhân và mức độ đóng góp vào kết quả kinh doanh chung của Ngân hàng;

- Các chính sách thưởng thành tích đặc biệt cho các Cá nhân, Đơn vị hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, chương trình, dự án được phân công, giao phó, thưởng ý tưởng và giải pháp sáng tạo,...

❖ **Các chính sách phúc lợi:**

Hệ thống chính sách phúc lợi của SeABank ngày càng được mở rộng và nâng cao nhằm mang lại giá trị đãi ngộ tốt nhất cho CBNV; đồng thời tạo được sự khác biệt về chính sách theo thâm niên, kết quả làm việc, thúc đẩy văn hóa hướng đến hiệu quả, thu hút và giữ chân nhân tài:

- Chính sách bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện PVICare cho Cán bộ nhân viên và người thân với phạm vi và quyền lợi bảo hiểm được mở rộng, nâng cao hàng năm;
- Chính sách vay vốn ưu đãi dành cho CBNV SeAStaff Privileged;
- Chính sách về chế độ nghỉ phép năm mở rộng số ngày nghỉ phép năm;
- Các chương trình/hoạt động kết nối và gắn kết đồng nghiệp (Team Building, SeAFamily, các cuộc thi nội bộ,...);
- Các chương trình tri ân CBNV và gia đình (SeATet, Bé SeABank vẽ tranh cuộc sống,...).

❖ **Các chế độ khác:**

Các CBNV trong hệ thống được thường xuyên tham các sự kiện lớn, gia các hoạt động kết nối của SeABank được tổ chức quy mô, ấn tượng như lễ kỷ niệm ngày thành lập SeABank; Hội nghị Sơ kết Quý, 6 tháng; Hội nghị Tổng kết năm; các chương trình, hoạt động quy mô chào mừng những ngày lễ lớn trong năm như Ngày Quốc tế Thiếu nhi, Tết Trung thu, Giáng sinh - Năm mới; hội thao toàn Ngân hàng SeALeague, SeAWomen League và SeALeader League, hội thao SeASport, Ngày hội Gia đình - SeAFamily Day,... Đặc biệt, nhằm tri ân và vinh danh các CBNV có thời gian làm việc lâu năm với ngân hàng, SeABank triển khai chương trình Vinh danh thâm niên - SeAProud với những món quà và lời chúc ý nghĩa dành tặng CBNV đạt các mốc làm việc 3, 5, 10, 15, 20 năm tại ngân hàng.

Ngoài ra, hàng năm SeABank còn chú trọng tổ chức các hoạt động từ thiện được phát động trên toàn hệ thống với 3 quỹ từ thiện lớn (Uơm mầm ước mơ, One Day - One Smile, SeALove - Lan tỏa yêu thương) và nhiều hoạt động xã hội thường niên (Xuân yêu thương, SeABankers vì trẻ thơ, Tuần lễ Công dân, Chấn ám đầu đông và SeABank Run For The Future) cùng các hoạt động khác nhằm mang những món quà thiết thực và ý nghĩa cho cộng đồng. Chuỗi các hoạt động kết nối đồng nghiệp, các hoạt động an sinh xã hội là một trong những niềm tự hào của SeABank về Văn hóa tổ chức của mình - đại diện cho tinh thần, hình ảnh SeABank muốn đem tới cho khách hàng và cũng là chìa khóa quan trọng cho việc gắn kết và giữ chân nhân sự.

9.3. Phát triển nguồn lực

Công tác đánh giá, quy hoạch và phát triển nhân sự theo lộ trình nghề nghiệp luôn là một trong những mục tiêu ưu tiên hàng đầu trong chính sách nhân sự tổng thể của SeABank; hướng tới mục tiêu xây dựng môi trường làm việc nơi mỗi CBNV được tạo cơ hội tối đa để phát huy năng lực, được ghi nhận và phát triển lộ trình công danh của cá nhân cùng với sự phát triển của Ngân hàng. Trong năm 2019, các hoạt động quy hoạch nhân sự theo lộ trình nghề nghiệp (Career roadmap) và khung quy hoạch nhân tài (Talent pool) dựa trên đánh giá năng lực (Competency) tiếp tục được triển khai đa dạng qua hệ thống các chương trình/công cụ đánh giá, sàng lọc và lựa chọn nhân sự:

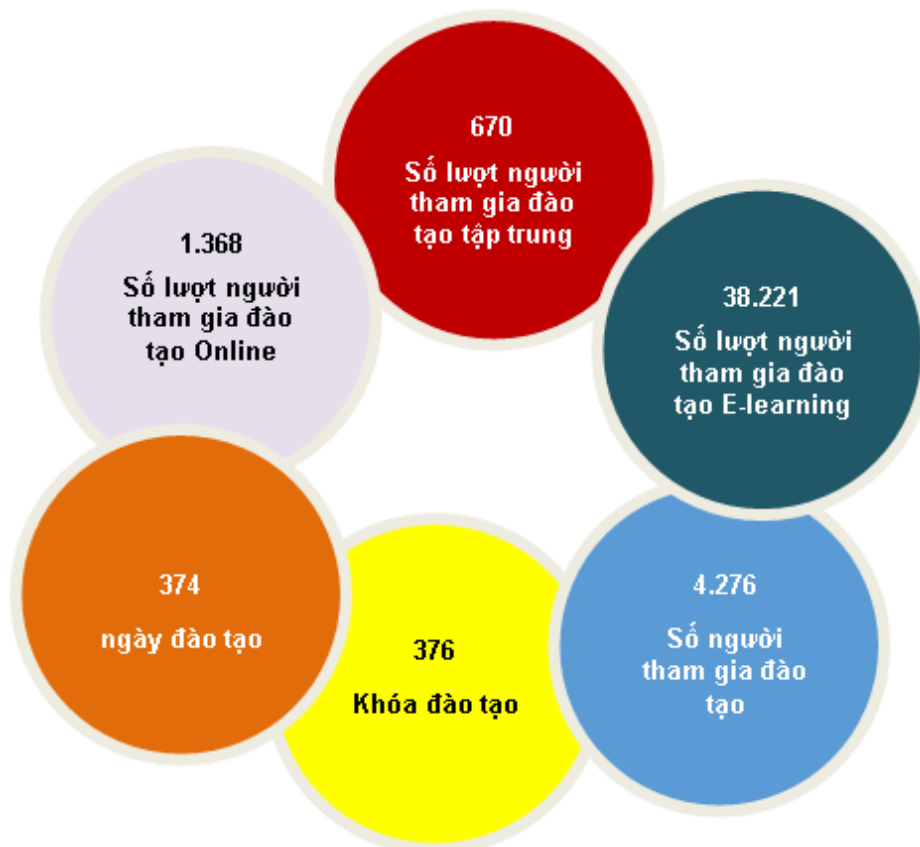
- ✓ Đánh giá kiến thức: các chương trình sát hạch nghiệp vụ định kỳ đánh giá trình độ chuyên môn và kiến thức nghiệp vụ theo từng vị trí chức danh.

- ✓ Đánh giá hiệu quả làm việc theo KPIs gắn liền với kết quả làm việc của CBNV: ghi nhận năng lực, kết quả làm việc và mức độ đóng góp của từng Cá nhân.
- ✓ Đánh giá năng lực, tiềm năng phát triển và quy hoạch, bổ nhiệm nhân sự nội bộ thông qua hệ thống các **Chương trình đánh giá năng lực và quy hoạch, bổ nhiệm nhân sự theo lộ trình nghề nghiệp** đối với từng nhóm chức danh trên toàn hệ thống: đã đánh giá và quy hoạch đội ngũ nhân sự có năng lực, kinh nghiệm để bổ nhiệm vào các vị trí khuyết thiếu trong hệ thống theo lộ trình nghề nghiệp của CBNV tại Đơn vị kinh doanh và Hội sở; đáp ứng sự chuyển đổi mạnh mẽ của hệ thống mạng lưới của Ngân hàng.
- ✓ Xây dựng đội ngũ tiềm năng, đào tạo phát triển, tạo nguồn cho các vị trí Quản lý trong tương lai thông qua các chương trình quy hoạch như Chương trình **Đánh giá năng lực và Quy hoạch đội ngũ Giám đốc SeABank** tiềm năng - đánh giá năng lực đội ngũ quản lý cấp trung theo khung năng lực vị trí theo yêu cầu của chiến lược kinh doanh của Ngân hàng, từ đó quy hoạch đội ngũ nhân sự theo mô hình về quản lý nhân tài (Talent pool) của Ngân hàng nhằm xây dựng chính sách đãi ngộ theo năng lực đồng thời triển khai các chương trình đào tạo phát triển năng lực đội ngũ và sẵn sàng nguồn lực kế cận khi có các vị trí quản lý khuyết thiếu, đáp ứng nhu cầu của hệ thống.

Thông qua hệ thống công cụ đánh giá và quy hoạch nhân sự, trong năm 2019 ghi nhận 422 lượt CBNV được bổ nhiệm giữ các vị trí cao hơn theo lộ trình nghề nghiệp (trong đó, 22 lượt CBNV được bổ nhiệm nắm giữ các vị trí quản lý cấp cao/trung trong hệ thống; 127 lượt CBNV được bổ nhiệm giữ các vị trí quản lý sơ cấp, chuyên gia; 273 lượt CBNV được nâng bậc lên các vị trí Chuyên viên cao cấp, Chuyên viên chính theo lộ trình nghề nghiệp).

9.4. Chính sách đào tạo phát triển

Trong năm 2020 mặc dù ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nhưng hoạt động đào tạo tại SeABank vẫn đạt được những thành quả đáng ghi nhận như sau:



(Số liệu cập nhật đến thời điểm 30/09/2020)

So với cùng kỳ năm 2019, cơ bản các số liệu đào tạo đều cao hơn, đặc biệt đào tạo Online - Phương pháp đào tạo mới, phù hợp với xu thế thời đại công nghiệp 4.0, gắn kết với chiến lược hội tụ số cũng đã được SeABank triển khai trong thời gian qua. SeABank là đơn vị tiên phong trong hệ thống các ngân hàng tại Việt Nam áp dụng Webex Training trong đào tạo Online. Chỉ trong 3 tuần SeABank đã cứu, xây dựng, triển khai ngay phương pháp đào tạo này nhằm cập nhật kiến thức, kỹ năng cho các SeABanker một cách kịp thời và hiệu quả nhất khi đại dịch Covid-19 bùng phát.

Năm 2020, các chương trình, khóa đào tạo mới không chỉ tăng về lượng mà còn về nội dung, chất lượng, sát với năng lực chức danh công việc. Đặc biệt **Chương trình đào tạo Quản lý cấp trung SeAManagers** được chuẩn hóa, phát triển và triển khai thường niên, đây cũng là chương trình đánh dấu thương hiệu nhân sự của SeABank trên thị trường Ngân hàng. Bên cạnh đó, **Chương trình đào tạo dành cho các nhân tố SeABank - SeAFactors** được triển khai, cho thấy sự quan tâm, đầu tư của Ban lãnh đạo Ngân hàng cho việc xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự kế cận cho các vị trí quản lý then chốt và các dự án, chương trình chiến lược trọng điểm, góp phần đảm bảo nguồn nhân sự có chất lượng cao, sẵn sàng cho các mục tiêu phát triển dài hạn của SeABank.

Song song với việc xây dựng khóa học mới, đa dạng hình thức đào tạo, SeABank đã đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ hỗ trợ học tập. Hệ thống Quản lý học tập LMS có gần 150 khóa học e-learning, giúp tăng tốc độ, qui mô đào tạo đối với các nội dung về sản phẩm, quy trình, tuân thủ, đồng thời tạo tiền đề vững chắc để vận hành mô hình đào tạo hỗn hợp (blended training) và “Học tập linh hoạt và thích nghi” (Agile Learning & Adaptive Learning), giúp mỗi cá nhân tự lựa chọn giải pháp học tập phù hợp nhất với các yêu cầu công việc và nhu cầu phát triển sự nghiệp cá nhân.

9.5. Chương trình lựa chọn cho người lao động

Nhằm tạo điều kiện để người lao động của SeABank có cơ hội tham gia đầu tư mua cổ phiếu, gắn lợi ích của người lao động với lợi ích của cổ đông, qua đó tạo giá trị gia tăng cho Ngân hàng. Đồng thời thể hiện sự trân trọng, ghi nhận và giữ chân đối với nhóm Cán bộ nhân viên chủ chốt của Ngân hàng, qua đó: khuyến khích sự cam kết gắn bó và cống hiến của người lao động, thúc đẩy người lao động nỗ lực hoàn thành các mục tiêu và nhiệm vụ được giao phó; giữ chân những nhân sự có năng lực, duy trì ổn định đội ngũ cán bộ chủ chốt, ĐHCĐ thường niên 2018 đã thông qua và HĐQT SeABank đã quyết định phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ nhân viên của Ngân hàng.

10. Chính sách cổ tức

Chính sách cổ tức của SeABank phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng.

Năm 2016 phù hợp với quy định của NHNN, SeABank không thực hiện chia cổ tức.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua việc sử dụng phần lợi nhuận còn lại chưa phân phối của năm 2017 và lũy kế đến ngày 31/12/2017 để chia cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Ngân hàng và ủy quyền toàn bộ cho HĐQT quyết định thực hiện chi trả cổ tức. Hội đồng quản trị Ngân hàng đã quyết định chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 8,7866%, đồng thời phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 1,2673% và đã thực hiện phát hành thành công trong tháng 12/2018.

Năm 2020, Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29/04/2020 đã thông qua Nghị quyết chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 14%. SeABank đã thực hiện phát hành thành công 131.166.000 cổ phiếu để trả cổ tức và được UBCKNN chấp thuận kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức theo công văn số 5825/UBCK-QLCB ngày 28/09/2020. Đồng thời với đợt trả cổ tức bằng cổ phiếu này, SeABank cũng đã thực hiện phát hành thành công 140.678.208 cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu nâng mức vốn điều lệ của Ngân hàng lên 12.087,4 tỷ đồng.

11. Tình hình tài chính

Bảng 36. Tình hình tài chính

(Đơn vị: triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Riêng lẻ		Hợp nhất	
		31/12/2018	31/12/2019	31/12/2018	31/12/2019
1	Vốn tự có				
-	Vốn Điều lệ	7.688.000	9.369.000	7.688.000	9.369.000
-	Tổng tài sản	140.868.336	157.893.266	140.487.190	157.398.288
-	Tổng vốn chủ sở hữu	8.270.152	10.953.036	8.301.505	10.925.842
-	Tỷ lệ an toàn vốn (*)	11,30%	11,63%	12,60%	12,12%
2	Kết quả hoạt động kinh doanh				
-	Số dư huy động tiền gửi	84.469.402	95.732.770	84.344.557	95.727.318
-	Số dư cho vay khách hàng	83.910.136	98.620.238	83.910.159	98.613.839
-	Doanh số huy động tiền gửi	342.464.430	374.684.030	342.339.585	374.534.578

TT	Chỉ tiêu	Riêng lẻ		Hợp nhất	
		31/12/2018	31/12/2019	31/12/2018	31/12/2019
-	Doanh số cho vay	134.595.219	148.328.282	134.595.242	148.363.973
-	Doanh số thu nợ	121.210.593	133.618.180	121.210.593	133.660.293
-	Nợ quá hạn (**)	2.114.026	2.419.254	2.114.026	2.419.254
-	Nợ xấu (**)	1.966.935	2.280.009	1.966.935	2.280.009
-	Tổng dư nợ cho vay/Nguồn vốn huy động (theo NHNNVN)	74,27%	75,25%	74,27%	75,25%
-	Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0%	0%	0%	0%
-	Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	2,52%	2,45%	2,52%	2,45%
-	Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ	2,34%	2,31%	2,34%	2,31%
3	Khả năng thanh khoản				
-	Khả năng thanh khoản ngay	13,62%	14,82%	13,62%	14,82%
-	Tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn	30,29%	17,93%	30,29%	17,93%
4	Các chỉ tiêu hiệu quả				
-	ROA	0,37%	0,77%	0,37%	0,74%
-	ROE	6,85%	11,98%	6,82%	11,43%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC quý III.2020 của SeABank)

(*) Tỷ lệ an toàn vốn tại 31/12/2019, 30/09/2020 theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 41”). Tỷ lệ an toàn vốn tại 31/12/2017, 31/12/2018 theo Thông tư 36/2014/TT-NHNN quy định giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

(**) Nợ quá hạn là nợ thuộc nhóm 2,3,4 và 5; Nợ xấu là nợ thuộc nhóm 3,4 và 5.

Quy mô vốn tự có:

Tính đến 30/09/2020, vốn điều lệ của SeABank đạt 10.680.660 triệu đồng, tăng 14% so với thời điểm cuối năm 2019 do tháng 09/2020 SeABank đã thực hiện đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019. Đến 10/2020, SeABank đã phát hành thành công cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và đạt mức vốn điều lệ là 12.087.442,08 triệu đồng. Việc tăng trưởng Vốn điều lệ của SeABank là cần thiết để đảm bảo các quy định về tỷ lệ an toàn vốn của Thông tư 41 (Basel II). Hiện nay SeABank là một trong những ngân hàng đã đủ điều kiện để áp dụng Thông tư 41 với Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất (CAR) luôn duy trì ở mức trên 11%, cao hơn tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định là 8%.

Hoạt động kinh doanh:

Huy động vốn và cho vay khách hàng là hai hoạt động đóng vai trò vô cùng quan trọng trong hoạt động của NHTM nói chung và SeABank nói riêng. Số dư huy động tiền gửi và số dư cho vay khách hàng của SeABank tăng trưởng đều qua các năm. Số dư huy động tiền gửi và cho vay khách hàng tại thời điểm 30/09/2020 lần lượt là 102.547.411 triệu đồng và 97.870.720 triệu đồng.

Bên cạnh hoạt các hoạt động tăng trưởng tín dụng, việc quản trị rủi ro và thu hồi nợ tại ngân hàng cũng được SeABank đặc biệt chú trọng. SeABank luôn duy trì tỷ lệ nợ quá hạn/tổng dư nợ và tỷ lệ nợ xấu/nợ quá hạn ở mức dưới 3% trong giai đoạn 2018-2019 và có tỷ lệ nợ xấu tại ngày 30/09/2020 là 2,23%. Tỷ lệ nợ xấu tính tại 31/10/2020 giảm xuống còn 2,17%, tỷ lệ nợ quá hạn giảm còn 2,3%.

Khả năng thanh khoản:

Để phòng ngừa rủi ro thanh khoản và đảm bảo tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn của NHNN, SeABank luôn cân đối cơ cấu nguồn vốn và lên kế hoạch sử dụng vốn một cách hợp lý. Khả năng thanh toán ngay của SeABank đã được cải thiện từ 13,62% trong năm 2018 lên 14,82% trong năm 2019 và 16,01% tại 30/09/2020.

Tháng 10/2020, Thông tư số 22/2019/TT-NHNN bắt đầu điều chỉnh giảm tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung - dài hạn từ mức 40% hiện nay xuống 37%. Hiện tỷ lệ này tại nhiều ngân hàng đã dưới mức 40%. SeABank luôn duy trì tỷ lệ này mức dưới 40%. Tại 31/12/2019 tỷ lệ này giảm mạnh xuống còn 17,93%, điều này khiến cho SeABank luôn chủ động quản trị và kiểm soát được rủi ro thanh khoản.

Thống đốc NHNN phê duyệt áp dụng trước thời hạn Thông tư 41/2016/TT-NHNN - trụ cột 1 và 3 của Basel II -hoàn thành trụ cột 2 của Basel II - Quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP). Với kết quả như vậy, SeABank là ngân hàng thứ 5 tại Việt Nam hoàn thành cả 3 trụ cột Basel II. Việc hoàn thành sớm Basel II khẳng định khả năng, tiềm lực của SeABank đối với công tác quản trị rủi ro cũng như cho thấy khả năng tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế của Ngân hàng. Không dừng lại ở đó, Ngân hàng đang tiếp tục từng bước thực hiện mục tiêu tiếp cận với những thông lệ quốc tế toàn diện hơn, bao gồm Basel II IRB, IFRS 9 và Basel III. Hiện SeABank đã bước đầu đạt được những kết quả triển khai cho giai đoạn tiếp theo, từ đó khẳng định việc lựa chọn triển khai các thông lệ quốc tế là hoàn toàn phù hợp với năng lực và định hướng của SeABank.

12. Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm Soát và Kế Toán Trưởng

12.1.Hội Đồng Quản Trị

Bảng 37. Danh sách các thành viên HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch
2	Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch Thường trực
3	Bà Lê Thu Thủy	Phó Chủ tịch
4	Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm	Phó Chủ tịch
5	Ông Bùi Trung Kiên	Thành viên
6	Ông Hoàng Minh Tân	Thành viên
7	Bà Ngô Thị Nhài	Thành viên độc lập

❖ **Ông LÊ VĂN TÂN - Chủ tịch HĐQT**

Họ và tên:	LÊ VĂN TÂN
Ngày tháng năm sinh:	17/06/1970
Số CMND, ngày cấp, nơi cấp:	
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay tại SeABank:	Chủ tịch HĐQT
Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Quá trình công tác:	
• Từ 04/2018 - nay:	Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
• Từ 03/2012 - 04/2018:	Phó chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
• Từ 06/2009 - 03/2012:	Thành viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
• Từ 2007 - 06/2009:	Giám đốc kinh doanh - Công ty Ô tô Honda Tây Hồ
• Từ 1995 - 2007:	Giám đốc marketing & bán hàng - Công ty Ô tô GM-Daewoo Việt Nam
• Từ 1992 - 1995:	Cán bộ - Trường Đại học Sư phạm I Hà Nội
• Từ 1988 - 1992:	Sinh viên - Trường Đại học Văn hóa Hà Nội
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:	
• <i>Sở hữu cá nhân:</i>	<i>50.000 cổ phần, chiếm 0,004% vốn điều lệ SeABank</i>
• <i>Sở hữu đại diện:</i>	<i>0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ</i>
• <i>Sở hữu của người có liên quan:</i>	<i>0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ</i>
Các khoản nợ đối với SeABank:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Theo quy định pháp luật hiện hành và điều lệ Ngân hàng SeABank.
Lợi ích liên quan đối với SeaBank:	Không có

❖ **Bà NGUYỄN THỊ NGA - Phó Chủ tịch Thường trực**

Họ và tên:	NGUYỄN THỊ NGA
Ngày tháng năm sinh:	17/08/1955
Số CMND, ngày cấp, nơi cấp:	
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay tại SeABank:	Phó Chủ tịch Thường trực

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- + Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Thương mại Quốc tế và Dịch vụ siêu thị Big C Thăng Long
- + Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Khách sạn Nhà hát
- + Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Phát Triển và Đầu Tư Phú Mỹ
- + Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Tập đoàn BRG
- + Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Thăng Long GTC
- + Thành viên HĐQT - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP
- + Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Thành phố Thông minh Bắc Hà Nội.

Quá trình công tác:

- Từ 04/2018 - nay: Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 10/2019 - nay Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Thành phố Thông minh Bắc Hà Nội
- Từ 04/2016 - nay Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Thương mại Quốc tế và Dịch vụ siêu thị Big C Thăng Long
- Từ 01/2016 - nay Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Thăng Long GTC
- Từ 01/2017 - nay Thành viên HĐQT - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP
- Từ 06/2015 - nay Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Tập đoàn BRG
- Từ 2010 - nay Đồng Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Khách sạn Nhà hát
- Từ 12/2008 - nay Chủ tịch Công ty, Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Phát Triển và Đầu Tư Phú Mỹ
- Từ 06/2008 - 04/2018: Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 03/2007 - 06/2008: Phó Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 2002- 03/2007: Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
- Từ 02/1998 - 09/2001: Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT, Ủy viên HĐQT, Ngân hàng TMCP Châu Á - Thái Bình Dương
- Từ 2000 - 2013: Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Thung Lũng Vua
- Từ 1992 - 1999: Kinh doanh tự do
- Từ 1987 - 1991: Sinh viên - Đại học Kinh tế Quốc dân

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 79.354.069 cổ phần, chiếm 6,565% vốn điều lệ
(Đại diện Công ty TNHH Phát Triển và Đầu Tư Phú Mỹ)

- Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên tổ chức/cá nhân là người có liên quan	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1.	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Phú Mỹ	Bà Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch HĐQT của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Phú Mỹ	79.354.069	6,565%
2.	Lê Hữu Báu	Chồng	50.301.731	4,161%
3.	Lê Tuấn Anh	Con trai	34.200.000	2,829%
4.	Lê Thu Thủy	Con gái	35.033.557	2,898%

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và điều lệ Ngân hàng SeABank.

Lợi ích liên quan đối với SeaBank: Không có

❖ **Bà LÊ THU THỦY - Phó Chủ tịch HĐQT**

Họ và tên: LÊ THU THỦY

Ngày tháng năm sinh: 07/09/1983

Số CMND, ngày cấp, nơi cấp:

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính, Ngân hàng - Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại SeABank: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện.

Quá trình công tác:

- Từ 06/2019 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 10/2018 - nay: Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện
- Từ 05/2011 - 06/2019: Phó Tổng Giám đốc thứ nhất, Phó Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 08/2007 - 05/2011: Giám đốc đối ngoại và hợp tác quốc tế - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 05/2007 - 08/2007: Trợ lý Giám đốc điều hành - Ngân hàng đầu tư UBS, Hoa Kỳ
- Từ 2003 - 2008: Sinh viên - Đại học George Mason, Virginia, Hoa Kỳ

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 35.033.557 cổ phần, chiếm 2,898% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên tổ chức/cá nhân là người có liên quan	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1.	Lê Hữu Báu	Bố đẻ	50.301.731	4,161%
2.	Lê Tuấn Anh	Anh trai	34.200.000	2,829%

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và điều lệ Ngân hàng SeABank.

Lợi ích liên quan đối với SeaBank: Không có

❖ **Bà KHÚC THỊ QUỲNH LÂM - Phó Chủ tịch HĐQT**

Họ và tên: KHÚC THỊ QUỲNH LÂM

Ngày tháng năm sinh: 14/10/1973

Số CMND, ngày cấp, nơi cấp:

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Ngoại ngữ

Chức vụ hiện nay tại SeABank: Phó Chủ tịch HĐQT

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu
- Thành viên HĐQT - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP
- Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Nông Thủy Sản Nghệ An
- Thành viên HĐQT - Công ty CP Dịch vụ - XNK Nông sản Hà Nội
- Thành viên HĐQT - Công ty TNHH Hankyu Hanshin Express Việt Nam

Quá trình công tác:

- Từ 02/2015 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 10/2020 - nay: Thành viên HĐQT - CTCP Dịch vụ - XNK Nông sản Hà Nội
- Từ 08/2020 - nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Nông Thủy Sản Nghệ An
- Từ 06/2020 - nay: Thành viên HĐQT - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP
- Từ 12/2017- nay: Thành viên HĐQT - Công ty TNHH Hankyu Hanshin Express Việt Nam
- Từ 12/2017 - nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu
- Từ 2006 - 2008: Chánh Văn phòng HĐQT - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 2009 - 2018: Phó Tổng Giám đốc- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

- Từ 03/2012 - 02/2015 Thành viên Hội đồng Quản trị - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 2003 - 2006: Trưởng Ban kiểm soát - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
- Từ 2001 - 2006: Phó Giám đốc CN Hà Nội - Công ty TNHH Thung Lũng Vua
- Từ 1996 - 2000: Thư ký, Trợ lý HĐQT - Ngân hàng TMCP Châu Á - Thái Bình Dương
- Từ 1991 - 1996: Sinh viên - Đại học Luật Hà Nội

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 28.945 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,002%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và điều lệ Ngân hàng SeABank.

Lợi ích liên quan đối với SeaBank: Không có

❖ **Ông HOÀNG MINH TÂN - Thành viên HĐQT**

Họ và tên: HOÀNG MINH TÂN

Ngày tháng năm sinh: 29/12/1972

Số CMND, ngày cấp, nơi cấp:

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Chức vụ hiện nay tại SeABank: Thành viên HĐQT

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: - Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần du lịch dịch vụ Thủy sản Đồ Sơn

Quá trình công tác:

- Từ 2004 - nay: Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 2018 - nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Du lịch dịch vụ Thủy sản Đồ Sơn
- Từ 10/2003 - 01/2009 và Từ 11/2015 - 05/2019: Giám đốc - Công ty CP Du lịch Thung lũng Nữ Hoàng
- Từ 2003 - 2004: Phó Giám đốc - Công ty Thương mại và Xây dựng Phụng Hoàng
- Từ 2002 - 2003: Phó Giám đốc - Công ty Thương mại và Xây dựng Hải Yến
- Từ 2000 - 2002: Kinh doanh tự do

• Từ 1996 - 2000: Chuyên viên - Công ty Thương mại và Sản xuất hàng xuất khẩu Hà Nội

• Từ 1992 - 1996: Sinh viên - Đại học Mở Hà Nội

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

• Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,002%

• Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

• Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và điều lệ Ngân hàng SeABank.

Lợi ích liên quan đối với SeaBank: Không có

❖ **Ông BÙI TRUNG KIÊN - Thành viên HĐQT**

Họ và tên: BÙI TRUNG KIÊN

Ngày tháng năm sinh: 11/01/1964

Số CMND, ngày cấp, nơi cấp:

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện nay tại SeABank: Thành viên HĐQT

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MTV Đầu tư xây dựng và thương mại Đức Thịnh

- Chủ tịch HĐQT - CTCP Ô tô công nghiệp Trường Sơn

Quá trình công tác:

• Từ 04/2018 - nay: Thành viên HĐQT- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

• Từ 12/2008 - nay: Chủ tịch - Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Đức Thịnh

• Từ 12/2016 - Nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Ô tô công nghiệp Trường Sơn

• Từ 06/2019 -09/2020: Chủ tịch HĐQT - Tổng công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam - CTCP

• Từ 06/2008 - 03/2018: Trưởng Ban Kiểm soát - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

• Từ 10/2005 - 06/2008: Kinh doanh tự do

• Từ 10/2002 - 10/2005: Chuyên viên Kế toán - Công ty Du lịch Dịch vụ Lâm Nghiệp

• Từ 9/1999 - 10/2002: Kế toán trưởng - Công ty CBKD Lâm sản Tây Bắc

• Từ 1989 - 9/1999: Phụ trách Kế toán chi nhánh Hà Nội, Kế toán - Công ty Sản xuất kinh doanh Lâm sản Hòa Bình

- Từ 1983 - 1988: Sinh viên - Đại học Lâm nghiệp, Hà Nội

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên tổ chức/cá nhân là người có liên quan	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1.	Công ty TNHH MTV Đầu tư xây dựng và thương mại Đức Thịnh	Ông Bùi Trung Kiên là Chủ tịch Công ty	45.971.283	3,803%

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và điều lệ Ngân hàng SeABank.

Lợi ích liên quan đối với SeaBank: Không có

❖ **Bà NGÔ THỊ NHÀI - Thành viên độc lập HĐQT**

Họ và tên: NGÔ THỊ NHÀI

Ngày tháng năm sinh: 10/05/1988

Số CMND, ngày cấp, nơi cấp:

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện nay tại SeABank: Thành viên độc lập HĐQT

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

- Từ 04/2018 - nay: Thành viên độc lập HĐQT- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 2017 - 04/2018: Kế toán trưởng - Công ty CP Du lịch và Thương mại Quốc tế Vinatour
- Từ 2015 - 2017: Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ - Công ty TNHH Charlione Việt Nam
- Từ 2010 - 2015: Kiểm toán viên - Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- Từ 2006 - 2010: Sinh viên - Đại học Kinh tế Quốc dân

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với SeABank:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Theo quy định pháp luật hiện hành và điều lệ Ngân hàng SeABank.
Lợi ích liên quan đối với SeaBank:	Không có

12.2. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý công việc hàng ngày của SeABank theo Điều Lệ của SeABank. Ban Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT.

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc chuyên trách làm việc tại SeABank gồm:

Bảng 38. Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám Đốc

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Bà Lê Thu Thủy	Tổng Giám đốc
2	Ông Lê Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc Thường trực
3	Ông Vũ Đình Khoán	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
5	Bà Trần Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Hoàng Mạnh Phú	Phó Tổng Giám đốc
8	Ông Nguyễn Tuấn Cường	Phó Tổng Giám đốc
9	Bà Đặng Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc

❖ Bà LÊ THU THỦY - Tổng Giám đốc

(Xem tại phần Sơ yếu lý lịch của thành viên Hội đồng quản trị)

❖ Ông LÊ QUỐC LONG - Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Họ và tên: LÊ QUỐC LONG

Ngày tháng năm sinh: 13/5/1965

Số CMND, ngày cấp, nơi cấp:

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân tài chính kế toán, Đại học Tài chính kế toán Hà Nội

Cử nhân Luật, Đại học Luật Hà Nội

Chức vụ hiện nay tại SeABank:

Phó Tổng Giám Đốc Thường trực

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Thành viên Hội đồng thành viên Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện

Quá trình công tác:

- 06/2018- Nay

Phó Tổng Giám đốc Thường trực - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

- 10/2018 - Nay Thành viên Hội đồng thành viên - Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện
- 02/2005- 06/2018 Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 03/1993- 02/2005 Cán bộ kế toán/cán bộ tín dụng/Phó phòng tín dụng/ Trưởng phòng tín dụng/Phó Giám đốc - chi nhánh Hà Nội/ Giám đốc chi nhánh Bắc Ninh - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
- 03/1987-12/1992 Cán bộ Phòng kinh doanh - Công ty Lâm sản Hà Nội.
- 02/1984-03/1987 Chiến sỹ - Quân Đoàn 29/Quân Khu II

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 2.868.397 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,237%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và điều lệ Ngân hàng SeABank.

Lợi ích liên quan đối với SeaBank: Không có

❖ **Ông VŨ ĐÌNH KHOÁN - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: VŨ ĐÌNH KHOÁN

Ngày tháng năm sinh: 01/10/1969

Số CMND, ngày cấp, nơi cấp:

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân

Kỹ sư Mỏ Địa Chất

Chức vụ hiện nay tại SeABank: Phó Tổng Giám Đốc

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác tài sản SeABank

Quá trình công tác:

- 06/2013- Nay Phó Tổng Giám đốc, SeABank
- 06/2016 - Nay Chủ tịch HĐQTV - Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác tài sản SeABank
- 07/2012-06/2013 Giám đốc Khối Kiểm soát, Giám đốc Khối Hỗ trợ & Phát triển - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 08/2007-06/2012 Quyền GĐCN, GĐCN, Chủ tịch Ban tín dụng phía Bắc, Giám đốc Vùng I - Ngân hàng Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội
- 10/2006- 07/2007 Phó GĐ/GĐ Chi nhánh - Ngân hàng TMCP Kỹ thương

Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên

- 01/2003-09/2006 Chánh Văn phòng HĐQT - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
- 05/2002-12/2002 Trợ lý TGD kiêm Trưởng phòng Thanh toán Quốc tế - Ngân hàng TMCP Hải Phòng
- 05/1996-03/2002 Cán bộ tín dụng, Phó phòng Tín dụng HO, Trưởng Ban Kiểm soát kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp - Ngân hàng Châu Á Thái Bình Dương

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 2.775.696 cổ phần, chiếm 0,230% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và điều lệ Ngân hàng SeABank.

Lợi ích liên quan đối với SeaBank: Không có

❖ **Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

Ngày tháng năm sinh: 29/06/1975

Số CMND, ngày cấp, nơi cấp:

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân

Chức vụ hiện nay tại SeABank: Phó Tổng Giám Đốc

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện

Quá trình công tác:

- 07/2016 - nay Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tài chính và Kế hoạch, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 10/2018- nay Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện
- 07/2008 - 09/2017 Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối Tài chính và Kế hoạch - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 04/2007 - 06/2008 Kế toán trưởng - Công ty Chứng khoán SASC
- 01/2006 - 03/2007 Trợ lý Ban Kiểm soát - Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam
- 07/1996 - 12/2005 Trợ lý Kiểm toán viên, Kiểm toán viên cao cấp - Công ty Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và kiểm toán (AASC)

- 10/1992 - 06/1996 Sinh viên - Đại học Kinh tế Quốc dân

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 2.792.281 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,231% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thủ lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và điều lệ Ngân hàng SeABank.

Lợi ích liên quan đối với SeaBank: Không có

❖ **Bà TRẦN THỊ THANH THỦY - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: TRẦN THỊ THANH THỦY

Ngày tháng năm sinh: 16/01/1965

Số CMND, ngày cấp, nơi cấp:

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Chức vụ hiện nay tại SeABank: Phó Tổng Giám Đốc

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

- 08/2015- Nay Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 03/2014- 07/2015 Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Khách hàng đặc biệt - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
- 12/2012-3/2014 Trưởng phòng Phòng Khách hàng đặc biệt, Ngân hàng - Ngoại thương Việt Nam
- 06/1997-12/2012 Phó phòng Phòng Hối đoái - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
- 07/1995- 06/1997 Phó phòng Phòng Ngân hàng Đại lý - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
- 04/1994-07/1995 Cán bộ Phòng Quan hệ Quốc tế - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
- 12/1988-04/1994 Cán bộ Phòng thanh toán Phi Mậu Dịch - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 72.251 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,006% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và điều lệ Ngân hàng SeABank.

Lợi ích liên quan đối với SeaBank: Không có

❖ **Ông NGUYỄN NGỌC QUỲNH - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: NGUYỄN NGỌC QUỲNH

Ngày tháng năm sinh: 05/10/1973

Số CMND, ngày cấp, nơi cấp:

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Học viện Ngân hàng

Chức vụ hiện nay tại SeABank: Phó Tổng Giám Đốc

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: - Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện

- Chủ tịch Công đoàn SeABank Hội sở.

Quá trình công tác:

- 2016 - nay Phó Tổng Giám đốc, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 12/2017 - nay Chủ tịch Công đoàn SeABank Hội sở
- 10/2018 - nay Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện
- 04/2004 - 05/2016 Trưởng Phòng/Giám đốc Khối Nguồn vốn & Kinh doanh tiền tệ - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 01/2001 -03/2004 Nhân viên - Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt nam
- 06/1996 -12/2000 Phó phòng huy động tiền gửi - Ngân hàng TMCP Châu Á Thái Bình Dương
- 10/1995 - 05/1996 Nhân viên - Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 2.841.732 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,235% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện và sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên tổ chức/cá nhân là người có liên quan	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1.	Công đoàn SeABank Hội sở	Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh là Chủ tịch Công đoàn	263.181	0,022%

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và điều lệ Ngân hàng SeABank.

Lợi ích liên quan đối với SeaBank: Không có

❖ **Ông HOÀNG MẠNH PHÚ - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: HOÀNG MẠNH PHÚ

Ngày tháng năm sinh: 18/02/1970

Số CMND, ngày cấp, nơi cấp:

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Học viện Ngân hàng

Chức vụ hiện nay tại SeABank: Phó Tổng Giám Đốc

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

- 06/2018 - Nay Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 06/2001 - 06/2018 Trưởng Phòng Kinh Doanh, Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng, Giám đốc Chi nhánh Láng Hạ, Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng, Giám đốc Khối Quản trị rủi ro, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 09/1996 - 06/2001 Cán bộ tín dụng, Phó Trưởng Phòng Tín dụng, Ngân hàng TMCP Châu Á - Thái Bình Dương

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 2.791.686 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,231% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và điều lệ Ngân hàng SeABank.

Lợi ích liên quan đối với SeaBank: Không có

❖ **Ông NGUYỄN TUẤN CƯỜNG - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: NGUYỄN TUẤN CƯỜNG

Ngày tháng năm sinh: 03/04/1965

Số CMND, ngày cấp, nơi cấp:

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ thông tin

Chức vụ hiện nay tại SeABank: Phó Tổng Giám Đốc

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

- 12/2012 - Nay Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 08/2012 - 12/2012 Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin hàm Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng máy chủ và an ninh hệ thống - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 04/2010 - 08/2012 Giám đốc Trung tâm Công nghệ Thông tin kiêm giữ chức vụ Trưởng phòng Quản trị và An ninh hệ thống - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 01/2009 - 03/2010 Giám đốc Trung tâm Công nghệ Thông tin - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 01/2005 - 12/2008 Cán bộ Điện toán, Phó trưởng phòng Điện toán, Trưởng phòng Điện toán - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Trước năm 2005 Quản trị mạng - Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB)
- Trước năm 2005 Lập trình viên tại Công ty Kapdion (Đức) và một số công ty trong thời gian tu nghiệp tại Cộng hòa Áo

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 82.182 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,007% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và điều lệ Ngân hàng SeABank.

Lợi ích liên quan đối với SeABank: Không có

❖ **Bà ĐẶNG THU TRANG - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: ĐẶNG THU TRANG

Ngày tháng năm sinh: 29/09/1981

Số CMND, ngày cấp, nơi cấp:

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật Kinh tế, Đại học Luật Hà Nội

Chức vụ hiện nay tại SeABank: Phó Tổng Giám Đốc

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

- 01/2020 - Nay Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

- 04/2018 - 01/2020 Giám đốc VP HĐQT kiêm nhiệm Giám đốc VP Ban TGD - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.
- 07/2013 - 04/2018 Trưởng VP HĐQT hàm Phó Giám đốc Nhân sự - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.
- 10/2006 - 07/2013 Thư ký HĐQT, Phó chánh VP HĐQT, Trưởng VP HĐQT, Trưởng Văn phòng Ban TGD - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.
- 06/2005 - 10/2006 Cán bộ Pháp chế - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 100.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và điều lệ Ngân hàng SeABank.

Lợi ích liên quan đối với SeABank: Không có

12.3. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của SeABank, thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Bảng 39. Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Bà Đoàn Thị Thanh Hương	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Vũ Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Nguyễn Thị Phượng	Thành viên Ban Kiểm soát

❖ Bà ĐOÀN THỊ THANH HƯƠNG - Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên: ĐOÀN THỊ THANH HƯƠNG

Ngày tháng năm sinh: 24/06/1973

Số CMND, ngày cấp, nơi cấp:

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện nay tại SeABank: Trưởng Ban Kiểm soát

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

- Từ 2013 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

- Từ /2013 - 4/2018: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 04/2006 - 2013: Trưởng phòng Kế toán - Công ty CP Chuyển phát nhanh Tín Thành
- Từ 11/2004 - 04/2006: Trưởng phòng Kế toán - Công ty CP Vĩnh Tường
- Từ 06/2002 - 10/2004: Trưởng phòng Kế toán - Công ty TNHH Viễn Đông II
- Từ 01/1994 - 05/2002: Trưởng phòng Kế toán, Nhân viên Kế toán - Công ty In Thương mại - Bộ Thương Mại
- Từ 1989 - 1993: Sinh viên - Trường Đại học Thương mại Hà Nội

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và điều lệ Ngân hàng SeABank.

Lợi ích liên quan đối với SeaBank: Không có

❖ **Bà VŨ THỊ NGỌC QUỲNH - Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên: VŨ THỊ NGỌC QUỲNH

Ngày tháng năm sinh: 26/12/1975

Số CMND, ngày cấp, nơi cấp:

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại SeABank: Thành viên Ban Kiểm soát

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc - Công ty TNHH Thương mại Vượng Tiến

Quá trình công tác:

- Từ 03/2012 - Nay: Thành viên BKS - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 11/2013 - Nay: Giám đốc - Công ty TNHH thương mại Vượng Tiến
- Từ 01/2012 - 03/2012: Kinh doanh tự do
- Từ 08/2007 - 03/2012: Kế toán trưởng - Công ty CP Phát triển TN
- Từ 10/1997 - 07/2007: Kế toán tổng hợp - Công ty Liên Doanh TNHH Hải Hà KoToBuKi

- Từ 09/1993 - 10/1997: Sinh viên - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,002% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên tổ chức/cá nhân là người có liên quan	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1.	Công ty TNHH thương mại Vượng Tiến	Bà Vũ Thị Ngọc Quỳnh là Giám đốc Công ty	53.047.184	4,388%

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và điều lệ Ngân hàng SeABank.

Lợi ích liên quan đối với SeaBank: Không có

❖ **Bà NGUYỄN THỊ PHƯỢNG - Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên: NGUYỄN THỊ PHƯỢNG

Ngày tháng năm sinh: 25/08/1977

Số CMND, ngày cấp, nơi cấp:

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện nay tại SeABank: Thành viên Ban Kiểm soát

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

- Từ 2003 - Nay: Thành viên BKS - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 2000 - 2003: Kiểm soát viên kế toán tài chính, Kế toán viên - Công ty CP Dịch vụ du lịch Thủy Tiên
- Từ 1995 - 1999: Sinh viên - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,002% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Theo quy định pháp luật hiện hành và điều lệ Ngân hàng SeABank.
Lợi ích liên quan đối với SeaBank:	Không có

12.4. Kế toán trưởng

❖ **Bà NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG - Kế toán trưởng**

Họ và tên:	NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG
Ngày tháng năm sinh:	05/10/1977
Số CMND, ngày cấp, nơi cấp:	
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế, Học viện Tài chính
Chức vụ hiện nay tại SeABank:	Kế toán Trưởng
Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Quá trình công tác:	
• 07/2017 - nay	Giám đốc Báo cáo và Kế toán tổng hợp kiêm Kế toán Trưởng - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
• 05/2013 - 07/2017	Chuyên viên, Phó Phòng Kiểm toán nội bộ - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
• 07/2007 - 05/2013	Chuyên viên, Phó Phòng Kiểm toán nội bộ, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
• 05/2000 - 07/2007	Nhân viên, kiểm toán viên, Công ty Kiểm toán AASC
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:	
• Sở hữu cá nhân:	8.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,001% vốn điều lệ
• Sở hữu đại diện:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
• Sở hữu của người có liên quan:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Các khoản nợ đối với SeABank:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Theo quy định pháp luật hiện hành và điều lệ Ngân hàng SeABank.
Lợi ích liên quan đối với SeaBank:	Không có

13. Tài sản

13.1. Tài sản cố định

Tài sản cố định của SeABank tại 31/12/2019 và 30/09/2020 như sau:

Bảng 40. Tài sản cố định (hợp nhất)

(Đơn vị: triệu đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2019			30/09/2020		
	Nguyên giá	GTCL	GTCL/ Nguyên giá (%)	Nguyên giá	GTCL	GTCL/ Nguyên giá (%)
TSCĐ hữu hình	630.071	211.740	33,61%	651.552	208.957	32,07%
Nhà cửa, vật kiến trúc	18.249	14.710	80,61%	18.128	14.081	77,68%
Máy móc, thiết bị	289.466	115.093	39,76%	306.629	117.677	38,38%
Phương tiện vận tải	217.576	60.671	27,88%	222.023	58.189	26,21%
Thiết bị văn phòng	93.512	19.181	20,51%	92.358	16.318	17,67%
TSCĐ khác	11.268	2.085	18,50%	12.414	2.691	21,68%
TSCĐ vô hình	696.981	558.832	80,18%	730.892	574.326	78,58%
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	396.100	396.100	100,00%	377.996	377.996	100,00%
Phần mềm máy tính	300.881	162.732	54,09%	352.896	196.330	55,63%
Tổng cộng	1.327.052	770.572	58,07%	1.382.444	783.283	56,66%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC hợp nhất quý III.2020 của SeABank)

Bảng 41. Tài sản cố định (Ngân hàng mẹ)

(Đơn vị: triệu đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2019			30/09/2020		
	Nguyên giá	GTCL	GTCL/ Nguyên giá (%)	Nguyên giá	GTCL	GTCL/ Nguyên giá (%)
TSCĐ hữu hình	625.335	210.945	33,73%	648.173	208.339	32,14%
Nhà cửa, vật kiến trúc	18.249	14.710	80,61%	18.127	14.082	77,69%
Máy móc, thiết bị	289.248	114.947	39,74%	306.412	117.547	38,36%
Phương tiện vận tải	215.859	60.605	28,08%	221.662	58.190	26,25%
Thiết bị văn phòng	90.711	18.674	20,59%	89.557	15.830	17,68%
TSCĐ khác	11.268	2.009	17,83%	12.414	2.691	21,68%

Chỉ tiêu	31/12/2019			30/09/2020		
	Nguyên giá	GTCL	GTCL/ Nguyên giá (%)	Nguyên giá	GTCL	GTCL/ Nguyên giá (%)
TSCĐ vô hình	694.838	557.915	80,29%	728.729	573.620	78,71%
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	396.100	396.100	100,00%	377.995	377.995	100,00%
Phần mềm máy tính	298.738	161.815	54,17%	377.995	195.625	55,78%
Tổng cộng	1.327.052	770.572	58,07%	1.376.902	781.959	56,79%

(Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng lẻ quý III.2020 của SeABank)

❖ **Quyền sử dụng đất vô thời hạn thuộc TSCĐ vô hình**

Giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn 396,1 tỷ đồng phát sinh trong năm 2018 là quyền sử dụng đất khu đô thị mới - Ngã 5 sân bay Cát Bi, Hải Phòng. Đến 30/09/2020 giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn là 377,995 tỷ đồng, giảm 18,105 tỷ đồng so với 31/12/2018, là do UBND quận Ngô Quyền đã thu hồi 1 phần diện tích đất (265,1 m²) để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nút giao thông khác mức giữa đường Lê Hồng Phong với đường Nguyễn Bình Khiêm theo Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 8/7/2020 của UBND quận Ngô Quyền. Do đó, Ngân hàng ghi giảm giá trị quyền sử dụng đất tương ứng diện tích thu hồi. Thông tin về bất động sản thuộc sở hữu của SeABank tại 30/09/2020 như sau:

Bảng 42. Thông tin về bất động sản thuộc sở hữu SeABank

TT	Tên bất động sản	Địa chỉ	Tổng diện tích	Hình thức sử dụng/sở hữu	Giấy tờ pháp lý
1.	Quyền sử dụng đất khu đô thị mới- Ngã 5 sân bay Cát Bi	Phường Đằng Lâm, quận Hải An, TP Hải Phòng (nay là Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng)	5.534,9 m ²	Riêng	Quyền sử dụng đất thửa số: 06/20, tờ bản đồ số: 04

(Nguồn: SeABank)

13.2. Bất động sản đầu tư

Bảng 43. Số dư bất động sản đầu tư của SeABank tại ngày 30/09/2020

(Đơn vị: tỷ đồng)

TT	Chỉ tiêu	Riêng lẻ			Hợp nhất		
		Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1	Quyền sử dụng đất	-	-	-	218	1	217
2	Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-	31	7	24
	Bất động sản đầu tư	-	-	-	249	8	241

(Nguồn: SeABank)

Bảng 44. Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày 30/9/2020 (*)

TT	Tên TSCĐ	Loại TSCĐ	Diện tích (m ²)	Hiện trạng tài sản
1	Quyền sử dụng đất tại 357 Thụy Khuê, Hà Nội	BDS đầu tư - Quyền sử dụng đất	86,37	TS đầu tư kinh doanh
2	Quyền sử dụng đất số 3 Nguyễn Bình Khiêm, Hà Nội	BDS đầu tư - Quyền sử dụng đất	549,5	TS đang cho thuê
3	QSĐĐ tại Nghi Thu, Cửa Lò, Nghệ An	BDS đầu tư - Quyền sử dụng đất	305,7	TS đang cho thuê
4	QSĐĐ tại tổ 52, khu Hải Sơn 2, phường Cẩm Đông, thị xã Cẩm Phả, Quảng Ninh	Quyền sử dụng đất	185,3	TS đầu tư kinh doanh
5	QSĐĐ thửa 15 tờ bản đồ 52 tại Nghĩa Lập, Phù Khê, Từ Sơn, Bắc Ninh	Quyền sử dụng đất	212,1	TS đầu tư kinh doanh
6	QSĐĐ và TS gắn liền tại thửa số 48b, bản đồ 27, tại thôn Phú Hạ, xã Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	Quyền sử dụng đất	220,4	TS đầu tư kinh doanh
7	QSĐĐ thửa số 48A1, bản đồ 39, tại thôn Nam Hưng, An Phú, Mỹ Đức, Hà Nội	BDS đầu tư - Quyền sử dụng đất	335,1	TS đầu tư kinh doanh
8	Quyền sử dụng đất + nhà 373 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng	BDS đầu tư - Quyền sử dụng đất	211,5	TS đang cho thuê

(*) Tất cả các tài sản này thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản SeABank và hiện đang được quản lý, sử dụng đúng quy định.

(Nguồn: SeABank)

❖ **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần khi SeABank mua lại công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện (“PTF”) từ VNPT, phù hợp với quy định tại điều 10 Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng giá trị lợi thế thương mại là 712.055 triệu đồng, được phân bổ trong 10 năm. Số dư còn lại chưa phân bổ tại các thời điểm

31/12/2018, 31/12/2019 và 30/09/2020 lần lượt là 694.254 triệu đồng; 623.048 triệu đồng; và 569.644 triệu đồng.

Bảng 45. Giá trị lợi thế thương mại qua các năm của SeABank

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Tổng giá trị lợi thế thương mại ("LTTM")	712.055	712.055	712.055
2	Thời gian phân bổ (năm)	10	10	10
3	Giá trị LTTM chưa phân bổ đầu năm	-	694.254	623.048
-	LTTM phát sinh trong năm	712.055	-	-
-	Lợi thế thương mại giảm trong năm	17.801	71.206	53.404
Tổng giá trị LTTM chưa phân bổ cuối kỳ		694.254	623.048	569.644

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC hợp nhất quý III.2020 của SeABank)

❖ **Tài sản nhận gán nợ**

Danh mục tài sản nhận gán nợ của SeABank như sau:

Bảng 46. Danh mục tài sản nhận gán nợ

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	Số dư 31/12/2019	Số dư 31/12/2018	Ghi chú
Khu nhà ở Anh Dũng, Hải Phòng	111.770	111.770	Đang thực hiện phân lô để bán
02 căn hộ chung cư, Khu Chung cư Cao tầng NC2, Dự án Khu đô thị mới Cầu Bươu, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội	3.354	3.384	
01 BĐS tại Thôn 6, Phú Cát, Quốc Oai, TP. Hà Nội	1.643	1.643	Đang rao bán
01 BĐS tại Hà Đông, TP. Hà Nội	1.556	-	Đang rao bán
01 QSDĐ Ngô Quyền, Hà Đông, TP. Hà Nội	3.408	-	Đang rao bán
01 QSDĐ tại Nam Tân, Uông Bí, Quảng Ninh	850	-	Đang rao bán
Nhà 560 Nguyễn Văn Cừ, TP. Hà Nội	50.000	50.000	Đang rao bán
Tòa nhà N02 - N04 - N05, Dự án Khu Nhà ở Cao tầng phường Bồ Đề, Quận Long Biên, TP. Hà Nội (Berriver)	868.573	867.319	Đang triển khai xây dựng dự án để bán
Tổng cộng	1.041.154	1.034.116	

(Nguồn: SeABank)

Các tài sản thường xuyên được đánh giá và tiếp tục thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định (rao bán, triển khai xây dựng để bán ...) để có thể thu hồi nợ cho Ngân hàng.

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

14.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 47. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với TH năm 2019	Kế hoạch	% tăng giảm so với KH năm 2020
Thu nhập lãi thuần (triệu đồng)	2.894.569	3.495.436	20,76%	4.019.863	15,00%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	1.098.452	1.205.693	9,76%	1.639.398	35,97%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Thu nhập lãi thuần	37,95%	34,49%	-9,12%	40,78%	18,24%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	11,43%	10,10%	-11,64%	10,77%	6,63%
Cổ tức (*)	14,00%	n/a	-	n/a	-

(Nguồn: SeABank)

Bảng 48. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo (Ngân hàng mẹ)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với TH năm 2019	Kế hoạch	% tăng giảm so với KH năm 2020
Thu nhập lãi thuần (triệu đồng)	2.878.402	3.495.436	21,44%	3.949.863	13,00%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	1.151.776	1.316.693	14,32%	1.710.398	29,90%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Thu nhập lãi thuần	40,01%	37,66%	-5,87%	42,55%	12,98%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	11,98%	11,00%	-8,18%	11,00%	-
Cổ tức (*)	14,00%	n/a	-	n/a	-

(Nguồn: SeABank)

(*) Ngân hàng đã thực hiện thủ tục chi trả cổ tức năm 2019 thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 14% đồng thời Ngân hàng đã thực hiện phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ phát hành 15,0212%. Tổng tỷ lệ phát hành là 29,0212%. Ngân hàng đã hoàn thành trả cổ tức bằng cổ phiếu tháng 09/2020 và hoàn thành việc phát hành cổ phiếu ra công chúng trong tháng 10/2020 tăng vốn điều lệ lên 12.087,4 tỷ đồng.

(**) ĐHĐCĐ chưa thông qua kế hoạch chi trả cổ tức cho năm 2020 và 2021.

14.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Với trên 26 năm hoạt động trong lĩnh vực Ngân hàng, SeABank đã đạt được các kết quả kinh doanh và phát triển ấn tượng, đặc biệt là trong những năm gần đây. Giai đoạn 2018-2020 mức vốn điều lệ tăng lên gấp 121,16% từ mức 5.465,8 tỷ đồng đầu tháng 12/2018 lên đến 12.087,4 tỷ đồng tháng 10/2020. Trong năm 2019, SeABank đã xử lý toàn bộ trái phiếu đặc biệt tại VAMC và trích đầy đủ dự phòng rủi ro theo quy định, chất lượng tín dụng của Ngân hàng vẫn luôn được đảm bảo và kiểm soát chặt chẽ, tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN tại 31/12/2019 là 2,02%. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu giai đoạn 2018-2020 luôn đạt trên 11%. Tỷ lệ nợ xấu luôn dưới 3%, tỷ lệ nợ xấu tại 31/10/2020 là 1,86%, tỷ lệ nợ quá hạn là 2,01%.

Tháng 10/2019, Thống đốc NHNN phê duyệt cho SeABank được áp dụng trước thời hạn Thông tư 41/2016/TT-NHNN - trụ cột 1 và 3 của Basel II - công nhận đạt chuẩn về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo chuẩn mực quốc tế Basel II. Đến tháng 7/2020, SeABank đã hoàn thành trụ cột 2 của Basel II - Quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP). SeABank là ngân hàng thứ 5 tại Việt Nam hoàn thành cả 3 trụ cột Basel II.

Việc hoàn thành sớm Basel II khẳng định khả năng, tiềm lực của SeABank đối với công tác quản trị rủi ro cũng như cho thấy khả năng tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế của Ngân hàng. Không dừng lại ở đó, Ngân hàng đang tiếp tục từng bước thực hiện mục tiêu tiệm cận với những thông lệ quốc tế toàn diện hơn, bao gồm Basel II IRB, IFRS 9 và Basel III. Hiện SeABank đã bước đầu đạt được những kết quả triển khai cho giai đoạn tiếp theo, từ đó khẳng định việc lựa chọn triển khai các thông lệ quốc tế là hoàn toàn phù hợp với năng lực và định hướng của SeABank.

Thêm vào đó trong năm 2019, NHNN đã quyết định lựa chọn SeABank là 1 trong 4 ngân hàng đầu tiên thực hiện thanh toán ngoại tệ trên hệ thống Citad, cùng với SGD NHNN, Ngân hàng Kookmin và Ngân hàng Malayan Banking Berhad. Trong đó, SeABank là ngân hàng TMCP duy nhất và cũng là đơn vị duy nhất được cấp 2 mã giao dịch cho Hội sở và CN HCM. Tháng 3/2020, SeABank đã nâng cấp toàn diện hệ thống Citad để tiếp nhận và xử lý giao dịch thanh toán liên Ngân hàng theo chuẩn IBPS mới (từ IBPS 2.0 lên IBPS 2.5). SeABank đã tiến hành xây dựng và nâng cấp thành công hệ thống AIP về xử lý giao dịch tiền tệ về, bổ sung nhiều tính năng, tiện ích theo chuẩn kết nối mới.

SeABank nâng cấp thành công hệ thống ngân hàng lõi T24 Corebanking lên phiên bản R18 - phiên bản hiện đại nhất thế giới hiện nay. Năm 2020, R18 tiếp tục được nâng cấp và bổ sung nhiều tính năng quan trọng, phù hợp với quy mô, mức độ phức tạp hoạt động và yêu cầu quản trị, điều hành.

Các kết quả đạt được trong các năm qua cho thấy sự đúng đắn về quản trị, chiến lược phát triển và định hướng kinh doanh của SeABank.

Năm 2020, dịch viêm đường hô hấp cấp Covid-19 hoành hành tác động mạnh đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu và khu vực cũng như kinh tế Việt Nam. Trong bối cảnh đó, SeABank vẫn tiếp tục đạt được những thành tích đáng kể, ước tính lợi nhuận sau thuế cả năm 2020 là 1.205,69 tỷ đồng đạt 100% kế hoạch đề ra nhờ quản trị rủi ro tốt và có các biện pháp phòng ngừa thích hợp để đối mặt với khó khăn như hỗ trợ khách hàng về thời hạn trả nợ, lãi suất, giảm phí, các chính sách tín dụng phù hợp, đồng thời đề ra các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt.

Năm 2021, lợi nhuận của ngân hàng mẹ và các công ty con tiếp tục đến từ hoạt động kinh doanh, cho vay, hoạt động thu phí dịch vụ và các khoản thu ngoài lãi từ các hoạt động chủ yếu như hoạt động bảo hiểm, thu phí từ dịch vụ gia tăng từ tài khoản khách hàng, từ kênh giao dịch điện tử, dịch vụ thẻ; thu hút dòng tiền huy động không kỳ hạn để giảm chi phí vốn và tối ưu hóa/tiết kiệm chi phí hoạt động của hệ thống.

SeABank dự kiến thu nhập lãi và lợi nhuận hợp nhất năm 2021 tăng trưởng cao hơn so với tăng trưởng của Ngân hàng mẹ do hoạt động của công ty con dự kiến tăng trưởng tốt hơn trong năm 2021. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế hợp nhất kế hoạch 2021 thấp hơn lợi nhuận ngân hàng mẹ do cần bù đắp khoản phân bổ lợi thế thương mại hợp nhất hàng năm của công ty con.

Trong năm 2021, SeABank dự kiến tiếp tục mở rộng mạng lưới kinh doanh thông qua việc hợp tác, khai thác hệ sinh thái của các đối tác chiến lược. SeABank dự kiến thu lãi thuần năm 2021 tăng trưởng 15%. Dự kiến thu thuần ngoài lãi năm 2021 của SeABank tăng trưởng mạnh so với năm 2020 đạt mức tăng 50%. Thêm vào đó, SeABank tiếp tục quản trị chặt chẽ nợ quá hạn, dùng các biện pháp để thu hồi các khoản nợ quá hạn và tiếp tục tối ưu, tiết giảm chi phí hoạt động, giảm tỷ lệ chi phí hoạt động trên tổng thu nhập từ 51% xuống 48,5%. Do đó, lợi nhuận sau thuế hợp nhất của SeABank năm 2021 dự kiến tăng trưởng 35,97% so với năm 2020.

Ngoài ra, trong thời gian tới, SeABank tiếp tục thực thi các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, cải thiện hiệu quả vận hành và tiết giảm chi phí, đồng thời triển khai các dự án có đối tác tư vấn nước ngoài để tăng cường năng lực quản trị nội bộ các mảng như quản lý rủi ro, công nghệ thông tin, quản trị nhân lực. Mục tiêu kinh doanh của SeABank trong năm 2021-2022 như sau:

- Tập trung và đẩy mạnh thu phí dịch vụ và các khoản thu ngoài lãi;
- Cải thiện biên độ sinh lời phân khúc/sản phẩm; tập trung phát triển sản phẩm mới/sản phẩm đặc thù có hiệu quả và có khả năng sinh lời cao, phù hợp với nhu cầu khách hàng;
- Tối ưu hóa chi phí hoạt động, tập trung đầu tư các dự án công nghệ trọng điểm, các tiện ích tích hợp trên nền tảng công nghệ, hướng tới nền tảng digital banking và chiến lược hội tụ số;
- Đa dạng hóa sản phẩm cho vay, phát triển các sản phẩm cho vay tín chấp;
- Tăng chất lượng tài sản và quản trị chặt chẽ nợ xấu; xử lý triệt để nợ xấu cần xử lý;
- Tăng trưởng dư nợ tín dụng phù hợp với chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng theo định hướng của SeABank và phù hợp với quy định của NHNN. Đồng thời, tập trung phát triển sản phẩm có margin sinh lợi cao và các sản phẩm mới dư nợ tín chấp Khách hàng cá nhân;
- Bám sát tình hình tăng trưởng tín dụng để điều chỉnh kế hoạch huy động vốn phù hợp. Thực hiện chính sách huy động dựa trên nhu cầu sử dụng vốn, đảm bảo cân đối được nhu cầu giải ngân, đảm bảo thanh khoản và thu hẹp dần chênh lệch kỳ hạn giữa cho vay và huy động;

Song song với các mục tiêu trên tại các thị trường đang khai thác, SeABank cũng sẽ mở thêm chi nhánh, phòng giao dịch tại những địa bàn có tiềm năng kinh doanh.

14.3. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được ĐHCĐ, HĐQT thông qua

(Các dự án đang được SeABank triển khai được trình bày chi tiết tại mục 6.4)

14.4. Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Năm 2020, SeABank đã hoàn thành kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 12.087,4 tỷ đồng thông qua hình thức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu 14% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu 15,0212%. Trong giai đoạn tới, tùy tình hình thực tế, SeABank sẽ có kế hoạch tăng vốn trình Đại hội đồng cổ đông thông qua, nhằm nâng cao năng lực tài chính, nâng cao các chỉ số an toàn vốn, đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh ngân hàng và gia tăng lợi ích cho các cổ đông.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Asean Securities đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu và phân tích về hoạt động kinh doanh của SeABank cũng như về các lĩnh vực kinh doanh mà Ngân Hàng đang hoạt động.

Đầu năm 2020, sự bùng phát của đại dịch Covid-19 trên phạm vi toàn cầu khiến kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam bị tác động nghiêm trọng. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III tăng 2,62% so với cùng kỳ năm trước, sau khi chỉ tăng trưởng 0,39% trong quý II đã cho thấy dấu hiệu khởi sắc của nền kinh tế. Đây là kết quả khá tích cực trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm. Mặc dù Việt Nam vẫn còn phải đối mặt với những khó khăn, thách thức tiềm ẩn, nhưng nền kinh tế được kỳ vọng vẫn tiếp tục sáng hơn và tăng trưởng khá trong năm 2020-2021. Đây cũng chính là nền tảng vững chắc cho triển vọng ngành Ngân hàng trong thời gian tới.

Với mạng lưới rộng khắp, tiềm lực tài chính vững mạnh, nền tảng công nghệ hiện đại và hệ thống quản trị chuyên nghiệp, SeABank không chỉ mang đến sự hài lòng cho khách hàng cá nhân mà còn đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng dịch vụ Tài chính - Ngân hàng của các doanh nghiệp, đặc biệt là các tập đoàn lớn với các gói giải pháp tài chính phù hợp. SeABank đã phê duyệt và thực hiện nhiều kế hoạch đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường khả năng cạnh tranh, trong bối cảnh nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng. Các kết quả đạt được trong năm 2020 của SeABank cho thấy SeABank hoàn toàn có thể đạt được kế hoạch lợi nhuận đã đề ra.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một Tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính chất tham khảo và nhà đầu tư sẽ tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Bảng 49. Các khoản công nợ tiềm ẩn và các cam kết tại 30/09/2020

Đơn vị: triệu VNĐ

STT	Chỉ tiêu	30/09/2020	31/12/2019
1	Bảo lãnh vay vốn	8.842	101.349
2	Cam kết giao dịch hối đoái		
	Cam kết mua ngoại tệ	2.535.655	3.999.584
	Cam kết bán ngoại tệ	4.869.679	3.373.657
	Cam kết mua hoán đổi ngoại tệ	25.161.890	55.137.961
	Cam kết bán giao dịch hoán đổi	15.782.103	51.524.978

STT	Chỉ tiêu	30/09/2020	31/12/2019
3	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	500.481	572.337
4	Bảo lãnh khác	4.229.148	4.653.959
5	Hợp đồng mua bán giấy tờ có giá	6.568.576	-
6	Hợp đồng hoán đổi lãi suất	9.468.403	4.987.983

(Nguồn: BCTC Quý III năm 2020 của SeABank)

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới SeABank mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

18. Thông tin khác

Khoản bảo lãnh (150.000.000.000 VNĐ) tại một Chi nhánh của SeABank do Bà Nguyễn Thị Hương Giang - nguyên Phó Tổng Giám đốc SeABank đã ký phát hành không có thẩm quyền và ngoài hệ thống sổ sách kế toán của SeABank cho CTCP Tập đoàn Vina Megastar. Khoản bảo lãnh này đã được Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm ban hành Quyết định số 19/2013/KDTM-ST ngày 17/10/2013 tạm đình chỉ giải quyết cho đến nay. Khoản bảo lãnh do sai phạm cá nhân, Ngân hàng không chịu bất kỳ tổn thất tài chính nào liên quan đến khoản bảo lãnh này.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

- Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số chứng khoán niêm yết:** 1.208.744.208 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết**

Tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của SeABank là: 134.325.442 cổ phiếu, cụ thể:

Lý do hạn chế chuyển nhượng	SLCP	Ghi chú
Theo quy định của pháp luật đối với tổ chức tín dụng và đối với tổ chức đăng ký niêm yết	129.121.977	Đã bao gồm 531.519 cổ phiếu ESOP do người nội bộ nắm giữ
Hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phiếu phát hành theo Chương trình ESOP năm 2018	1.667.025 (*)	Đã loại trừ 531.519 cổ phiếu ESOP do người nội bộ nắm giữ
Theo quy định của pháp luật đối với việc phân phối cổ phiếu chưa chào bán hết trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2020	3.536.440	
Tổng cộng	134.325.442	

(*) Chi tiết tại điểm b của mục này.

a. Hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật đối với tổ chức tín dụng và đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 của Quốc Hội ngày 16/6/2010: “Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ”.

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”.

Tổng số lượng cổ phiếu SeABank bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật là **129.121.977 cổ phiếu**, chi tiết như sau:

Bảng 50. Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của SeABank

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu/đại diện (*)	Thời gian hạn chế chuyển nhượng		
				Trong thời gian đương nhiệm vị trí HĐQT, BKS, TGD	Trong thời gian không còn đương nhiệm vị trí trong HĐQT, BKS, TGD nhưng vẫn thuộc đối tượng người nội bộ	
					06 tháng kể từ ngày NY (100% SLCP sở hữu)	06 tháng tiếp theo (50% SLCP sở hữu)
I HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG						
1.	Lê Văn Tần	Chủ tịch HĐQT	50.000	50.000	50.000	25.000
2.	Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT	-	-	-	-
	- Công ty TNHH Phát Triển và Đầu Tư Phú Mỹ	Đại diện sở hữu	79.354.069	79.354.069	79.354.069	39.677.035
3.	Lê Thu Thủy	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	35.033.557	35.033.557	35.033.557	17.516.779
4.	Khúc Thị Quỳnh Lâm	Phó Chủ tịch HĐQT	28.945	28.945	28.945	14.473
5.	Hoàng Minh Tân	Thành viên HĐQT	20.000	20.000	20.000	10.000
6.	Bùi Trung Kiên	Thành viên HĐQT	-	-	-	-
7.	Ngô Thị Nhài	Thành viên độc lập HĐQT	-	-	-	-

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu/đại diện (*)	Thời gian hạn chế chuyển nhượng		
				Trong thời gian đương nhiệm vị trí HĐQT, BKS, TGD	Trong thời gian không còn đương nhiệm vị trí trong HĐQT, BKS, TGD nhưng vẫn thuộc đối tượng người nội bộ	
					06 tháng kể từ ngày NY (100% SLCP sở hữu)	06 tháng tiếp theo (50% SLCP sở hữu)
8.	Lê Quốc Long	Phó Tổng Giám Đốc Thường trực	2.868.397	-	2.868.397	1.434.199
9.	Vũ Đình Khoán	Phó Tổng Giám Đốc	2.775.696	-	2.775.696	1.387.848
10.	Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám Đốc	2.792.281	-	2.792.281	1.396.141
11.	Trần Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám Đốc	72.251	-	72.251	36.126
12.	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Phó Tổng Giám Đốc	2.841.732	-	2.841.732	1.420.866
	- Công đoàn SeABank Hội sở	Đại diện sở hữu (Chủ tịch Công đoàn)	263.181	-	263.181	131.591
13.	Hoàng Mạnh Phú	Phó Tổng Giám Đốc	2.791.686	-	2.791.686	1.395.843
14.	Nguyễn Tuấn Cường	Phó Tổng Giám Đốc	82.182	-	82.182	41.091
15.	Đặng Thu Trang	Phó Tổng Giám Đốc	100.000	-	100.000	50.000
16.	Nguyễn Thị Hoài Phương	Kế toán Trưởng	8.000	-	8.000	4.000
17.	Đoàn Thị Thanh Hương	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-	-	-

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu/đại diện (*)	Thời gian hạn chế chuyển nhượng		
				Trong thời gian đang nhiệm vị trí HĐQT, BKS, TGD	Trong thời gian không còn đương nhiệm vị trí trong HĐQT, BKS, TGD nhưng vẫn thuộc đối tượng người nội bộ	
					06 tháng kể từ ngày NY (100% SLCP sở hữu)	06 tháng tiếp theo (50% SLCP sở hữu)
18.	Vũ Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên BKS	20.000	20.000	20.000	10.000
19.	Nguyễn Thị Phượng	Thành viên BKS	20.000	20.000	20.000	10.000
II CỔ ĐÔNG LỚN LIÊN QUAN VÀ TỔ CHỨC CÓ ĐẠI DIỆN SỞ HỮU LÀ NGƯỜI NỘI BỘ						
1.	Công ty TNHH Phát triển và Đầu tư Phú Mỹ	Cổ đông lớn có liên quan đến người nội bộ	79.354.069	79.354.069	79.354.069	39.677.035
2.	Công đoàn SeABank Hội sở	Cổ đông tổ chức có đại diện sở hữu là người nội bộ	263.181	-	263.181	131.591
Tổng cộng			129.121.977	114.526.571	129.121.977	64.560.992

Ghi chú: (*) Số lượng cổ phần sở hữu/đại diện này đã bao gồm cổ phiếu thuộc diện Chương trình ESOP năm 2018 do người nội bộ nắm giữ.

(Nguồn: SeABank)

b. Hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2018

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo Chương trình ESOP năm 2018 như sau:

Bảng 51. Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo Chương trình ESOP

Nội dung	SLCP bị hạn chế chuyển nhượng đến 27/12/2020 (*)	SLCP bị hạn chế chuyển nhượng đến 27/12/2021
Cổ phiếu ESOP không do người nội bộ nắm giữ	1.667.025	1.015.070
Cổ phiếu ESOP do người nội bộ nắm giữ, trong đó:	531.519	320.885
<i>Bà Lê Thu Thủy - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ</i>	<i>400.000</i>	<i>240.000</i>
<i>Ông Vũ Đình Khoán - Phó Tổng Giám đốc</i>	<i>15.835</i>	<i>9.715</i>
<i>Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Phó Tổng Giám đốc</i>	<i>16.902</i>	<i>10.369</i>
<i>Bà Trần Thị Thanh Thủy - Phó Tổng Giám đốc</i>	<i>36.000</i>	<i>22.400</i>
<i>Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh - Phó Tổng Giám đốc</i>	<i>15.650</i>	<i>9.601</i>
<i>Ông Hoàng Mạnh Phú - Phó Tổng Giám đốc</i>	<i>39.132</i>	<i>24.000</i>
<i>Bà Nguyễn Thị Hoài Phương - Kế toán trưởng</i>	<i>8.000</i>	<i>4.800</i>
Tổng cộng	2.198.544	1.335.955

(Nguồn: SeABank)

Ghi chú: (*) Đến thời điểm phát hành Bản cáo bạch, trong số 1.667.025 cổ phiếu ESOP không do người nội bộ nắm giữ bị hạn chế chuyển nhượng đến ngày 27/12/2020, có 651.955 cổ phiếu đã đủ điều kiện để chấm dứt hạn chế chuyển nhượng. SeABank sẽ thực hiện các thủ tục theo quy định với VSD để chuyển số cổ phiếu nêu trên sang loại tự do chuyển nhượng. Cổ phiếu ESOP do người nội bộ nắm giữ sẽ tiếp tục bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và/hoặc cam kết nắm giữ khi đăng ký niêm yết theo quy định của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP.

5. Xếp hạng tín nhiệm

SeABank là một trong những ngân hàng thành lập sớm nhất và nằm trong Top 15 những Ngân hàng TMCP tư nhân có tổng tài sản lớn nhất tại Việt Nam, xếp hạng 70/500 doanh nghiệp tư nhân nộp thuế lớn nhất Việt Nam theo Vietnam Profit 500 và thứ 72/500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam trên bảng xếp hạng VNR500. The Asian Banker bình chọn SeABank xếp hạng 368/500 ngân hàng mạnh nhất và 400/500 ngân hàng lớn nhất châu Á - Thái Bình Dương.

Năm 2019 và 2020, SeABank được Moody's Investor Service (Moody's), Tổ chức xếp hạng tín nhiệm hàng đầu có trụ sở tại Mỹ, đánh giá cao năng lực tài chính, sự minh bạch trong hoạt động tín dụng và triển vọng của SeABank, xếp hạng tín nhiệm dài hạn SeABank ở mức B1.

Bảng 52. Xếp hạng của SeABank theo Moody's

Hạng mục	Xếp hạng của Moody's
Xếp hạng năng lực độc lập (BCA)	B2
Xếp hạng tiền gửi	B1
Xếp hạng đơn vị phát hành dài hạn	B1

(Nguồn: SeABank)

6. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu dự kiến của cổ phiếu trong ngày giao dịch đầu tiên được xác định dựa trên việc tham khảo kết quả xác định giá cổ phiếu của SeABank theo phương pháp so sánh giá cổ phần trên thu nhập bình quân của mỗi cổ phiếu (P/E), phương pháp so sánh giá cổ phần trên giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu (P/B) và phương pháp giá trị sổ sách.

Các ngân hàng so sánh được lựa chọn là các Ngân hàng hiện đang niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại Sở GDCK Tp. Hồ Chí Minh tính đến ngày 22/12/2020. Thị giá cổ phiếu của các ngân hàng được lấy tại thời điểm 22/12/2020. Tổng số cổ phiếu đang lưu hành được lấy tại thời điểm 22/12/2020 theo công bố của các Ngân hàng.

Hệ số P/E được tính bằng cách chia thị giá cổ phiếu cho thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS), EPS được tính theo 4 quý gần nhất (Quý IV/2019 và 9 tháng 2020).

Hệ số P/B được tính bằng cách chia thị giá cổ phiếu cho giá trị sổ sách (BVPS). Thị giá cổ phiếu của các ngân hàng được lấy tại thời điểm 22/12/2020, Giá trị sổ sách của các ngân hàng được tính toán tại thời điểm 30/09/2020 có điều chỉnh thêm phần vốn phát hành thêm bằng tiền đối với các ngân hàng có tăng vốn điều lệ bằng tiền sau thời điểm 30/09/2020.

Bảng 53. Thống kê các chỉ số tài chính của các ngân hàng trong 04 quý gần nhất tính đến 30/09/2020

TT	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày 22/12/2020 (đồng/cp)	EPS 4 quý gần nhất (đồng/cp)	BVPS 30/09/2020 điều chỉnh (*) (đồng/cp)	P/E (lần)	P/B (lần)
1	VCB	97.900	4.631	25.204	21,14	3,88
2	BID	46.850	2.111	19.454	22,19	2,41
3	CTG	34.800	2.948	22.225	11,80	1,57
4	VIB (*)	33.450	3.744	14.920	8,93	2,24
5	VPB	33.000	4.115	20.398	8,02	1,62
6	ACB	28.750	3.092	15.229	9,30	1,89
7	TCB (*)	29.200	3.253	20.029	8,98	1,46
8	HDB (*)	24.600	2.705	13.783	9,09	1,78
9	TPB (*)	27.600	3.481	15.294	7,93	1,80
10	MBB (*)	23.200	2.958	16.638	7,84	1,39

TT	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày 22/12/2020 (đồng/cp)	EPS 4 quý gần nhất (đồng/cp)	BVPS 30/09/2020 điều chỉnh (*) (đồng/cp)	P/E (lần)	P/B (lần)
11	STB	17.150	1.318	15.637	13,01	1,10
12	LPB (*)	12.900	1.568	12.809	8,23	1,01
13	EIB	19.650	695	13.500	28,27	1,46
		Bình quân			12,67	1,82

(*) Có điều chỉnh BVPS của một số ngân hàng thực hiện tăng vốn điều lệ sau thời điểm 30/09/2020

(Nguồn: BCTC Quý III/2020 hợp nhất của các Ngân hàng)

6.1. Phương pháp giá trị sổ sách mỗi cổ phần (BVPS)

Giá trị sổ sách của SeABank như sau:

Bảng 54. Giá trị sổ sách của SeABank

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	22/10/2020 (*)
Giá trị vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	8.301.505	10.925.842	13.205.366,08
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	768.800.000	936.900.000	1.208.744.208
Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu (đồng/CP)	10.798	11.662	10.925

(Nguồn: SeABank)

(*): Giá trị vốn chủ sở hữu tại 22/10/2020 là giá trị vốn chủ sở hữu tại 30/9/2020 cộng thêm giá trị cổ phiếu phát hành thêm là 1.406,78 tỷ đồng trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã hoàn thành tháng 10/2020. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành là số liệu đến thời điểm 22/10/2020, sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

6.2. Phương pháp so sánh giá cổ phần trên thu nhập bình quân của mỗi cổ phần (P/E)

Theo phương pháp này, giá của một cổ phiếu sẽ được tính theo công thức

$$P = EPS \times P/E \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)
- EPS: Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu, công thức tính như sau:

$$EPS = \text{Lợi nhuận sau thuế} \div \text{Tổng số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành}$$
- P/E bình quân là giá chia cho thu nhập cơ bản bình quân được tham chiếu từ các Ngân hàng đang niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại HOSE tính đến 22/12/2020.

Bảng 55. Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu của SeABank

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Lũy kế 4Q gần nhất tính đến 30/9/2020 (*)
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	493.346	1.098.452	1.449.539
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	768.800.000	936.900.000	1.208.744.208
Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu	642	1.172	1.199

(Nguồn: SeABank)

(*): Lợi nhuận sau thuế là số liệu của Quý IV/2019 và 3 Quý đầu năm 2020. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành là số liệu đến thời điểm 22/10/2020, sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

$$\begin{aligned}
 \text{Giá trị 1 cổ phiếu theo P/E} &= \text{Hệ số P/E bình quân} \times \text{EPS (SeABank)} \\
 &= 12,67 \times 1.199 \\
 &= 15.191 \text{ đồng}
 \end{aligned}$$

6.3. Phương pháp so sánh giá cổ phần trên giá trị sổ sách mỗi cổ phần (P/B)

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu sẽ được tính theo công thức:

$$P = \text{BVPS} \times \text{P/B bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
- BVPS: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu, công thức tính như sau:

$$\text{BVPS} = \text{Vốn chủ sở hữu} \div \text{Tổng số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành.}$$
- P/B bình quân là giá một cổ phần chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các Ngân hàng đang niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại HOSE tính đến 22/12/2020.

$$\begin{aligned}
 \text{Giá trị 1 cổ phiếu theo P/B} &= \text{Hệ số P/B bình quân} \times \text{BVPS (SeABank)} \\
 &= 1,82 \times 10.925 \\
 &= 19.884 \text{ đồng}
 \end{aligned}$$

6.4. Tổng hợp kết quả

Bảng 56. Giá trị sổ sách của SeABank

Phương pháp	Giá cổ phiếu (Pi) (đồng/cổ phiếu)	Trọng số (Wi)	Pi * Wi
So sánh hệ số P/E	15.191	20%	3.038
So sánh hệ số P/B	19.884	70%	13.918
Giá trị sổ sách tại 30/09/2020 (điều chỉnh tại 22/10/2020)	10.925	10%	1.093
Giá cổ phiếu tính theo trọng số			18.049

Phương pháp so sánh hệ số P/B phản ánh giá trị tài sản mà SeABank đang sở hữu. Tỷ lệ P/B cho biết nhà đầu tư phải chi trả bao nhiêu cho mỗi đơn vị tài sản của Công ty. Chỉ số P/B rất phù hợp trong việc xác định giá những doanh nghiệp có phần lớn tài sản có tính thanh khoản cao như các Ngân hàng, công ty Tài chính, Bảo hiểm và các công ty Đầu tư. Do vậy, SeABank ưu tiên sử dụng kết quả của phương pháp xác định giá này với trọng số 70%.

Phương pháp so sánh hệ số P/E thể hiện mối tương quan giữa hoạt động kinh doanh của SeABank so với các ngân hàng trên thị trường. Hệ số P/E cho thấy giá của cổ phiếu tại thời điểm xác định giá cao hơn thu nhập từ cổ phiếu đó bao nhiêu lần. Đến 22/12/2020 có một số Ngân hàng đã thực hiện tăng vốn điều lệ sau thời điểm 30/09/2020, do đó phần lợi nhuận tạo ra từ phần vốn mới tăng thêm chưa phản ánh đầy đủ vào giá trị thu nhập trên mỗi cổ phần của các Ngân hàng tại thời điểm so sánh. Vì vậy, SeABank sử dụng phương pháp hệ số P/E mang tính tham khảo và kết quả phương pháp này sẽ được sử dụng với trọng số là 20%.

Phương pháp giá trị sổ sách tại thời điểm 30/09/2020 của SeABank thể hiện giá trị tại một thời điểm xác định nên chưa phản ánh đầy đủ giá trị của SeABank. Sau ngày 30/09/2020, SeABank đã hoàn tất đợt tăng vốn điều lệ lên 12.087,4 tỷ đồng. Do chỉ số giá trị sổ sách bị pha loãng và không phản ánh đầy đủ giá trị thực tế của SeABank nên chúng tôi sử dụng phương pháp này với trọng số là 10%.

6.5. Giá tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên

Trên cơ sở kết hợp các phương pháp xác định giá trên, mức giá tính toán theo các phương pháp trên là **18.049** đồng/cổ phần.

Mức giá tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu SeABank sẽ do Hội đồng quản trị SeABank quyết định phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo Quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của SeABank, nhà đầu tư nước ngoài có quyền chuyển nhượng cổ phần SeABank theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp cổ phiếu SeABank được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán, việc chuyển nhượng sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của Sở Giao dịch chứng khoán có liên quan.

Căn cứ theo Khoản 2, Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.

Căn cứ theo Điều 7 Nghị định 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014 quy định về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng tại Việt Nam như sau:

- (i) Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một cá nhân nước ngoài không được vượt quá 5% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.
- (ii) Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài không được vượt quá 15% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 7 của Nghị định này.
- (iii) Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.
- (iv) Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.
- (v) Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 30% vốn điều lệ của một ngân hàng thương mại Việt Nam. Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng phi ngân hàng Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng, công ty niêm yết.
- (vi) Trong trường hợp đặc biệt để thực hiện cơ cấu lại tổ chức tín dụng yếu kém, gặp khó khăn, bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng, Thủ tướng Chính phủ quyết định tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài, một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng cổ phần yếu kém được cơ cấu lại vượt quá giới hạn quy định đối với từng trường hợp cụ thể.
- (vii) Tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài bao gồm cả phần vốn nhà đầu tư nước ngoài ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.
- (viii) Nhà đầu tư nước ngoài chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi của tổ chức tín dụng Việt Nam sang cổ phiếu phải đảm bảo tỷ lệ sở hữu cổ phần, điều kiện sở hữu cổ phần theo quy định tại Nghị định này.

Tại thời điểm lập Bản cáo bạch này, tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại SeABank là 0%.

8. Các loại thuế có liên quan

8.1. Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Ngân hàng thực hiện nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/12/2013 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Bắt đầu từ năm 2016, Ngân hàng áp dụng mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế của Ngân hàng.

Các báo cáo Thuế của Ngân hàng và các Công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên BCTC hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

8.2. Thuế Giá trị gia tăng

Thuế GTGT áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Ngân hàng thực hiện theo quy định của Luật Thuế GTGT năm 2008 và Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thuế suất Thuế GTGT mà Ngân hàng phải chịu là: Ngân hàng không chịu thuế GTGT đối với hoạt động tín dụng, chỉ chịu thuế 10% đối với hoạt động dịch vụ.

8.3. Thuế đối với nhà đầu tư cá nhân

✓ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Đối với nhà đầu tư trong nước: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

✓ Thu nhập từ cổ tức:

Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân, thu nhập từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ tức, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này, nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế.

8.4. Thuế đối với nhà đầu tư tổ chức

✓ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008; Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013, sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12; và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13

ngày 19/06/2013, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

- ✓ **Thu nhập từ cổ tức:** được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

Địa chỉ : Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84-24) 6275 3844

Fax: (84-24) 6275 3816

Website : <http://www.aseansc.com.vn>

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : Tầng 2, số 77-79 Đường Phó Đức Chính, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-28) 39330308

Fax: (84-28) 39330380

2. Tổ chức kiểm toán:

Đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018 và 2019:

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 6288 3568

Fax: (84-24) 6288 5678

Website: www.deloitte.com/vn

Đơn vị soát xét BCTC bán niên năm 2020:

CÔNG TY TNHH KPMG

Địa chỉ: Tầng 46, tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, tòa nhà 72 tầng, lô E6, đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3946 1600

Fax: (84-24) 3946 1601

Website: www.kpmg.com.vn

VII. GIỚI THIỆU CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN

❖ CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHUNG

1. Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
2. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/11/2014;
3. Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005;
4. Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
5. Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20/11/2014;
6. Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/06/2012;
7. Luật Công đoàn 12/2012/QH13 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20/06/2012;
8. Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 13/06/2019;
9. Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20/11/2015;
10. Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp;
11. Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
12. Các văn bản hướng dẫn thi hành.

❖ CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG

1. Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/06/2010;
2. Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20/11/2017;
3. Nghị định số 86/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định về mức vốn pháp định của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
4. Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/08/2017 về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước;
5. Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; (và các văn bản sửa đổi, bổ sung);
6. Quyết định số 479/2004/QĐ- NHNN ngày 29/04/2004 về việc ban hành hệ thống tài khoản kế toán của các tổ chức tín dụng (và các văn bản sửa đổi, bổ sung);

7. Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (và các văn bản sửa đổi, bổ sung);
8. Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
9. Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ban hành ngày 30/12/2016 của Thống đốc NHNN Quy định tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

❖ **CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LUẬT CHỨNG KHOÁN**

1. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;
2. Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010;
3. Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
4. Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP;
5. Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
6. Nghị định 108/2013/TT-CP ngày 23/09/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
7. Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 01/11/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
8. Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty đại chúng áp dụng đối với công ty đại chúng;
9. Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
10. Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015 hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
11. Thông tư số 202/2015/TT-BTC ngày 18/12/2015 hướng dẫn về niêm yết chứng khoán trên Sở Giao dịch chứng khoán;
12. Thông tư số 29/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi Thông tư số 202/2015/TT-BTC;
13. Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/08/2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh;
14. Quyết định số 85/QĐ-SGDHCM ngày 19/03/2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh;
15. Quyết định số 295/QĐ-SGDHCM ngày 30/07/2019 về việc sửa đổi bổ sung Quy chế niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

❖ **CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN THUẾ**

1. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 03/06/2008; sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 32/2013/QH13 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 19/06/2013;
2. Nghị định số 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/12/2013 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;
3. Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21/11/2007; sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2012/QH13 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22/11/2012;
4. Luật Thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 03/06/2008; sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2013/QH13 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 19/06/2013;
5. Luật số 71/2014/QH13 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về Thuế;
6. Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân;
7. Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/002/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;
8. Căn văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Nghị định có liên quan.

VIII. PHỤ LỤC

Phụ lục I:	Giấy phép hoạt động Ngân hàng Thương mại cổ phần, Quyết định của Ngân hàng Nhà nước chấp thuận đổi tên Ngân hàng; Quyết định của Ngân hàng Nhà nước chấp thuận sửa đổi vốn điều lệ
Phụ lục II:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Phụ lục III:	Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết chứng khoán
Phụ lục IV:	Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua việc niêm yết chứng khoán
Phụ lục V:	Điều lệ SeABank
Phụ lục VI:	Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 (riêng lẻ và hợp nhất)
Phụ lục VII:	Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 (riêng lẻ và hợp nhất)
Phụ lục VIII:	Thuyết minh Báo cáo bộ phận bổ sung BCTC kiểm toán 2018, 2019
Phụ lục IX:	Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2020 (riêng lẻ và hợp nhất).
Phụ lục X:	Báo cáo tài chính Quý III/2020 (riêng lẻ và hợp nhất).
Phụ lục XI:	Báo cáo kiểm toán thay đổi vốn điều lệ cho kỳ từ 01/01/2020 đến 23/12/2020

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG NAM Á



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


LÊ VĂN TÂN

TRƯỜNG BAN KIỂM SOÁT


ĐOÀN THỊ THANH HƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


LÊ THU THỦY

KẾ TOÁN TRƯỞNG


NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG



ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN



TỔNG GIÁM ĐỐC


LÊ THỊ THANH BÌNH

